

# CHỦ ĐỀ 1: THẾ GIỚI TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH

## BÀI 1: LIÊN HỢP QUỐC

### 1. Một số vấn đề cơ bản của Liên hợp quốc

#### a. Bối cảnh lịch sử và quá trình hình thành

##### \* Bối cảnh lịch sử

- Vào giai đoạn cuối của Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Đồng minh nhận thấy cần phải hợp tác để tiêu diệt Chủ nghĩa phát xít.
- Nhu cầu xác lập một tổ chức quốc tế để duy trì hòa bình và trật tự thế giới sau chiến tranh.

##### \* Quá trình hình thành: (1941-1945)

- 12/6/1941 Tại Luân Đôn Anh các nước Đồng minh ra bản tuyên bố cùng hợp tác trong cả chiến tranh và hòa bình.
- Ngày 1 - 1 -1942, tại Oa-sinh-ton (Mỹ), đại diện 26 nước chống phát xít, trong đó có Liên Xô, Mỹ, Anh đã kí bản Tuyên bố Liên hợp quốc, cam kết thành lập 1 tổ chức quốc tế...
- Cuối năm 1943: Hội nghị Tê-hê-ran diễn ra, ba nước Liên Xô, Mỹ, Anh khẳng định quyết tâm thành lập Liên hợp quốc.
- Từ 4/2 đến 11/2/1945, tại hội nghị I-an-ta (Liên Xô), Liên Xô, Mỹ, Anh thống nhất thành lập Liên Hợp Quốc.
- Từ ngày 25 - 4 -1945 đến ngày 26 - 6 - 1945, Hội nghị ở Xan Phran-xi-xcô với sự tham gia của đại diện 50 nước, thông qua Hiến chương Liên hợp quốc.
- 24/11/1945, các nước thành viên phê chuẩn Hiến Chương, Liên hợp quốc chính thức thành lập với 51 nước thành viên.

#### b. Mục tiêu, nguyên tắc hoạt động

##### Mục tiêu:

- Duy trì hòa bình an ninh thế giới.
- Thúc đẩy quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia.
- Hợp tác quốc tế trong việc giải quyết các vấn đề về an ninh kinh tế xã hội.
- Trung tâm điều hòa hành động của các quốc gia nhằm đạt được những mục tiêu chung.

##### Nguyên tắc:

- Bình đẳng về chủ quyền của tất cả các thành viên.
- Tôn trọng các nghĩa vụ quốc tế và luật pháp quốc tế.
- Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.
- Không đe dọa bằng vũ lực hoặc sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế.
- Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của các quốc gia.
- Không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia.

#### 2. Vai trò:

- Duy trì hòa bình, an ninh quốc tế.
- Thúc đẩy phát triển kinh tế thương mại...
- Đảm bảo quyền con người, phát triển văn hóa xã hội.

## BÀI 2: TRẬT TỰ THẾ GIỚI TRONG CHIẾN TRANH LẠNH

### 1. Quá trình hình thành và tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta

#### a. Sự hình thành Trật tự thế giới hai cực I-an-ta

- Chiến tranh thế giới thứ 2 bước vào giai đoạn kết thúc: 3 vấn đề quan trọng được đặt ra với các nước Đồng minh cần phải giải quyết.

+ Nhanh chóng đánh bại hoàn toàn chủ nghĩa phát xít.

+ Tổ chức lại thế giới sau chiến tranh

+ Phân chia quyền lợi giữa các nước thắng trận.

- Từ ngày 4 → 11/2/1945, tại I-an-ta (Liên Xô) diễn ra hội nghị giữa 3 cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh. Hội nghị đưa ra nhiều quyết định quan trọng:

+ Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật.

+ Thành lập tổ chức Liên hợp quốc để duy trì hoà bình và an ninh quốc tế.

+ Thoả thuận về việc phân chia phạm vi ảnh hưởng giữa các nước lớn...

**Châu Âu:** LX (Đông Đức, Đông Âu, Đông Béc-lin; Mỹ (Tây Âu, Tây Đức, Tây Béc-lin; Áo, Phần Lan là nước trung lập)...

**Châu Á:** Mỹ chiếm đóng NB; bán đảo Triều Tiên chia cắt; TQ trở thành quốc gia dân chủ; ĐNA, Nam Á, Tây Á thuộc phạm vi ảnh hưởng phương Tây ...

- Những quyết định của hội nghị đã trở thành khuôn khổ của một trật tự thế giới mới gọi là “trật tự thế giới hai cực I-an-ta”.

- Trật tự hai cực I-an-ta với đặc trưng nổi bật là thế giới chia thành 2 hệ thống đối lập nhau: TBCN do Mĩ đứng đầu và CNXH do Liên Xô đứng đầu.

#### b. Quá trình hình thành tồn tại của trật tự thế giới hai cực I-an-ta

- **Giai đoạn năm 1945 - đầu những năm 70 của thế kỷ XX:** xác lập và phát triển của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

+ Mỹ và phương Tây: thành lập tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây (NATO); kế hoạch Mác-san...

+ Liên Xô và Đông Âu: thành lập tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va (1955), hội đồng tương trợ kinh tế SEV...

+ Quan hệ quốc tế căng thẳng, vấn đề nước Đức, các cuộc chiến tranh cục bộ (Triều Tiên, Đông Dương)....

- **Giai đoạn đầu những năm 70 của thế kỷ XX đến năm 1991:** suy yếu và sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

+ Liên Xô và Mỹ đẩy mạnh đối thoại, kí các hiệp ước hạn chế vũ khí hạt nhân, hợp tca kinh tế, thương mại, KHKT.

+ Năm 1989: tại đảo Man-ta (Địa Trung Hải) Liên Xô và Mỹ cùng tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh

+ Chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ (1991) đã chấm dứt sự tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta

### 2. Nguyên nhân, tác động của sự sụp đổ trật tự thế giới hai cực I-an-ta

#### a. Nguyên nhân sụp đổ

- **Thứ nhất**, đối đầu căng thẳng đã khiến cho cả Xô – Mỹ đều bị tổn kém về tài chính, suy giảm kinh tế...

- **Thứ hai**, những chuyển biến theo hướng hoà dịu trong quan hệ giữa Đông Âu và Tây Âu, xu thế hòa hoãn, toàn cầu hóa và thành tựu của cách mạng công nghiệp lần thứ ba.
- **Thứ ba**, sự vươn lên nhanh chóng của các nước trên thế giới nhằm thoát khỏi ảnh hưởng của hai cực, thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc dẫn đến hàng loạt các quốc gia độc lập ra đời...
- **Thứ tư**, sự thay đổi trong cán cân kinh tế thế giới với sự vươn lên mạnh mẽ của Nhật Bản và các nước Tây Âu ...
- **Thứ năm**, cuộc khủng hoảng kinh tế-xã hội dẫn tới sự tan rã của Liên Xô, cùng với đó là sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

### **b. Tác động**

- **Thứ nhất**, mở ra chiều hướng và những điều kiện hòa bình để giải quyết các tranh chấp và xung đột....
- **Thứ hai**, sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta tạo điều kiện cho các quốc gia mới nổi có vị trí, vai trò lớn hơn trong quan hệ quốc tế
- **Thứ ba**, sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta dẫn đến sự hình thành một trật tự thế giới mới, trật tự đa cực.
- **Thứ tư**, sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta tác động không nhỏ đến vấn đề dân tộc, tôn giáo ở nhiều nơi trên thế giới, đặc biệt ở châu Âu.

## **BÀI 3: TRẬT TỰ THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH LẠNH**

### **1. Các xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh**

- Xu thế lấy phát triển kinh tế là trọng tâm
- Xu thế toàn cầu hóa
- Xu thế đối thoại, hợp tác trong quan hệ quốc tế.

### **2. Xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế**

#### **a. Khái niệm đa cực**

Đa cực là một thuật ngữ dùng để chỉ một trật tự thế giới có sự tham gia của nhiều nước, nhiều trung tâm, trong đó không một nước nào áp đảo cũng như chi phối sự phát triển của thế giới.

#### **b. Xu thế đa cực**

- Sự gia tăng sức mạnh, tầm ảnh hưởng và vị thế về kinh tế, chính trị, quân sự, đối ngoại... của các nước lớn như: Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Nhật Bản, một số nước thuộc Liên minh châu Âu (EU),...
- Sự suy giảm sức mạnh tương đối của Mỹ trong tương quan so sánh với các cường quốc khác.
- Vai trò ngày càng gia tăng của các trung tâm, tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế, khu vực. (G20, ASEAN, ASEM...)

## **PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN**

**Câu 1.** Đầu năm 1945, ý nào sau đây là vấn đề cấp bách đặt ra cho các nước Đồng minh chống phát xít?

- |  |   |
|--|---|
| A. Phân chia lại thuộc địa của các nước.   | B. Tổ chức lại thế giới sau chiến tranh.    |
| C. Thiết lập trật tự thế giới mới hai cực. | D. Phục hồi và phát triển kinh tế thế giới. |

**Câu 2.** Năm 1945, bản "Hiến chương" Liên hợp quốc được thông qua tại hội nghị nào sau đây?

- |                      |                               |
|----------------------|-------------------------------|
| A. Hội nghị I-an-ta. | B. Hội nghị Xan Phran-xi-xco. |
|----------------------|-------------------------------|

C. Hội nghị Pôt-xdam. D. Hội nghị Pa-ri. **Câu 3.** Tại Hội nghị Tê-hê-ran (1-ran, từ ngày 28-11 đến ngày 01-12-1943), ba cường quốc nào sau đây đã thoả thuận thiết lập một tổ chức quốc tế mới?

- A. Liên Xô, Mỹ, Anh. B. Đức, Anh, Mỹ.  
C. Trung Quốc, Anh, Mỹ. D. Nhật Bản, Mỹ, Đức.

**Câu 4.** Năm 1942, đại diện 26 nước Đồng minh họp tại Oa-sinh-tơn (Mỹ) đã kí văn kiện nào sau đây nhằm cam kết thành lập một tổ chức quốc tế để giữ gìn hoà bình thế giới sau chiến tranh?

- A. Hiệp ước cấm thử hạt nhân. B. Hiến chương Liên hợp quốc.  
C. Hiệp ước cấm phổ biến vũ khí hạt nhân. D. Tuyên bố Liên hợp quốc.

**Câu 5.** Trụ sở chính của Liên hợp quốc được đặt tại

- A. Niu - Oóc (Mỹ). B. Mát-xcơ-va (Liên bang Nga).  
C. Pa-ri (Pháp). D. Luân Đôn (Anh).

**Câu 6.** Nguyên tắc hoạt động “chung sống hòa bình và sự nhất trí giữa 5 cường quốc Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp, Trung Quốc” được Liên hợp quốc đề ra nhằm mục đích chính là

- A. đảm bảo quyền lợi của hai cường quốc Mỹ và Liên Xô.  
B. cân bằng quyền lực chính trị giữa hai cực Liên Xô, Mỹ.  
C. thực hiện thoả thuận trong hội nghị I-an-ta của Mỹ và Anh.  
D. ngăn chặn việc các cường quốc thao túng Liên hợp quốc.

**Câu 7.** Ý nào sau đây là mục tiêu cao nhất của Liên hợp quốc?

- A. Phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc.  
B. Thúc đẩy hợp tác quốc tế để phát triển kinh tế.  
C. Duy trì hoà bình và an ninh thế giới.  
D. Phát triển văn hóa-xã hội của các dân tộc.

**Câu 8.** Cơ quan nào của Liên hợp quốc chịu trách nhiệm chính trong việc duy trì hoà bình và an ninh thế giới?

- A. Đại hội đồng. B. Ban thư ký.  
C. Hội đồng bảo an. D. Tòa án quốc tế.

**Câu 9.** Nội dung nào sau đây là vai trò của Liên hợp quốc về bảo đảm quyền con người, phát triển văn hoá, xã hội?

- A. Giảm lãi suất cho vay ở hầu hết các nước phát triển.  
B. Tăng cường bình đẳng giới và vị thế, năng lực của phụ nữ.  
C. Cải thiện năng lực công nghệ thông tin.  
D. Hoàn thành phổ cập giáo dục đại học.

**Câu 10.** Cơ quan nào của Liên hợp quốc là tập hợp đại diện của tất cả các nước thành viên?

- A. Đại hội đồng. B. Ban Thư ký. C. Hội đồng bảo an. D. Toà án quốc tế.

**Câu 11.** UNESCO là tên viết tắt của tổ chức chuyên môn nào sau đây của Liên hợp quốc?

- A. Tổ chức Y tế thế giới.  
B. Tổ chức Lao động thế giới.  
C. Tổ chức Kinh tế thế giới.



**Câu 20.** Quyết định nào của hội nghị I-an-ta (2-1945) đã tạo điều kiện cho thực dân Pháp trở lại xâm lược Đông Dương?

- A. Liên Xô không được đưa quân đội vào Đông Dương.
- B. Anh, Mỹ mở đường cho Pháp chiếm lại Đông Dương.
- C. Đông Nam Á thuộc phạm vi ảnh hưởng của phương Tây.
- D. Quân đội Trung Hoa Dân quốc giải giáp phát xít Nhật.

**Câu 21.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, một trật tự thế giới mới được thiết lập thường được gọi là

- A. Trật tự thế giới đa cực.
- B. Trật tự thế giới đơn cực.
- C. Trật tự thế giới đơn cực I-an-ta.
- D. Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

**Câu 22.** Ý nào sau đây là mục tiêu của Mỹ khi phát động Chiến tranh lạnh (1947)?

- A. Đàn áp phong trào công nhân.
- B. Chống lại các lực lượng khủng bố ở châu Âu.
- C. Chống lại Liên Xô và các nước Đông Âu.
- D. Thiết lập khối kinh tế ở các nước Đông Âu.

**Câu 23.** Ý nào sau đây là biểu hiện của Chiến tranh lạnh?

- A. Các cuộc chiến tranh cục bộ diễn ra ở nhiều nơi.
- B. Trung Quốc và Liên Xô chạy đua vũ trang.
- C. Trung Quốc và Mỹ trở thành hai cực lớn nhất.
- D. Mỹ phát triển trở thành một cực duy nhất.

**Câu 24.** Tháng 12-1989, tại đảo Man-ta (Địa Trung Hải), hai nhà lãnh đạo G.Bu-sơ (Mĩ) và M.Goóc-ba-chốp (Liên Xô) đã chính thức tuyên bố điều nào sau đây?

- A. Chấm dứt chạy đua vũ trang.
- B. Hạn chế vũ khí hạt nhân huỷ diệt.
- C. Chấm dứt Chiến tranh lạnh.
- D. Giữ gìn hoà bình an ninh cho nhân loại.

**Câu 25.** Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và sự tan rã của Liên Xô đã tác động như thế nào đến quan hệ quốc tế?

- A. Trật tự thế giới đơn cực được xác lập.
- B. Trật tự thế giới hai cực I-an-ta sụp đổ.
- C. Mỹ trở thành bá chủ thế giới.
- D. Trật tự Véc-xai - Oa-sinh-ton sụp đổ.

**Câu 26.** Đặc điểm nổi bật trong quan hệ quốc tế từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945) đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX là gì?

- A. Hai siêu cường Mỹ – Liên Xô đối đầu gay gắt.
- B. Hoà bình, hợp tác trở thành xu thế chủ đạo.
- C. Các nước đều tập trung vào phát triển kinh tế.
- D. Hợp tác chính trị - văn hoá là xu thế chủ đạo.

**Câu 27.** Sự kiện nào sau đây đã đánh dấu Chiến tranh lạnh bao trùm cả thế giới?

- A. Sự ra đời của khối quân sự NATO và Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va.
- B. Sự ra đời của Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va.
- C. Mỹ thông qua “Kế hoạch Mác-san”.
- D. Sự ra đời của “Kế hoạch Mác-san” và khối quân sự NATO.



**Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau:**

Mục tiêu của việc thành lập Liên hợp quốc được quy định trong Điều 1 của Hiến chương Liên hợp quốc, nhằm bốn mục tiêu sau:

1. Duy trì hoà bình và an ninh quốc tế;
2. Thúc đẩy quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia trên cơ sở tôn trọng nguyên nguyên tắc dân tộc tự quyết; bình đẳng về quyền lợi giữa các dân tộc và nguyên tắc dân tộc tự quyết;
3. Thực hiện hợp tác quốc tế thông qua giải quyết các vấn đề quốc tế trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hoá và nhân đạo trên cơ sở tôn trọng các quyền con người quyền tự do cơ bản cho tất cả mọi người, không phân biệt chủng tộc, màu da, ngôn ngữ và tôn giáo;
4. Xây dựng Liên hợp quốc làm trung tâm điều hoà các nỗ lực quốc tế vì các mục tiêu chung.
  - a) Duy trì hoà bình và an ninh quốc tế.
  - b) Phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên cơ sở tôn trọng các quyền con người và quyền tự do cơ bản cho tất cả mọi người.
  - c) Thúc đẩy hợp tác quốc tế để giải quyết các vấn đề về kinh tế, xã hội, văn hoá, nhân đạo trên cơ sở tôn trọng quyền bình đẳng, quyền tự quyết dân tộc.
  - d) Trở thành trung tâm phối hợp mọi hành động của các dân tộc nhằm đạt được những mục tiêu nói trên.

**Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

"Duy trì hoà bình và an ninh quốc tế, và để đạt được mục đích đó, thi hành những biện pháp tập thể có hiệu quả để phòng ngừa và loại trừ các mối đe doạ hoà bình, cấm mọi hành vi xâm lược và phá hoại hoà bình khác; điều chỉnh hoặc giải quyết các vụ tranh chấp hoặc những tình thế có tính chất quốc tế có thể đưa đến sự phá hoại hoà bình, bằng biện pháp hoà bình theo đúng nguyên tắc của công lí và pháp luật quốc tế".

(Trích: Điều 1, Hiến chương Liên hợp quốc, ngày 24-10-1945)

- a) Đoạn tư liệu thể hiện mục tiêu của Liên hợp quốc là duy trì hoà bình và an ninh quốc tế phòng cho tất cả các quốc gia.
- b) Một trong những mục tiêu của Liên hợp quốc là giải quyết các vụ tranh chấp quốc tế bằng pháp luật của các quốc gia.
- c) Trong số các mục tiêu của Liên hợp quốc, duy trì hoà bình và an ninh quốc tế là mục tiêu được đặt lên hàng đầu.
- d) Ngày nay, Liên hợp quốc vẫn tiếp tục thực hiện mục tiêu giải quyết các vụ tranh chấp, xung đột quốc tế bằng biện pháp hoà bình.

**Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

"Tất cả các quốc gia thành viên Liên hợp quốc đều phải làm tròn những nghĩa vụ mà họ phải đảm nhận theo Hiến chương này để được bảo đảm hưởng toàn bộ các quyền và ưu đãi do tư cách thành viên mà có;

Tất cả các thành viên của Liên hợp quốc giải quyết các tranh chấp quốc tế của họ bằng biện pháp hoà bình, sao cho không tổn hại đến hoà bình, an ninh quốc tế và công lí".

(Trích: Điều 2, Hiến chương Liên hợp quốc, ngày 24-10-1945)

- a) Đoạn tư liệu thể hiện mục tiêu hoạt động cơ bản của Liên hợp quốc là các quốc gia làm tròn nghĩa vụ đối với tổ chức này.
- b) Đoạn tư liệu cho thấy một trong những nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc là các quốc gia thành viên thực hiện những nghĩa vụ đảm nhận theo Hiến chương Liên hợp quốc.

c) Đoạn tư liệu là văn bản pháp lí giúp Liên hợp quốc ngăn chặn được tất cả xung đột giữa các thành viên từ khi tổ chức này thành lập.

d) Một trong những nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc mà các nước thành viên phải tuân thủ là giải quyết mọi tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.

**Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

[Năm 1960] "Đại hội đồng Liên hợp quốc đã thông qua bản Tuyên ngôn về thủ tiêu hoàn toàn chủ nghĩa thực dân, trao trả độc lập cho các quốc gia và dân tộc thuộc địa. Đó là một sự kiện chính trị quan trọng. Như thế, Tuyên ngôn đã khẳng định các nước thực dân đã vi phạm nguyên tắc quan trọng nhất của luật pháp quốc tế; khẳng định rõ ràng cơ sở pháp lí quốc tế của cuộc đấu tranh giành độc lập của các dân tộc bị áp bức".

(Nguyễn Quốc Hùng, Nguyễn Hồng Quân, Liên hợp quốc và Lực lượng gìn giữ hoà bình Liên hợp quốc, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.46)

a) Liên hợp quốc đã đưa ra văn bản quan trọng nhằm thủ tiêu hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân trên thế giới.

b) Bản Tuyên ngôn của Liên hợp quốc đã có tác động tiêu cực đến phong trào đấu tranh giải phóng ở các nước thuộc địa và phụ thuộc trên thế giới.

c) Lực lượng gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc giúp tổ chức này thực thi nhiệm vụ bảo vệ nền hoà bình của các nước thuộc địa.

d) Đây là một trong những văn bản quan trọng thể hiện vai trò và đóng góp của Liên hợp quốc vì sự tiến bộ của nhân loại.

**Câu 5. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

"Bài học của thời kì Chiến tranh lạnh đã chứng tỏ phương thức quan hệ quốc tế lấy đối đầu chính trị - quân sự là chủ yếu không còn phù hợp, phải chịu nhiều tổn thất hoặc thất bại như hai nước Xô – Mỹ và một bị thương, một bị mất. Trong khi đó, phương thức lấy hợp tác và cạnh tranh về kinh tế - chính trị là chính lại thu được nhiều tiến bộ, kết quả như các nước Đức, Nhật và NICs. Sự hưng thịnh hay suy vong của một quốc gia quyết định bởi sức mạnh tổng hợp của quốc gia đó, mà chủ yếu là thực lực kinh tế và khoa học – kĩ thuật".

(Vũ Dương Ninh (Chủ biên), Một số chuyên đề lịch sử thế giới, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2001, tr.401)

a) Hợp tác về kinh tế – chính trị làm suy yếu tiềm lực phát triển của từng nước.

b) Tình trạng đối đầu về chính trị - quân sự của Mỹ và Liên Xô trong Chiến tranh lạnh khiến cho hai nước chịu nhiều tổn thất.

c) Thực lực kinh tế - văn hóa có vai trò quyết định đối với sự phát triển của một quốc gia.

d) Đoạn tư liệu thể hiện xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh.

**Câu 6. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

"Trật tự thế giới mới này được hình thành như thế nào, còn tùy thuộc ở nhiều nhân tố: Sự phát triển về thực lực kinh tế, chính trị, quân sự của các cường quốc Mỹ, Nga, Trung Quốc, Anh, Pháp, Nhật Bản, Đức trong cuộc chạy đua về sức mạnh quốc gia tổng hợp... Sự lớn mạnh của lực lượng cách mạng thế giới (sự thành bại của công cuộc cải cách, đổi mới ở các nước xã hội chủ nghĩa,...); Sự phát triển của cách mạng khoa học – kĩ thuật sẽ còn tiếp tục tạo ra những "đột phá" và biến chuyển trên cục diện thế giới".

(Nguyễn Anh Thái (Chủ biên), Lịch sử thế giới hiện đại, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2021, tr.424)

a) Đoạn tư liệu trên đề cập đến nội dung chính là Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

## 1

b) Anh, Pháp ngày càng trở thành những cực lớn nhất trong trật tự thế giới đa cực từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

c) Sự phát triển của cách mạng khoa học – kỹ thuật là một trong những nhân tố tác động đến sự hình thành trật tự thế giới mới.

d) Sức mạnh tổng hợp của các cường quốc Mỹ, Nga, Trung Quốc, Anh, Pháp, Nhật Bản, Đức sẽ góp phần định hình trật tự thế giới mới.

### ĐÁP ÁN CHỦ ĐỀ 1

1.B	2.B	3.A	4.D	5.A	6.D	7.C	8.C	9.B	10.A
11.D	12.A	13.B	14.B	15.D	16.A	17.C	18.C	19.B	20.C
21.D	22.C	23.A	24.C	25.B	26.A	27.A	28.A	29.C	30.A
31.C	32.D	33.A	34.C	35.C	36.C				
1.ĐSSĐ	2.SSĐĐ	3.SĐSĐ	4.ĐSSĐ	5.SĐSĐ	6.SSĐĐ				

## CHỦ ĐỀ 2: ASEAN NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ

### BÀI 4: SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á (ASEAN)

#### 1. Quá trình hình thành và mục đích thành lập tổ chức ASEAN

##### a. Quá trình hình thành tổ chức ASEAN

- Bối cảnh: ASEAN ra đời trong bối cảnh thế giới và khu vực có nhiều chuyển biến quan trọng:

+ Trên thế giới: xu hướng khu vực hoá bắt đầu xuất hiện và ngày càng trở nên phổ biến. Nhiều tổ chức khu vực được hình thành ở các châu lục và đã đạt được những thành công trong hợp tác khu vực như: Tổ chức các nước Trung Mỹ (OCAS, 1951), Khối thị trường chung châu Âu (EEC, 1957), Tổ chức Thống nhất châu Phi (OAU, 1963)... Những tổ chức đó là nguồn cổ vũ lớn đối với các nước Đông Nam Á.

+ Trong khu vực: Các nước có nhu cầu hợp tác với nhau để cùng phát triển kinh tế, xã hội, đồng thời tạo ra sức mạnh tập thể trong việc ứng phó với sự tranh giành ảnh hưởng giữa các nước lớn đối với khu vực.

Ngày 8 - 8 - 1967, Ngoại trưởng 5 nước: In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xin-ga-po và Thái Lan đã thông qua Tuyên bố ASEAN (còn gọi là Tuyên bố Băng Cốc), chính thức thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

##### b. Mục đích thành lập ASEAN

- Tăng cường hợp tác kinh tế, văn hoá, xã hội...
- Đông Nam Á trở thành khu vực hoà bình, thịnh vượng ...

#### 2. Hành trình phát triển của ASEAN

##### a. Từ ASEAN 5 (1967) đến ASEAN 10 (1999)

Ngày 8 - 8 - 1967, 5 nước sáng lập: In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xin-ga-po và Thái Lan

- 1984: gồm 6 thành viên, kết nạp thêm Bru-nây.
- 1995: gồm 7 thành viên, kết nạp thêm Việt Nam.
- 1997: gồm 9 thành viên, kết nạp thêm Lào và Mi-an-ma.
- 1999: gồm 10 thành viên, kết nạp thêm Cam-pu-chia.

ASEAN 10 sẽ tạo cơ sở cho các hoạt động của ASEAN sau này, đồng thời nâng cao vị thế của Hiệp hội trên trường quốc tế.

### **b. Các giai đoạn phát triển chính của ASEAN (từ 1967 đến nay)**

- 1967 – 1976: khởi đầu, tập trung phát triển cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động. Năm 1971, ra Tuyên bố về khu vực hòa bình, tự do, trung lập. 1976, Hiệp ước Ba-li đánh dấu bước ngoặt của ASEAN.

- 1976 – 1999: chính trị ổn định, tạo điều kiện phát triển và hợp tác kinh tế giữa các thành viên; mở rộng ASEAN 5 thành ASEAN 10; bước đầu mở rộng quan hệ hợp tác, đối thoại với bên ngoài.

- 1999 – 2015: hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường hợp tác tăng cường hợp tác nội khối và ngoại khối về chính trị – an ninh, kinh tế - thương mại ..., chuẩn bị cho sự ra đời Cộng đồng ASEAN. 2007, Hiến chương ASEAN được thông qua.

- Giai đoạn 2015 – nay: thành lập và xây dựng Cộng đồng ASEAN với ba trụ cột: chính trị - an ninh, kinh tế, văn hoá – xã hội; nâng cao vị thế ASEAN trên trường quốc tế.

## **BÀI 5: CỘNG ĐỒNG ASEAN TỪ Ý TƯỞNG ĐẾN HIỆN THỰC**

### **1. Ý tưởng mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN**

#### **a. Ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN**

- Tuyên bố Băng Cốc (1967) đã nêu mục tiêu xây dựng một cộng đồng thịnh vượng và hoà bình Đông Nam Á.

- ASEAN chính thức khẳng định ý tưởng thành lập Cộng đồng ASEAN tại Hội nghị cấp cao ASEAN không chính thức được tổ chức tại Ma-lai-xi-a (1997). Các nước thành viên thông qua văn kiện Tầm nhìn ASEAN 2020, nêu rõ việc xây dựng Cộng đồng ASEAN, định hướng cho sự phát triển trong tương lai của ASEAN.

#### **b. Mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN**

- Đưa ASEAN từ Hiệp hội trở thành một Cộng đồng có mức độ liên kết sâu rộng với ba trụ cột chính là hợp tác Chính trị – An ninh, Kinh tế và Văn hoá - Xã hội trên cơ sở pháp lí là Hiến chương ASEAN.

- Cộng đồng ASEAN có sự tham gia rộng rãi của người dân, đem lại lợi ích thiết thực cho người dân, đồng thời là một cộng đồng mở rộng hợp tác với bên ngoài.

#### **c. Kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN**

- Các nước thành viên đã thông qua kế hoạch triển khai cụ thể trên ba trụ cột: Chính trị – An ninh, Kinh tế, Văn hoá - Xã hội.

- Kế hoạch được nêu rõ trong văn bản “Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN (2009 – 2015)”.

- Ngày 22-11-2015, các nhà lãnh đạo ASEAN đã kí Tuyên bố Cua-la-lăm-pơ chính thức thành lập Cộng đồng ASEAN kể từ ngày 31/12/2015.

### **2. Ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN**

#### **a. Cộng đồng chính trị - an ninh ASEAN**

Tạo dựng môi trường hoà bình và an ninh ở khu vực, nâng hợp tác chính trị - an ninh lên nấc thang mới chặt chẽ hơn trên cơ sở nguyên tắc ASEAN.

#### **b. Cộng đồng kinh tế ASEAN**

- Là sự tiếp nối các chương trình hợp tác kinh tế của ASEAN trước đây, được mở rộng hơn về phạm vi, mức độ hợp tác kinh tế, thương mại....

- Tạo ra một thị trường chung và cơ sở sản xuất thống nhất.

- Xây dựng một khu vực có sức cạnh tranh, phát triển đồng đều.

- Đưa Cộng đồng hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu.

### **c. Cộng đồng văn hóa - xã hội ASEAN**

- Là một khuôn khổ hợp tác chặt chẽ, với các quy định và tiêu chuẩn chung để tạo sự hài hòa, bình đẳng và công bằng xã hội, nâng cao ý thức về cộng đồng và bản sắc chung ASEAN.

- Chú trọng phát triển con người.

- Phúc lợi và bảo hiểm xã hội; bình đẳng xã hội và các quyền; đảm bảo bền vững về môi trường.

- Xây dựng bản sắc ASEAN, thu hẹp khoảng cách phát triển.

### **3. Cộng đồng ASEAN sau năm 2015**

#### **Tầm nhìn ASEAN sau năm 2015**

- Hướng tới việc gắn kết chặt chẽ các nội dung hợp tác trên cả ba trụ cột (Cộng đồng Chính trị – An ninh, Cộng đồng Kinh tế và Cộng đồng Văn hoá - Xã hội).

- Đồng thời bổ sung những nội dung mới như: hợp tác về chuyển đổi số, phát triển nền kinh tế số, kinh tế xanh...

#### **Những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN**

##### **\* TRIỂN VỌNG**

- Sự vươn lên của khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á.

- Cộng đồng ASEAN đang ngày càng hoàn thiện thể chế, chính sách, cơ chế hợp tác và đạt được nhiều thành tựu.

- Đông Nam Á đã trở thành khu vực phát triển năng động, thịnh vượng mới của thế giới.

- Vị thế của ASEAN ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế.

##### **\* THÁCH THỨC**

- Thách thức an ninh đến từ cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn

- Sự đa dạng của các nước thành viên về chế độ chính trị, tôn giáo, khoảng cách và phát triển kinh tế.

- Nguy cơ chia rẽ của ASEAN về các vấn đề khu vực và quốc tế.

- Thách thức an ninh phi truyền thống gia tăng như ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, tội phạm xuyên quốc gia, dịch bệnh.

### **PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN**

**Câu 1.** Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ra đời trong hoàn cảnh nào sau đây?

A. Thế giới và khu vực đang có những chuyển biến quan trọng.

B. Tất cả các nước khu vực Đông Nam Á đều giành được độc lập.

C. Chiến tranh lạnh kết thúc, các dân tộc đang hòa hợp, hòa giải.

D. Xu thế hòa hoãn Đông - Tây trở thành chủ đạo trên thế giới.

**Câu 2.** Một trong những quốc gia tham gia sáng lập tổ chức ASEAN (1967) là

A. Cam-pu-chia.

B. Việt Nam.

C. Thái Lan.

D. Bru-nây.

**Câu 3.** Ngày 8 - 8 - 1967, tại Băng - Cốc (Thái Lan) đã diễn ra sự kiện nào?

A. Tuyên bố thành lập tổ chức ASEAN.

B. Vấn đề Cam-pu-chia được giải quyết.

C. Lễ kết nạp Việt Nam làm thành viên.

D. Hiệp ước Ba-li đã được thông qua.

**F**

**Câu 4.** Một trong những mục đích thành lập của tổ chức ASEAN là

- A. đưa Đông Nam Á trở thành số 1 thế giới.
- B. xây dựng khối tư bản chủ nghĩa phát triển.
- C. thúc đẩy hòa bình - ổn định của khu vực.
- D. thúc đẩy sự hợp tác toàn diện, thống nhất.

**Câu 5.** Văn kiện nào đã nêu rõ mục đích thành lập của tổ chức ASEAN?

- A. Tuyên bố ASEAN.
- B. Hiệp định Giơ-ne-vơ.
- C. Hiệp định Pa-ri.
- D. Tuyên bố Lahay.

**Câu 6.** Quốc gia nào là thành viên thứ 7 của ASEAN?

- A. Việt Nam.
- B. Thái Lan.
- C. Mi-an-ma.
- D. Cam-pu-chia.

**Câu 7.** Sự kiện nào sau đây mở ra thời kì phát triển của tổ chức ASEAN?

- A. Hiệp ước Bali được ký kết.
- B. Thông qua tuyên bố ASEAN
- C. Thông cáo Thượng Hải.
- D. Hiệp định Giơ-ne-vơ.

**Câu 8.** Một trong những mục tiêu của tổ chức ASEAN khi thành lập là

- A. phát triển kinh tế thông qua những nỗ lực hợp tác chung.
- B. xây dựng Đông Nam Á hòa bình, thịnh vượng.
- C. củng cố quan hệ ngoại giao, giúp đỡ các nước Đông Dương giành lại độc lập.
- D. giải quyết vấn đề xung đột Campuchia và tranh chấp ở Biển Đông.

**Câu 9.** Nội dung nào **không** phản ánh đúng những cơ hội khi Việt Nam gia nhập tổ chức ASEAN?

- A. Thu hút vốn đầu tư và khoa học - công nghệ tiên tiến.
- B. Tăng cường giao lưu về mọi mặt và mở rộng thị trường.
- C. Đẩy mạnh được công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
- D. Tranh thủ viện trợ để giải quyết khó khăn ở trong nước.

**Câu 10.** Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á được thành lập năm 1967 tại

- A. Ma-ni-la (Phi-lip-pin).
- B. Cua-la Lăm-po (Ma-lai-xi-a).
- C. Ba-li (In-đô-nê-xi-a).
- D. Băng Cốc (Thái Lan).

**Câu 11.** Các nước sáng lập ASEAN là

- A. Việt Nam, Thái Lan, Phi-líp-pin, Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a.
- B. In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Xin-ga-po, Thái Lan.
- C. Thái Lan, Phi-lip-pin, Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, Mi-an-ma.
- D. Lào, Thái Lan, Phi-lip-pin, Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a.

**Câu 12.** Một trong những mục đích thành lập tổ chức ASEAN là

- A. thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội trong khu vực.
- B. tăng cường hợp tác quốc phòng, an ninh và hình thành liên minh phòng thủ.
- C. thành lập một tổ chức chính trị, quân sự chung trong khu vực Đông Nam Á.
- D. giải quyết tranh chấp trong khu vực bằng biện pháp quân sự và hoà bình.

**Câu 13.** Thách thức lớn nhất về mặt kinh tế khi Việt Nam gia nhập tổ chức ASEAN là

- A. chịu sự cạnh tranh quyết liệt.
- B. tụt hậu về công nghệ thông tin.
- C. sử dụng nguồn vốn bất hợp lý.
- D. điểm xuất phát thấp về kinh tế.

**Câu 14.** Tầm nhìn ASEAN 2020 được thông qua năm 1997 tại hội nghị nào sau đây?

- A. Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 5 tại Băng Cốc.
- B. Hội nghị thành lập tổ chức ASEAN tại Băng Cốc.
- C. Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 37 tại Hà Nội.
- D. Hội nghị cấp cao ASEAN không chính thức lần thứ hai tại Ma-lai-xi-a.

**Câu 15.** Văn kiện nào sau đây thể hiện ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN?

- A. Tuyên bố Ba-li năm 1976
- B. Tầm nhìn ASEAN 2025.
- C. Hiệp ước Ba-li là năm 1979.
- D. Tầm nhìn ASEAN 2020

**Câu 16.** Mục tiêu tổng quát của Cộng đồng ASEAN là

- A. xây dựng một tổ chức hợp tác liên chính phủ có liên kết sâu rộng, dựa trên cơ sở pháp lí là Hiến chương ASEAN.
- B. xây dựng một tổ chức hợp tác liên chính phủ có liên kết sâu rộng theo mô hình siêu nhà nước.
- C. xây dựng một chính phủ chung có liên kết sâu rộng, hướng tới một liên minh chính trị, quân sự.
- D. xây dựng một tổ chức hợp tác liên minh, liên kết sâu rộng dựa trên cơ sở là luật pháp của các nước thành viên.

**Câu 17.** Ngày 22-11-2015, các nhà lãnh đạo ASEAN đã nhóm họp tại Ma-lai-xi-a, chính thức thành lập

- A. Cộng đồng ASEAN.
- B. Hội đồng các nước ASEAN.
- C. Liên minh ASEAN.
- D. Ủy ban ASEAN.

**Câu 18.** Ý nào sau đây không đúng về Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN (APSC)?

- A. APSC tạo ra một liên minh quân sự ở khu vực Đông Nam Á.
- B. APSC là khuôn khổ hợp tác chính trị - an ninh toàn diện.
- C. APSC hướng đến xây dựng một môi trường hoà bình và an ninh.
- D. APSC hoạt động dựa trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của ASEAN.

**Câu 19.** Một trong những nội dung chính của Cộng đồng Kinh tế ASEAN là

- A. phát triển nguồn nhân lực có tri thức cao.
- B. thúc đẩy chính sách cạnh tranh về kinh tế, bảo vệ người tiêu dùng.
- C. cùng nhau xây dựng các hàng rào thuế quan cho từng quốc gia.
- D. hướng tới xây dựng đồng tiền chung của Đông Nam Á.

**Câu 20.** Một trong những nội dung chính hoạt động của Cộng đồng Văn hoá - Xã hội ASEAN là xây dựng

## F

- A. tình đoàn kết và thống nhất bền lâu giữa các quốc gia và dân tộc ASEAN.
- B. liên kết về văn hoá và bản sắc giữa khu vực ASEAN với bên ngoài.
- C. cơ sở hạ tầng cho các quốc gia thành viên trong khu vực.
- D. chính sách an sinh xã hội, xoá đói giảm nghèo cho từng quốc gia.

**Câu 21.** Một trong những thách thức của Cộng đồng ASEAN là

- A. sự đa dạng của các nước thành viên về chế độ chính trị, tôn giáo.
- B. sự uy hiếp của các nước lớn ở khu vực Nam Á và Đông Á.
- C. thay đổi cấu trúc địa – văn hoá ở khu vực Ấn Độ Dương.
- D. khoảng cách về kinh tế giữa các nước ngày càng thu hẹp.

**Câu 22.** Nội dung nào sau đây **không** phải là triển vọng của Cộng đồng ASEAN?

- A. Sự vươn lên của các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.
- B. ASEAN có quan hệ rộng lớn với các đối tác bên ngoài.
- C. Vị thế của ASEAN ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế.
- D. ASEAN trở thành một trong những trung tâm toàn cầu về quân sự.

**Câu 23:** Mục đích của việc kí kết Hiến chương ASEAN là

- A. xây dựng ASEAN thành một cộng đồng vững mạnh.
- B. xây dựng ASEAN thành một tổ chức hợp tác toàn diện.
- C. xây dựng ASEAN thành một cộng đồng kinh tế.
- D. xây dựng ASEAN thành một cộng đồng văn hóa đa dạng.

**PHẦN II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG, SAI: Trong mỗi ý a, b, c, d học sinh chọn đúng hoặc sai**

**Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

“Quyết tâm sử dụng những cố gắng cần thiết bước đầu để đảm bảo việc công nhận và tôn trọng Đông Nam Á là một khu vực hòa bình, tự do và trung lập, không có sự can thiệp dưới bất kì hình thức và phương cách nào của các nước ngoài khu vực. Các nước Đông Nam Á cần phối hợp nỗ lực nhằm mở rộng các lĩnh vực hợp tác để góp phần tăng cường sức mạnh, tình đoàn kết, mối quan hệ gắn bó hơn nữa”.

(ASEAN, Tuyên bố về khu vực hòa bình, tự do và trung lập, ngày 27-11-1971)

- a) Tuyên bố về “Khu vực Hoà bình, Tự do và Trung lập” năm 1971 nhằm khẳng định độc lập và chủ quyền của các nước Đông Nam Á trước các cường quốc ngoài khu vực.
- b) Văn kiện trên có vai trò quyết định trong việc duy trì hòa bình, thống nhất và trung lập ở Đông Nam Á.
- c) Tuyên bố về “Khu vực Hoà bình, Tự do và Trung lập” vẫn còn nguyên giá trị cho tới ngày nay.
- d) Tuyên bố về “Khu vực Hoà bình, Tự do và Trung lập” là cơ sở pháp lí quan trọng nhất của ASEAN đến năm 2009.

**Câu 2. Đọc tư liệu sau:**

Tuyên bố ASEAN nêu rõ mục đích thành lập của ASEAN:

1. Thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và sự phát triển văn hoá trong khu vực thông qua các nỗ lực chung trên tinh thần bình đẳng và hợp tác nhằm tăng cường cơ sở cho một Cộng đồng các quốc gia Đông Nam Á hoà bình và thịnh vượng.

2. Thúc đẩy hoà bình và ổn định khu vực bằng việc tôn trọng công lí và nguyên tắc luật pháp trong quan hệ giữa các quốc gia trong vùng và tuân thủ các nguyên tắc của Hiến chương Liên hợp quốc.

3. Thúc đẩy sự cộng tác tích cực và giúp đỡ lẫn nhau trong các vấn đề cùng quan tâm trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hoá, khoa học - kĩ thuật và hành chính,...

(Theo Tuyên bố ASEAN, Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN),  
NXB Chính trị quốc gia, 1998, tr. 15-16)

a) ASEAN được thành lập nhằm mục đích chính là tăng cường hợp tác kinh tế, văn hoá cho các nước thành viên phát triển và hội nhập với khu vực, thế giới.

b) Tuyên bố ASEAN đưa ra những nguyên tắc cho hoạt động của các nước Đông Nam Á ngày nay.

c) Nội dung tư liệu thể hiện tinh thần “thống nhất trong đa dạng” của ASEAN và Đông Nam Á.

d) Nội dung tư liệu thể hiện hai mục tiêu cơ bản nhất và quan trọng nhất của ASEAN từ khi thành lập.

### Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Liên hợp quốc đánh giá cao sự tham dự và cam kết vững chắc của ASEAN đối với chủ nghĩa đa phương và hợp tác khu vực. ASEAN có vai trò cốt lõi trong việc thúc đẩy nhân quyền, các quyền cơ bản và sự tham dự chính trị rộng rãi như các thành tố để xây dựng các xã hội thực sự hòa bình, ổn định. Và ASEAN cũng đóng vai trò nòng cốt trong sự phát triển của một nền kinh tế toàn cầu vững mạnh”.

(Trích: Phát biểu khai mạc Hội nghị cấp cao ASEAN của Tổng thư kí Liên hợp quốc  
An-tôn-ni-ô Gu-tê-rê (Phnom Pênh, 2022)

a) ASEAN đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của nền kinh tế toàn cầu.

b) ASEAN là một trong những tổ chức khu vực thành công nhất thế giới.

c) ASEAN có vai trò quyết định đối với sự phát triển của nền kinh tế toàn cầu.

d) ASEAN là tổ chức hợp tác toàn diện mang tính toàn cầu.

### Câu 4: Cho bảng dữ kiện về quá trình phát triển của ASEAN

Thời gian	Sự kiện - Ý nghĩa
1967	Thông qua Tuyên bố ASEAN - Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) chính thức được thành lập.
2007	Hiến chương ASEAN được thông qua - Tạo ra khuôn khổ pháp lý và thể chế cho hợp tác ASEAN.
2015	Cộng đồng ASEAN được thành lập - Đánh dấu bước phát triển mới của hợp tác khu vực ở Đông Nam Á.
2020	Tuyên bố Hà Nội về Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN sau năm 2025 - Hướng tới thúc đẩy hợp tác và hội nhập ngày càng chặt chẽ hơn trên các trụ cột AEC, APSC, ASCC.

a) Ngày 22-11-2015, các nhà lãnh đạo ASEAN đã nhóm họp tại Ma-lai-xi-a, kí Tuyên bố Cua-la Lăm-pơ, chính thức thành lập Cộng đồng ASEAN.

b) Cộng đồng ASEAN được hình thành dựa trên ba trụ cột: Cộng đồng Chính trị - An ninh, Cộng đồng Kinh tế, Cộng đồng Văn hóa - Giáo dục.

## I

- c) Cơ sở pháp lí để xây dựng Cộng đồng ASEAN trở thành một cộng đồng có mức độ liên kết sâu rộng hơn, ràng buộc hơn đó là Hiến chương ASEAN.
- d) Sự ra đời chính thức của Cộng đồng ASEAN vào ngày 31-12-2015 là kết quả của chặng đường gần 50 năm đấu tranh và phát triển của ASEAN.

### Câu 5. Cho đoạn tư liệu sau:

“Được khích lệ và được thống nhất bởi Một tầm nhìn, Một bản sắc và Một cộng đồng chia sẻ, đùm bọc. Gắn kết với nhau bởi một khát vọng chung và ý chí tập thể được sống trong một khu vực hòa bình, an ninh và ổn định lâu dài, kinh tế tăng trưởng bền vững, tiến bộ xã hội và thịnh vượng chung, nhằm thúc đẩy các lợi ích cốt lõi, lý tưởng và nguyện vọng của chúng ta”.

(Trích: Lời mở đầu, Hiến chương ASEAN)

- a) Hiến chương ASEAN 2007 nêu rõ mục tiêu xây dựng ASEAN thành một cộng đồng thịnh vượng.
- b) Sự vững mạnh của ASEAN dựa trên cơ sở là sự phát triển về kinh tế, chính trị và sự đa dạng về bản sắc văn hóa.
- c) Hiến chương ASEAN 2007 đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong quá trình hợp tác cùng phát triển của các quốc gia Đông Nam Á.
- d) Lời mở đầu của Hiến chương ASEAN nhấn mạnh sự hòa hợp, thống nhất của các quốc gia thành viên.

## ĐÁP ÁN CHỦ ĐỀ 2

1.A	2.C	3.A	4.C	5.A	6.A	7.A	8.B	9.D	10.D
11.B	12.A	13.A	14.D	15.D	16.A	17.A	18.A	19.B	20.A
21.A	22.D	23.A							
1.ĐSĐS	2. ĐSSS	3.ĐĐSS	4.ĐSĐS	5.ĐSĐĐ					

## CHỦ ĐỀ 3: CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945, CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

(TỪ 8/1945 ĐẾN NAY)

### BÀI 6: CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

#### 1. Bối cảnh lịch sử

- Thế giới: Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Đến ngày 15-8-1945, Nhật Bản tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện=> điều kiện khách quan thuận lợi cho cuộc Tổng khởi nghĩa .

- Trong nước:

+ Từ tháng 3-8/1945, cao trào kháng Nhật, cứu nước đã diễn ra trong cả nước=> làm tiền đề cho Tổng khởi nghĩa .

+ Ngày 13-8-1945, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh thành lập Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc, ban bố Quân lệnh số 1, chính thức phát động Tổng khởi nghĩa trong cả nước.

+ Ngày 14-15/8/1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào, thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa.

+ Ngày 16 - 17/8/1945, Đại hội Quốc dân được triệu tập tại Tân Trào, cử Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

=> "Thời cơ ngàn năm có một": khi Nhật đầu hàng Đồng minh đến trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương giải giáp quân đội Nhật.

## **2. Diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945**

Ngày 18-8-1945, Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh và Quảng Nam đã giành chính quyền sớm nhất trong cả nước.

- Khởi nghĩa giành chính quyền ở các đô thị lớn: Hà Nội (19/8), Huế (23/8), Sài Gòn (25/8).
- Từ ngày 25 đến ngày 28-8-1945, các địa phương khác trong cả nước từ rừng núi, nông thôn, thành thị nối tiếp nhau khởi nghĩa... Đồng Nai Thượng và Hà Tiên là hai địa phương giành thắng lợi cuối cùng.
- Ngày 30-8-1945, vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị, chế độ phong kiến Việt Nam hoàn toàn sụp đổ.
- Ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc Tuyên ngôn Độc lập, tuyên bố với nhân dân và thế giới sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

## **3. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945**

### **a. Nguyên nhân thắng lợi**

#### **- Chủ quan:**

- + Đường lối lãnh đạo cách mạng đúng đắn, sáng tạo của Đảng;
- + Truyền thống yêu nước, đoàn kết của nhân dân;
- + Quá trình chuẩn bị lâu dài, chu đáo về mọi mặt: lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, căn cứ cách mạng, tập dượt quần chúng đấu tranh.

#### **- Khách quan :**

Thắng lợi của lực lượng Đồng minh và Hồng quân Liên Xô trong cuộc chiến tranh chống phát xít, đặc biệt là chiến thắng trước quân phiệt Nhật Bản.

### **b. Ý nghĩa lịch sử**

#### **- Trong nước:**

- + Đây là sự kiện lịch sử vĩ đại... lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
- + Mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do và phát triển dưới chế độ dân chủ cộng hòa.
- + Chứng tỏ năng lực lãnh đạo của Đảng Cộng sản, sự sáng tạo và tinh thần yêu nước của nhân dân; chuẩn bị điều kiện cho những thắng lợi tiếp theo của cách mạng Việt Nam.

#### **- Quốc tế:**

- + Góp phần vào thắng lợi của các lực lượng hoà bình, dân chủ, tiến bộ trong cuộc đấu tranh chống phát xít, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân.
- + Cổ vũ tinh thần đấu tranh của nhân dân các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc trên thế giới.

### **c. Bài học kinh nghiệm**

- Bài học về sự lãnh đạo của Đảng.
- Bài học về xây dựng và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc.
- Bài học về nắm bắt thời cơ.

## BÀI 7: CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945 - 1954)

### 1. Bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)

**- Trên thế giới:**

- + Hệ thống XHCN ra đời, phong trào GPDT phát triển mạnh mẽ.
- + Trật tự thế giới hai cực I-an-ta và Chiến tranh lạnh tác động mạnh đến tình hình Việt Nam.

**- Trong nước:** “ngàn cân treo sợi tóc”....

### 2. Diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)

#### a. Kháng chiến của nhân dân Nam Bộ chống thực dân Pháp trở lại xâm lược (1945)

- Đêm 22, rạng ngày 23 – 9 – 1945, thực dân Pháp đánh úp trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ... mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai.
- Quân dân Nam Bộ; Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tán thành, kêu gọi nhân dân cả nước ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Nam Bộ
- Cuộc chiến đấu ở Nam Bộ đã giáng đòn đầu tiên vào âm mưu “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp.

#### b. Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 – 1950)

- Dù đã kí Hiệp định Sơ bộ và Tạm ước 14/9... nhưng thực dân Pháp luôn tìm cách phá hoại, đẩy mạnh xâm lược nước ta. Ngày 19/12/1946, chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.
- Đường lối kháng chiến: toàn dân, toàn diện, trường, kì tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
- Những thắng lợi quân sự tiêu biểu: Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16; Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947; Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950.

<b>Diễn biến chính của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược giai đoạn (1946 – 1950)</b>	
<b>Thời gian</b>	<b>Sự kiện</b>
Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16	- Diễn ra từ 19/12/1946 đến 17/2/1947 ở các đô thị như: Nam Định, Vinh,... ở Hà Nội, các trận đánh ác liệt đã diễn ra tại khu vực Bắc Bộ Phủ, Bưu điện Bờ Hồ, ga Hàng Cỏ, phố Khâm Thiên,... - Kết quả: đã giam chân quân Pháp ở Hà Nội và các thành phố - thị xã; lực lượng quân chủ lực của ta đã chủ động rút lui an toàn ra căn cứ kháng chiến. - Ý nghĩa: bước đầu làm thất bại kế hoạch “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp.
Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947	Diễn ra từ tháng 10 – 12/1947 khi thực dân Pháp - mở cuộc tấn công lên Việt Bắc. Quân đội Việt Nam chủ động bao vây, tiến công đẩy lùi quân Pháp khỏi một số vị trí quan trọng: Chợ Đồn, Chợ Rã, Đoan Hùng,... – Kết quả: quân Pháp phải rút chạy khỏi - Việt Bắc; cơ quan đầu não của cuộc kháng chiến được bảo vệ an toàn; bộ đội ta thu được nhiều vũ khí và ngày càng trưởng thành. - Ý nghĩa: Đây là chiến dịch phản công lớn đầu tiên, đã làm thất bại hoàn toàn

	chiến lược “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp.
Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Diễn ra từ tháng 9 - 10/1950 ở khu vực biên giới Việt – Trung. Quân đội Việt Nam tấn công cứ điểm Đông Khê, mai phục, chặn đánh quân Pháp ở nhiều nơi trên Đường số 4, buộc chúng phải rút chạy.</li> <li>- Kết quả: ta đã giải phóng được khu vực biên giới rộng lớn, mở đường liên lạc quốc tế, bảo vệ được căn cứ địa Việt Bắc, chọc thủng hành lang Đông – Tây, làm phá sản Kế hoạch Rơ-ve của Pháp.</li> <li>- Ý nghĩa: là chiến dịch tiến công lớn đầu tiên của bộ đội chủ lực Việt Nam. Từ đây, Việt Nam đã giành được thế chủ động trên chiến trường chính (Bắc Bộ).</li> </ul>

**c. Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân pháp (1951 - 1953)**

- Tháng 02 – 1951, Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương ở Chiêm Hóa-Tuyên Quang (đổi tên Đảng Cộng sản Đông Dương thành Đảng Lao động Việt Nam, đây là Đại hội kháng chiến thắng lợi).
- Ngày 3-3-1951, Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Mặt trận Liên Việt) ra đời.
- Nền kinh tế kháng chiến được xây dựng, sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế được chú trọng phát triển
- Mở nhiều chiến dịch: ở Trung du và Đồng bằng Bắc Bộ (1950-1951), chiến dịch Hoà Bình (đông – xuân 1951-1952), chiến dịch Tây Bắc (thu – đông năm 1952), chiến dịch Thượng Lào (xuân – hè năm 1953).

**d. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp thắng lợi (1953 - 1954)**

Mục	Nội dung
Kế hoạch Na-va	Tháng 7 – 1953, thực dân Pháp đề ra Kế hoạch Na-va với hi vọng trong vòng 18 tháng giành một thắng lợi quân sự quyết định để kết thúc chiến tranh trong danh dự.
Chủ trương của Đảng	Đầu tháng 12 – 1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng thông qua quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ.
Những thắng lợi tiêu biểu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chiến dịch Điện Biên Phủ trải qua 56 ngày đêm (từ ngày 13/3 – 7/5/1954) với ba đợt.</li> <li>- Thắng lợi của chiến dịch tạo cơ sở cho việc đàm phán và kí kết Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương (21-7-1954), buộc thực dân Pháp phải rút quân về nước. Tạo điều kiện để miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, chuyển sang thời kì cách mạng xã hội chủ nghĩa.</li> </ul>

**3. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)**

**a. Nguyên nhân thắng lợi**

**- Nguyên nhân chủ quan:**

- + Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là do có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối kháng chiến đúng đắn, sáng tạo.
- + Toàn dân, toàn quân đã phát huy được tinh thần yêu nước, đoàn kết, sáng tạo trong chiến đấu và sản xuất.

+ Hậu phương rộng lớn, vững chắc về mọi mặt góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến.

**- Nguyên nhân khách quan:**

+ Cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam được tiến hành với sự ủng hộ, đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung của nhân dân Lào và Cam-pu-chia.

+ Sự ủng hộ, giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô, các nước dân chủ nhân dân, của nhân dân Pháp và các lực lượng yêu chuộng hoà bình trên thế giới...

**b. Ý nghĩa lịch sử**

**- Trong nước:**

+ Kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, đồng thời chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị của thực dân Pháp trên đất nước Việt Nam.

+ Bảo vệ và phát triển thành quả của Cách mạng tháng Tám, đưa cách mạng Việt Nam chuyển sang thời kì mới: miền Bắc được giải phóng, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, tạo cơ sở để nhân dân Việt Nam tiếp tục thực hiện nhiệm vụ giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

**- Quốc tế:**

+ Giáng đòn nặng nề vào tham vọng của chủ nghĩa đế quốc sau Chiến tranh thế giới thứ hai; đập tan ách thống trị của chủ nghĩa thực dân cũ trên toàn cõi Đông Dương, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.

+ Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân thế giới, tăng cường ảnh hưởng của phong trào giải phóng dân tộc, chủ nghĩa xã hội và các phong trào tiên bộ thế giới.

## **BÀI 8: CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC**

**(1954 – 1975)**

### **1. Bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước**

Thế giới:

- Hệ thống XHCN ngày càng mở rộng, Liên Xô và các nước XHCN tích cực ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc.

- Sự đối đầu giữa hai phe, đỉnh cao là Chiến tranh lạnh đã tác động rất lớn đến cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

Trong nước:

- Mỹ thay chân Pháp, dựng lên chính quyền tay sai Việt Nam cộng hòa ở miền Nam (Ngô Đình Diệm).

- Việt Nam tạm thời bị chia cắt làm hai miền: miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội; miền Nam phải tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện hoà bình, thống nhất nước nhà.

### **2. Các giai đoạn phát triển chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975)**

#### **a. Giai đoạn 1954 -1960**

Miền Bắc:

- 1954-1965: Hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.

- 1958-1960: Cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế – xã hội.

=>Thành tựu đạt được tạo tiền đề để miền Bắc phát triển trong giai đoạn tiếp theo cũng như thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến miền Nam.

### Miền Nam:

- 1959, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 15 của Đảng Lao động Việt Nam quyết định con đường cách mạng miền Nam là sử dụng bạo lực cách mạng.

- Nghị quyết đã thổi bùng lên phong trào Đồng khởi (1959-1960) tiêu biểu là ở Bến Tre (1/1960).

=>Thắng lợi của phong trào Đồng khởi đã giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mỹ, làm lung lay chính quyền Ngô Đình Diệm, đồng thời đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam, chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

### **b. Giai đoạn 1961 -1965**

#### Miền Bắc:

+ Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965): ra sức phát triển công nghiệp, nông nghiệp, củng cố và tăng cường thành phần kinh tế quốc doanh, cải thiện đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân...

+ Thành tựu: làm thay đổi bộ mặt xã hội miền Bắc, thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn chi viện cho tiền tuyến miền Nam.

#### Miền Nam: Chiến đấu chống “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ (1961 - 1965)

+ Chính trị: sôi nổi, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, tiêu biểu là cuộc đấu tranh của các tín đồ Phật giáo.

+ Chống bình định: nhân dân miền Nam đã làm phá sản “quốc sách” lập “áp chiến lược” của Mỹ - chính quyền Ngô Đình Diệm.

+ Quân sự: chiến thắng Ấp Bắc (1963) đã mở ra khả năng đánh bại chiến thuật “trục thẳng vận, thiết xa vận”, chứng minh khả năng quân dân Việt Nam có thể đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ. Dấy lên phong trào “Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công” khắp miền Nam.

+ Trong những năm 1964 - 1965, những thắng lợi về quân sự (Bình Giã, An Lão, Ba Gia, Đồng Xoài) làm phá sản hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ.

### **c. Giai đoạn 1965 -1968**

#### Hoàn cảnh:

- Mỹ chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam và mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc.

- Nhân dân 2 miền Nam – Bắc trực tiếp chiến đấu chống Mỹ.

#### Miền Bắc:

- Sau khi dựng lên sự kiện “Vịnh Bắc Bộ” (8 -1964), Mỹ chính thức mở rộng chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc lần thứ nhất (2 - 1965).

- Quân dân miền Bắc kịp thời chuyển mọi hoạt động sang thời chiến, vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện nhiệm vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến miền Nam.

#### Miền Nam: chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ giành nhiều thắng lợi

+ Chính trị: phá vỡ thêm nhiều “áp chiến lược”. Ở các thành thị, phong trào phản đối chiến tranh của quần chúng diễn ra rất sôi nổi.

+ Quân sự: thắng lợi Vạn Tường (18/8/1965), mở khả năng đánh thắng Mỹ trong chiến lược “Chiến

tranh cục bộ”; đập tan cuộc phản công của quân Mỹ và đồng minh trong hai mùa khô 1965 - 1966 và 1966 - 1967.

+ Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968, làm lung lay ý chí xâm lược của Mỹ, buộc Mỹ phải “phi Mỹ hoá” chiến tranh xâm lược, chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc, chấp nhận đàm phán ở Pa-ri để bàn về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.

#### **d. Giai đoạn 1969 -1973**

##### Hoàn cảnh:

- Mỹ chuyển sang chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” ở miền Nam (1969 – 1973) và mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương.

- Năm 1972, Mỹ thoả hiệp với Trung Quốc, hoà hoãn với Liên Xô nhằm hạn chế sự giúp đỡ của các nước này đối với cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

##### Miền Bắc:

- Khôi phục và phát triển KT-XH, tiếp tục làm nghĩa vụ hậu phương và đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ.

- Đánh bại hoàn toàn cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 của Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố trong 12 ngày đêm (từ ngày 18 đến ngày 29-12-1972). Thắng lợi này được coi như trận “Điện Biên Phủ trên không”, buộc Mỹ phải kí Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam (1973).

##### Miền Nam:

- Chiến đấu chống chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mỹ.

- Ngày 6-6-1969, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ra đời. Đây là chính phủ hợp pháp của nhân dân miền Nam.

- Quân sự: 1970 - 1972, nhân dân ba nước Đông Dương đã giành được những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược về quân sự và chính trị...

+ Năm 1972, quân đội Việt Nam mở cuộc Tiến công chiến lược vào Quảng Trị rồi phát triển rộng khắp chiến trường miền Nam, chọc thủng ba phòng tuyến của địch ở Quảng Trị, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Mỹ tuyên bố “Mỹ hóa”, thừa nhận thất bại của chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”.

#### **e. Giai đoạn 1973 -1975**

##### Hoàn cảnh

- Sau khi Hiệp định Pa-ri năm 1973, Mỹ phải rút hết quân về nước.

##### Miền Bắc

- Nhân dân miền Bắc bắt tay khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội, ra sức chi viện cho miền Nam.

##### Miền Nam

- Mỹ vẫn giữ lại hơn 2 vạn “cố vấn” quân sự, tiếp tục viện trợ quân sự, kinh tế cho chính quyền Sài Gòn. Chính quyền Sài Gòn ngang nhiên phá hoại Hiệp định Pa-ri...

- Tháng 7 - 1973, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21 nhấn mạnh: trong bất cứ tình hình nào cũng phải tiếp tục con đường bạo lực cách mạng, phải nắm vững chiến lược tiến công, kiên quyết đấu tranh trên ba mặt trận: quân sự, chính trị, ngoại giao.

- Từ tháng 3 -1975, quân dân miền Nam mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, trải qua ba chiến dịch lớn: chiến dịch Tây Nguyên (10-24/3/1975), chiến dịch Huế - Đà Nẵng (26-29/3/1975) và chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định (Chiến dịch Hồ Chí Minh) (26-30/4/1975)

- 11 giờ 30 phút ngày 30 - 4, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập, báo hiệu sự toàn thắng của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

### **3. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975)**

#### **a. Nguyên nhân thắng lợi**

– Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo.

– Nhân dân Việt Nam giàu lòng yêu nước, đoàn kết, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm tạo nên sức mạnh để chiến thắng.

– Hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh, đáp ứng kịp thời các yêu cầu của cuộc chiến đấu ở hai miền.

– Sự phối hợp chiến đấu, đoàn kết giúp đỡ nhau chống kẻ thù chung của nhân dân ba nước Đông Dương; sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ to lớn của các lực lượng hoà bình, dân chủ trên thế giới.

#### **b. Ý nghĩa lịch sử**

##### **– Đối với Việt Nam:**

+ Đã kết thúc 21 năm chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược, 30 năm chiến tranh cách mạng; chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc trên đất nước Việt Nam.

+ Đã kết thúc thắng lợi cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước; mở ra kỉ nguyên cả nước hoà bình, độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

##### **– Đối với quốc tế:**

+ Góp phần làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân mới trên thế giới.

+ Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc và cuộc đấu tranh vì hoà bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội của nhân dân thế giới.

## **BÀI 9: CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ SAU THÁNG 4-1975 ĐẾN NAY.**

### **MỘT SỐ BÀI HỌC LỊCH SỬ CỦA CÁC CUỘC KHÁNG CHIẾN BẢO VỆ TỔ QUỐC**

#### **TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY**

#### **1. Bối cảnh lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4/1975 đến nay**

##### Trong nước:

- Thuận lợi: Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước, Việt Nam chuyển sang giai đoạn độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Khó khăn: Hậu quả của chiến tranh trên cả nước còn rất nặng nề; đất nước lại bị Mỹ bao vây, cấm vận; mối quan hệ giữa Việt Nam - Trung Quốc - Cam-pu-chia đã xuất hiện một số vấn đề phức tạp.

##### Quốc tế:

- Thuận lợi: Xu thế hoà hoãn Đông - Tây của thế giới các cường quốc (Mỹ, Liên Xô, Trung Quốc,...) và các nước trong khu vực Đông Nam Á có nhiều thay đổi.

- Khó khăn: Tình trạng bất ổn, xung đột vẫn diễn ra nhiều nơi trên thế giới.

## **2. Các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4/1975**

### **a. Cuộc chiến đấu bảo vệ tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam**

- Ngay sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của quân dân Việt Nam tiếp tục cuộc đấu tranh bảo vệ biên giới Tây Nam chống lại sự xâm lược của tập đoàn Khơ-me đỏ.
- Thực hiện quyền tự vệ chính đáng quân dân Việt Nam mở các cuộc tổng phản công làm tan rã đại bộ phận quân chủ lực của đối phương. Đồng thời quân tình nguyện Việt Nam cùng quân dân Campuchia đánh đổ chính quyền Pôn Pốt.

### **b. Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở biên giới phía Bắc**

#### **Nguyên nhân**

- Từ giữa năm 1975, quan hệ Việt Nam – Trung Quốc trở nên căng thẳng. Sau đó, Trung Quốc đơn phương chấm dứt các viện trợ kinh tế, kĩ thuật, gây ra vấn đề người Hoa ở Việt Nam, khiêu khích xâm phạm biên giới phía Bắc của Việt Nam.
- Sáng ngày 17-02-1979, Trung Quốc huy động 32 sư đoàn (60 vạn quân), tiến công sang toàn bộ sáu tỉnh biên giới phía Bắc Việt Nam từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu).

#### **Diễn biến**

Để bảo vệ Tổ quốc, quân dân Việt Nam, trực tiếp là quân dân sáu tỉnh biên giới phía Bắc đã đứng lên chiến đấu.

#### **Kết quả**

Trước cuộc chiến đấu ngoan cường của nhân dân Việt Nam và sự phản đối của dư luận quốc tế ngày 5/3/1979 Trung Quốc tuyên bố rút quân.

### **c. Cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia trên Biển Đông**

- Sau Đại thắng Xuân 1975, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quản lí toàn bộ lãnh thổ đất nước, trong đó bao gồm cả quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa..
- Để bảo vệ chủ quyền biển đảo quốc gia, Việt Nam triển khai nhiều hoạt động thực thi chủ quyền.
- Việt Nam kiên quyết, kiên trì giải quyết tranh chấp biển, đảo bằng biện pháp hoà bình trên cơ sở luật pháp quốc tế.

## **3. Ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4/1975 đến nay**

- Bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bảo vệ cuộc sống của nhân dân.
- Khẳng định ý chí độc lập, tự chủ và tinh thần đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế trong sáng của nhân dân Việt Nam.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng đất nước.
- Để lại những bài học kinh nghiệm quý giá cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tương lai.
- Góp phần bảo vệ hoà bình, ổn định ở khu vực châu Á và trên thế giới.

## **4. Một số bài học lịch sử của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay**

- Bài học không ngừng phát huy tinh thần yêu nước của các tầng lớp nhân dân.
- Bài học củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân.
- Bài học kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Bài học phát triển sáng tạo nghệ thuật chiến tranh nhân dân, xây dựng nền quốc phòng toàn dân.

## PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

**Câu 1.** Sự kiện nào sau đây trên thế giới là bối cảnh dẫn đến Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

- A. Quân Đồng minh tấn công Nhật Bản ở Đại Tây Dương.
- B. Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện.
- C. Liên Xô tiêu diệt quân Quan Đông của Nhật Bản ở Tây Bắc Trung Quốc.
- D. Mỹ ném bom nguyên tử xuống thành phố Hi-rô-si-ma của Nhật Bản.

**Câu 2.** Nội dung nào sau đây đúng về tình hình ở Việt Nam khi Nhật Bản đầu hàng quân Đồng minh?

- A. Các địa phương đều đã thực hiện thắng lợi khởi nghĩa từng phần.
- B. Lực lượng vũ trang của Việt Minh đã áp đảo quân của Nhật.
- C. Quân Pháp mất tinh thần, Chính phủ Trần Trọng Kim trở nên bất lực.
- D. Quân Nhật rệu rã, Chính phủ Trần Trọng Kim hoang mang, dao động.

**Câu 3.** Tổ chức nào sau đây được thành lập vào ngày 13-8-1945?

- A. Ủy ban Khởi nghĩa Việt Minh.
- B. Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc.
- C. Mặt trận Dân tộc khởi nghĩa.
- D. Mặt trận Khởi nghĩa toàn quốc.

**Câu 4.** Bốn tỉnh giành được chính quyền sớm nhất cả nước trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 là

- A. Bắc Ninh, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.
- B. Hải Dương, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Nam.
- C. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.
- D. Hà Nam, Hải Dương, Hưng Yên, Quảng Nam.

**Câu 5.** Từ ngày 19 đến ngày 25-8-1945, khởi nghĩa lần lượt thắng lợi ở những địa phương nào sau đây?

- A. Hà Nội, Huế, Sài Gòn.
- B. Huế, Sài Gòn, Hà Nội.
- C. Huế, Hà Nội, Sài Gòn.
- D. Sài Gòn, Huế, Hà Nội

**Câu 6.** Một trong những nguyên nhân khách quan đưa đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là

- A. sự đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau của nhân dân các nước Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- B. thắng lợi của Hồng quân Liên Xô và quân Đồng minh trong cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa phát xít.
- C. sự giúp đỡ, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới, trong đó có nhân dân Pháp.
- D. sự giúp đỡ của Hồng quân Liên Xô và quân Đồng minh đối với Việt Nam.

**Câu 7.** Nội dung nào sau đây là ý nghĩa của Cách mạng tháng Tám năm 1945?

- A. Đưa mặt trận Việt Minh trở thành đảng cầm quyền.

- B. Chấm dứt vĩnh viễn chế độ quân chủ.
- C. Kết thúc ách cai trị của Pháp đối với các thuộc địa trên thế giới.
- D. Xoá bỏ hoàn toàn sự bóc lột của giai cấp địa chủ phong kiến

**Câu 8.** Một trong những bài học kinh nghiệm quan trọng của Cách mạng tháng Tám năm 1945 còn nguyên vẹn giá trị đến ngày nay là

- A. tranh thủ sự ủng hộ về chính trị, giúp đỡ về kinh tế của các nước trong phe xã hội chủ nghĩa.
- B. phát huy nội lực trong nước, đồng thời tận dụng những điều kiện thuận lợi từ bên ngoài.
- C. xây dựng nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.
- D. chú trọng và tranh thủ sự ủng hộ rộng rãi của dư luận thế giới.

**Câu 9.** Một trong những bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là

- A. quan hệ giữa hệ thống tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa ngày càng hoà dịu.
- B. phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, phụ thuộc phát triển mạnh mẽ.
- C. trật tự thế giới hai cực I-an-ta nhanh chóng xói mòn.
- D. nước Pháp phát triển thành cường quốc số một trên toàn cầu.

**Câu 10.** Những yếu tố nào sau đây có tác động to lớn đến tình hình Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp?

- A. Sự thiết lập của trật tự thế giới đa cực, sự chi phối của Mỹ.
- B. Sự tồn tại của Trật tự thế giới hai cực 1-an-ta, Chiến tranh lạnh.
- C. Tình trạng chạy đua vũ trang giữa các nước, trật tự đơn cực.
- D. Sự thiết lập Trật tự Vec-xai - Oa-sinh-ton, Chiến tranh lạnh.

**Câu 11.** Đường lối kháng chiến của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp là

- A. tranh thủ sự ủng hộ của nhân loại tiến bộ, kháng chiến trên tất cả các mặt trận.
- B. tất cả mọi người đều tham gia kháng chiến, trường kì kháng chiến nhất định thắng lợi.
- C. toàn dân, toàn diện, từng bước tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế.
- D. toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

**Câu 12.** Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947 thắng lợi đã

- A. xoay đổi toàn bộ cục diện của cuộc kháng chiến chống Pháp.
- B. tiêu diệt toàn bộ lực lượng quân Pháp tấn công lên Việt Bắc.
- C. quân Pháp ở Đông Dương rơi vào thế bị động trên những chiến trường chính.
- D. làm phá sản hoàn toàn kế hoạch “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp.

**Câu 13.** Chiến dịch nào sau đây được mở nhằm khai thông biên giới Việt – Trung

- A. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947.
- B. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.
- C. Chiến dịch Biên giới thu - đông năm 1950.
- D. Chiến dịch Hoàng Hoa Thám năm 1951.

**Câu 14.** Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1951 đã quyết định

- A. đưa Đảng ra hoạt động công khai với tên gọi Đảng Lao động Việt Nam.
- B. đưa Đảng ra hoạt động công khai với tên gọi Đảng Cộng sản Việt Nam.
- C. mở cuộc Tiến công chiến lược Đông - Xuân 1952-1953.
- D. thành lập mặt trận Việt Minh để đoàn kết toàn dân kháng chiến.

**Câu 15.** Sự kiện nào sau đây gắn liền với việc xây dựng khối đoàn kết dân tộc trong kháng chiến chống Pháp?

- A. Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt thống nhất thành Mặt trận Liên Việt.
- B. Mặt trận Liên Việt và Mặt trận Việt Minh hợp nhất thành Hội Liên Việt.
- C. Hội Liên Việt và Mặt trận Việt Minh thống nhất thành Mặt trận Việt Minh.
- D. Hội Liên Việt và Mặt trận Liên Việt thống nhất thành Mặt trận Việt Minh.

**Câu 16.** Sự kiện nào sau đây trong kháng chiến chống Pháp phản ánh mối quan hệ đoàn kết chiến đấu của 3 nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia?

- A. Liên minh kinh tế - văn hoá Việt - Lào -Campuchia ra đời.
- B. Liên minh ngoại giao Việt - Lào - Campuchia ra đời.
- C. Liên minh nhân dân Việt - Xiêm - Lào được thành lập.
- D. Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào được thành lập.

**Câu 17.** Thắng lợi của cuộc Tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954 đã

- A. khiến toàn bộ quân Pháp ở Đông Dương phải đầu hàng.
- B. bước đầu làm phá sản kế hoạch Na-va của quân Pháp.
- C. tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đàm phán tại Hội nghị Pa-ri.
- D. giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp.

**Câu 18.** Những chiến dịch lớn trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp từ năm 1947 đến năm 1954 lần lượt là

- A. chiến dịch Việt Bắc, chiến dịch Hạ Lào, chiến dịch Điện Biên Phủ.
- B. chiến dịch Việt Bắc, chiến dịch Biên giới, chiến dịch Điện Biên Phủ.
- C. chiến dịch Biên giới, chiến dịch Đường 9, chiến dịch Điện Biên Phủ.
- D. chiến dịch Việt Bắc, chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Điện Biên Phủ.

**Câu 19.** Một trong những lí do khiến thực dân Pháp có thể duy trì và kéo dài cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam là

- A. nhận được sự viện trợ của các nước Đông Âu.
- B. có sự ủng hộ rộng rãi của mọi tầng lớp nhân dân Pháp.
- C. nhận được sự ủng hộ và viện trợ của Mỹ.
- D. sự rút lui của quân đội Đồng minh.

**Câu 20.** Một trong những nguyên nhân chủ quan dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là

- A. vai trò to lớn của hậu phương miền Bắc.
- B. sự giúp đỡ, ủng hộ to lớn của nhân dân các nước Đông Nam Á.
- C. sự đoàn kết chiến đấu của liên minh nhân dân ba nước Đông Dương.
- D. sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa.

**Câu 21.** Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi đã góp phần

- A. làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ.
- B. làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân mới.
- C. đưa chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống trên thế giới.
- D. đưa đến sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

**Câu 22.** Nội dung nào sau đây là ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp?

- A. Cổ vũ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở châu Phi.
- B. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
- C. Giáng đòn nặng nề vào sự phát triển của chủ nghĩa tư bản.
- D. Đưa đến sự ra đời của hàng loạt các nước xã hội chủ nghĩa.

**Câu 23.** Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước diễn ra trong bối cảnh nào sau đây?

- A. Hoà hoãn Đông – Tây trở thành xu thế chủ đạo trong quan hệ quốc tế.
- B. Trật tự thế giới hai cực I-an-ta từng bước xói mòn về kinh tế.
- C. Các cuộc chiến tranh cục bộ trên thế giới đã chấm dứt.
- D. Cục diện đối đầu Đông – Tây diễn ra căng thẳng.

**Câu 24.** Trong giai đoạn 1954 - 1958, nhân dân miền Nam thực hiện cuộc đấu tranh nào sau đây?

- A. Chống khủng bố, đàn áp, đòi độc lập dân tộc
- B. Đòi Mỹ và Pháp thực hiện Hiệp định Pa-ri.
- C. Chống chế độ Mỹ - Diệm, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng.
- D. Chống Ngô Đình Diệm, phát triển lực lượng cách mạng trên quy mô lớn.

**Câu 25.** Từ thắng lợi của phong trào Đồng khởi (1960) đã đưa đến sự ra đời của tổ chức nào sau đây?

- A. Quân Giải phóng nhân dân miền Nam Việt Nam.
- B. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.
- C. Chính phủ Lâm thời Cộng hoà Việt Nam.
- D. Chính phủ Liên hiệp miền Nam Việt Nam.

**Câu 26.** Năm 1969, tổ chức nào sau đây đã ra đời ở miền Nam Việt Nam?

- A. Quân đội Nhân dân giải phóng miền Nam.
- B. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.
- C. Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam.
- D. Chính phủ Liên hiệp miền Nam Việt Nam.

**Câu 27.** Nội dung nào sau đây **không** phải là kết quả thắng lợi của quân dân miền Nam trong chiến đấu chống chiến lược Chiến tranh đặc biệt của Mỹ?

- A. Chiến thắng Ấp Bắc, Bình Giả, Ba Gia, Đồng Xoài.
- B. Hệ thống ấp chiến lược của Mỹ ở đô thị bị phá huỷ.
- C. Phong trào đấu tranh chính trị ở các đô thị phát triển mạnh.
- D. Phong trào phá ấp chiến lược diễn ra mạnh mẽ, quyết liệt.

**Câu 28.** So sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi lớn theo hướng có lợi cho cách mạng Việt Nam từ sau sự kiện nào sau đây?

- A. Chiến dịch Đường 9 - Khe Sanh (1969).
- B. Chiến dịch Phước Bình - Bù Đốp (1969).
- C. Đàm phán bốn bên tại Hội nghị Pa-ri (1969).
- D. Hiệp định Pa-ri được kí kết (1973).

**Câu 29.** Bài học kinh nghiệm nào sau đây từ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước có thể tiếp tục vận dụng hiệu quả trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay?

- A. Kết hợp đấu tranh chính trị với binh vận, địch vận.
- B. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.
- C. Kết hợp vừa đánh vừa đàm, vừa đàm vừa đánh.
- D. Kết hợp mặt trận chính diện và sau lưng địch.

**Câu 30.** Nội dung nào sau đây là một trong những ý nghĩa quan trọng của việc kí kết Hiệp định Pa-ri năm 1973 về Việt Nam?

- A. Tạo thời cơ thuận lợi để Việt Nam đánh cho “ Mỹ cút” và “ngụy nhào”.
- B. Là văn bản pháp lí ghi nhận Việt Nam là một quốc gia tự do, dân chủ.
- C. Làm thay đổi tương quan lực lượng theo hướng có lợi cho cách mạng.
- D. Làm phá sản hoàn toàn chiến lược Chiến tranh Cục bộ của Mỹ.

**Câu 31.** Ý nào sau đây phản ánh **không** đúng thành tựu của miền Bắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975)?

- A. Cổ vũ tinh thần, chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến miền Nam.
- B. Xây dựng được bước đầu cơ sở vật chất, kĩ thuật cho chủ nghĩa xã hội.
- C. Trực tiếp tham gia chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mỹ.
- D. Trực tiếp đánh bại các chiến lược chiến tranh thực dân mới của Mỹ.

**Câu 32.** Thành tích nào sau đây của quân dân miền Bắc đã tác động trực tiếp, buộc Mỹ phải kí Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam

- A. Chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không”.
- B. Chi viện gần 22 vạn bộ đội cho tiền tuyến.
- C. Bắn cháy, bắn chìm 143 tàu chiến của Mỹ.
- D. Bắn rơi hơn 3.000 máy bay của Mỹ.

**Câu 33.** Bước vào năm 1968, Quân Giải phóng miền Nam có hoạt động quân sự quyết định nào sau đây?

- A. Đánh bại cuộc hành quân “tìm diệt” Việt Cộng của Mỹ.
- B. Mở chiến dịch phản công quân Mỹ ở Đường 9 – Nam Lào.
- C. Mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam.
- D. Phát động cuộc Tổng khởi nghĩa trên toàn miền Nam.

**Câu 34.** Thắng lợi của chiến dịch nào sau đây ghi nhận cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam đã kết thúc thắng lợi?

- A. Chiến dịch Huế – Đà Nẵng.
- B. Chiến dịch Đường 14 – Phước Long.
- C. Chiến dịch Hồ Chí Minh.
- D. Chiến dịch Tây Nguyên.

**Câu 35.** Thắng lợi của chiến dịch nào sau đây mở đầu cuộc Tổng tấn công và nổi dậy Xuân 1975?

- A. Chiến dịch Huế – Đà Nẵng.
- B. Chiến dịch Đường 14 – Phước Long.
- C. Chiến dịch Hồ Chí Minh.
- D. Chiến dịch Tây Nguyên.

**Câu 36.** Ý nào sau đây phản ánh đúng nhân tố hàng đầu làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975) của nhân dân Việt Nam?

- A. Đường lối lãnh đạo sáng tạo, đúng đắn của Đảng Lao động Việt Nam.
- B. Liên minh chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương.
- C. Liên Xô và Trung Quốc đoàn kết, nhất trí ủng hộ, giúp đỡ.
- D. Cách mạng miền Nam phát huy được vai trò quyết định nhất.

**Câu 37.** Cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc Việt Nam từ sau tháng 4 – 1975 có thuận lợi cơ bản nào sau đây?

- A. Các nước đế quốc đã từ bỏ âm mưu đặt ảnh hưởng ở Việt Nam.
- B. Các thế lực phản động trong và ngoài nước thất bại hoàn toàn.
- C. Đất nước được độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội.
- D. Đất nước đã khắc phục hoàn toàn hậu quả của chiến tranh.

**Câu 38.** Sau năm 1975, nhân dân Việt Nam tiến hành cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam chống lại kẻ thù nào sau đây?

- A. Quân Pôn Pốt.
- B. Đế quốc Mỹ.
- C. Thực dân Pháp.
- D. Phát xít Nhật.

**Câu 39.** Cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 của nhân dân Việt Nam có ý nghĩa nào sau đây?

- A. Góp phần bảo vệ hoà bình, ổn định ở khu vực và thế giới.
- B. Góp phần thiết lập Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.
- C. Chấm dứt ách cai trị của chủ nghĩa đế quốc.
- D. Chấm dứt âm mưu chống phá của các thế lực thù địch.

**Câu 40.** Để thực thi chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa, Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thành lập huyện đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh hoặc thành phố nào sau đây?

- A. Đà Nẵng.
- B. Khánh Hoà.
- C. Quảng Ninh.
- D. Quảng Trị.

**Câu 41.** Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng cuộc đấu tranh bảo vệ, thực quyền, chủ quyền và các lợi ích hợp pháp của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở Biển Đông?

- A. Từ chối tham gia Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển.
- B. Thành lập huyện đảo Trường Sa và huyện đảo Hoàng Sa.
- C. Tổ chức nghiên cứu để cung cấp các bằng chứng về chủ quyền.
- D. Kiên quyết đấu tranh với các hoạt động vi phạm chủ quyền.

**Câu 42.** Các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 để lại bài học nào sau đây cho công cuộc bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa?

- A. Phát huy yếu tố ngoại lực làm nhân tố quyết định sức mạnh bảo vệ Tổ quốc.
- B. Kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, kết hợp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- C. Luôn đẩy mạnh các hoạt động ngoại giao để mở đường cho đấu tranh quân sự.
- D. Tăng cường sức mạnh quân sự là biện pháp duy nhất để bảo vệ Tổ quốc.

**Câu 43:** Một trong những khó khăn về bối cảnh lịch sử của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở Việt Nam từ sau tháng 4-1975 là

- A. xu thế hòa hoãn Đông - Tây tiếp tục diễn ra mạnh mẽ.
- B. xu thế liên kết hợp tác giữa các quốc gia và khu vực.
- C. tình trạng bất ổn và xung đột xảy ra ở nhiều nơi.
- D. đất nước chuyển sang giai đoạn độc lập và thống nhất.

**Câu 44:** Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng ý nghĩa lịch sử của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc Việt Nam từ sau tháng 4 năm 1975?

- A. Làm thất bại ý đồ và hành động xâm lược, chống phá của các thế lực thù địch.
- B. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.
- C. Tạo điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước.
- D. Giúp Việt Nam trở thành quốc gia phát triển nhất trong khu vực Đông Nam Á.

**Câu 45:** Nội dung nào sau đây phản ánh đúng ý nghĩa quốc tế của các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc Việt Nam từ sau tháng 4 năm 1975?

- A. Làm thất bại ý đồ và hành động xâm lược, chống phá của các thế lực thù địch.
- B. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.
- C. Góp phần bảo vệ hoà bình, ổn định ở khu vực châu Á và trên thế giới.
- D. Tạo điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước.

**Câu 46:** Nội dung nào sau đây **không** phải là bài học lịch sử của các đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay?

- A. Phát huy tinh thần yêu nước của nhân dân.
- B. Củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc.
- C. Tăng cường liên minh quân sự với các nước lớn.
- D. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

**Câu 47:** Tính chất của cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của quân dân Việt Nam (1975-1979) là

- A. giải phóng.                      B. tự vệ.                      C. nội chiến.                      D. cải cách.

**Câu 48:** Năm 1979, Trung Quốc đồng loạt tấn công vào lãnh thổ Việt Nam dọc biên giới phía Bắc từ

- A. Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu).  
 B. Móng Cái (Quảng Ninh) đến Mường Nhé (Điện Biên).  
 C. Trùng Khánh (Cao Bằng) đến Phong Thổ (Lai Châu).  
 D. Móng Cái (Quảng Ninh) đến Đồng Văn (Hà Giang).

**Câu 49:** Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc của quân dân Việt Nam (1979–1989) diễn ra ác liệt và kéo dài nhất ở địa danh nào sau đây?

- A. Vị Xuyên (Hà Giang).                      B. Móng Cái (Quảng Ninh).  
 D. Đồng Văn (Hà Giang).                      C. Trùng Khánh (Cao Bằng).

**Câu 50:** Về quản lý hành chính trên Biển Đông, Chính phủ Việt Nam có hành động nào sau đây vào năm 1982?

- A. Thành lập huyện đảo Hoàng Sa và Trường Sa.  
 B. Tiến hành tổng tuyển cử trên cả nước và ở đảo.  
 C. Tiến hành vận chuyển lương thực ra Hoàng Sa.  
 D. Tiến hành vận chuyển lương thực ra Trường Sa.

**Câu 51:** Để thực thi chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, Nhà nước Việt Nam đã có hành động nào sau đây?

- A. Tăng cường tuần tra, chốt giữ và xây dựng bia chủ quyền.  
 B. Nghiêm cấm nhân dân ra biển để đánh bắt thủy hải sản.  
 C. Tiến hành tổng tuyển cử tự do trên cả nước và các đảo lớn.  
 D. Ngăn cản ngư dân đóng tàu lớn để đánh bắt hải sản ở biển.

**Câu 52:** Trung Quốc có hành động nào sau đây xâm phạm chủ quyền biển, đảo Việt Nam ở Biển Đông?

- A. Cho phép ngư dân Trung Quốc tiến hành ra biển khai thác thủy hải sản.  
 B. Đánh chiếm trái phép một số đảo, bãi đá thuộc quần đảo Trường Sa (1988).  
 C. Xây dựng các chiến lược để phát triển kinh tế, trong đó có kinh tế biển.  
 D. Tham gia các diễn đàn quốc tế lớn để giải quyết tranh chấp ở Biển Đông

**Câu 53:** Trung Quốc có hành động nào sau đây xâm phạm chủ quyền biển, đảo Việt Nam ở Biển Đông (2014)?

- A. Đưa giàn khoan Hải Dương - 981 đến hoạt động trong vùng biển Việt Nam.  
 B. Xây dựng các chiến lược để phát triển kinh tế, trong đó có kinh tế biển.  
 C. Tham gia các diễn đàn quốc tế lớn để giải quyết tranh chấp ở Biển Đông  
 D. Tăng cường lực lượng tại khu vực đặc quyền kinh tế của Trung Quốc.

**PHẦN II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG, SAI: trong mỗi ý a, b, c, c, học sinh chọn đúng hoặc sai.**

**Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

"Ở Đông Dương ai sẽ tranh thủ được diễn biến tình hình mới sau sự đầu hàng của Nhật hoàng trước quân Đồng minh đây? Đảng Cộng sản Đông Dương là tổ chức duy nhất có chiến lược rành mạch và chiến thuật cụ thể. Nhờ vào máy liên lạc vô tuyến mà Hồ Chí Minh và các đồng chí của ông đã biết tin quân Nhật đầu hàng. Do đó họ đã nắm lấy thời cơ,...".

(P. Bờ-rô-sô, D. Hê-mơ-ri, Đông Dương: một nền thuộc địa nhập nhằng, 1848 – 1954, NXB Thế giới, Hà Nội, 2022, tr.516-519)

- a) Đảng Cộng sản Đông Dương chưa chuẩn bị đầy đủ cho Tổng khởi nghĩa.
- b) Đảng Cộng sản Đông Dương là tổ chức xã hội duy nhất dự đoán đúng thời cơ cách mạng.
- c) Đảng Cộng sản Đông Dương đã tranh thủ thời cơ thuận lợi để tiến hành lãnh đạo khởi nghĩa.
- d) Đảng Cộng sản Đông Dương đã có sự chuẩn bị về chiến lược và chiến thuật cách mạng

**Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

"Tình thế vô cùng khẩn cấp. Tất cả mọi việc đều phải nhằm vào ba nguyên tắc:

- a. Tập trung - tập trung lực lượng vào những việc chính.
- b. Thống nhất – thống nhất về mọi phương diện quân sự, chính trị, hành động và chỉ huy.
- c. Kịp thời – kịp thời hành động, không bỏ lỡ cơ hội”.

(Nghị quyết Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương, tháng 8-1945, trích trong: Văn kiện Đảng, Toàn tập, Tập 7, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.425)

- a) Nội dung của nghị quyết yêu cầu cần kịp thời chớp thời cơ để tiến hành Tổng khởi nghĩa.
- b) Đảng Cộng sản Đông Dương và Chính phủ Việt Nam đã chuẩn bị đầy đủ cho Tổng khởi nghĩa.
- c) Thời cơ của Cách mạng tháng Tám và cuộc kháng chiến chống Pháp sắp xuất hiện.
- d) Nghị quyết nhấn mạnh: sự lãnh đạo của Đảng cần tập trung, thống nhất, kịp thời.

**Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây**

“Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ mà lập nên chế độ dân chủ cộng hoà”.

(Hồ Chí Minh, Tuyên ngôn Độc lập (năm 1945), trích trong: Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 4, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.3)

- a) Đoạn tư liệu cho thấy sự suy yếu, lạc hậu của chế độ thực dân và phong kiến ở Việt Nam.
- b) Đoạn tư liệu phản ánh đóng góp của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đối với thế giới.
- c) Đoạn tư liệu cho thấy nhân dân Việt Nam đã đánh đổ chế độ thực dân và quân chủ.
- d) Đoạn tư liệu phản ánh những kết quả to lớn của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945.

**Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

"Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc".

(Hồ Chí Minh, Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng Cộng sản Việt Nam (1951), trích trong: Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 7, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.25)

- Với thành công của Cách mạng tháng Tám năm 1945, Đảng Cộng sản Đông Dương đã trở thành đảng cầm quyền.
- Giai cấp lao động là lực lượng lãnh đạo của cách mạng giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp.
- Cách mạng tháng Tám năm 1945 gắn liền với vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.
- Đảng Cộng sản Đông Dương là chính đảng trẻ nhất giành được chính quyền trên cả nước.

**Câu 5. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

"Bất kì đàn ông, đàn bà, bất kì người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc... Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước".

(Hồ Chí Minh, Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến (ngày 19-12-1946), trích trong: Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 4, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.534)

- Đoạn tư liệu thể hiện cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là cuộc chiến tranh toàn dân.
- Đoạn tư liệu thể hiện cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là cuộc chiến tranh toàn diện.
- Đoạn tư liệu thể hiện cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là cuộc chiến tranh trường kì.
- Đoạn tư liệu thể hiện cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là cuộc chiến tranh chính nghĩa.

**Câu 6. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

"Tôi đã hiểu vì sao mọi người đều lựa chọn phương án đánh nhanh,... Lý do chính là e thời gian chuẩn bị kéo dài, địch sẽ tăng thêm quân, tập đoàn cứ điểm ngày càng mạnh, sẽ làm ta mất cơ hội tiêu diệt địch! Nhiều người cho rằng sự xuất hiện lần đầu của lựu pháo và cao xạ sẽ làm quân địch choáng váng. Nhưng chúng ta chỉ có vài ngàn viên đạn! Đặc biệt, mọi người đều tin vào khí thế của bộ đội khi xuất quân, tin vào sức mạnh tinh thần. Nhưng sức mạnh tinh thần cũng có những giới hạn".

(Võ Nguyên Giáp, Điện Biên Phủ – Điểm hẹn lịch sử, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001, tr. 102)

- Phương án "đánh nhanh, thắng nhanh" được nhiều người ủng hộ và tin tưởng sẽ thắng lợi.
- Đa số mọi người cho rằng lựu pháo và cao xạ sẽ khiến cho quân Pháp bị bất ngờ.
- Phương án "đánh nhanh, thắng nhanh" đã bị một số người phản đối.
- Một số người muốn chuyển sang phương án "đánh chắc, tiến chắc".

**Câu 7. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

“Để bảo đảm nguyên tắc cao nhất là "đánh chắc thắng", cần chuyển phương châm tiêu diệt địch từ "đánh nhanh thắng nhanh" sang "đánh chắc tiến chắc". Nay quyết định hoãn cuộc tiến công. Ra lệnh cho bộ đội trên toàn tuyến lui về địa điểm tập kết, và kéo pháo ra. Công tác chính trị bảo đảm triệt để chấp hành mệnh lệnh lui quân như mệnh lệnh chiến đấu. Hậu cần chuyển sang chuẩn bị theo phương châm mới”.

(Võ Nguyên Giáp, Điện Biên Phủ – Điểm hẹn lịch sử, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001, tr. 107-108)

- a) Sĩ quan chính trị cần bảo đảm triệt để chấp hành mệnh lệnh rút lui như mệnh lệnh quân sự.
- b) Cần chuyển từ “đánh nhanh, thắng nhanh” sang “đánh chắc, tiến chắc” để bảo đảm đánh chắc thắng.
- c) Theo phương châm mới, cần kéo pháo ra khỏi trận địa để bố trí lại lực lượng, bảo đảm thành công của chiến dịch.
- d) Cần lui toàn bộ quân đội về hậu phương, thay đổi lực lượng để phục vụ phương châm mới của chiến dịch.

**Câu 8. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

"Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là một thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là một thắng lợi vẻ vang của các lực lượng hoà bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới".

(Hồ Chí Minh, Ba mươi năm hoạt động của Đảng, trích trong: Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 12, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.410)

- a) Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam có ý nghĩa to lớn.
- b) Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa đã tiêu diệt toàn bộ quân đội thực dân.
- c) Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam cho thấy sức mạnh của một nước thuộc địa.
- d) Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp chính thức đánh đổ chủ nghĩa thực dân trên thế giới.

**Câu 9: Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

“Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước kết thúc thắng lợi mở ra một bước ngoặt mới của cách mạng Việt Nam. Hiệp định đã được ký kết là cơ sở chính trị và pháp lý bảo đảm các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta, bảo đảm quyền tự quyết thiêng liêng của đồng bào ta ở miền Nam. Thắng lợi này là cơ sở để nhân dân ta tiếp tục tiến lên giành những thắng lợi mới, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước”.

(Văn kiện Đảng toàn tập (Tập 34), Lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Hiệp định chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam (ngày 28-1-1973), NXB Chính trị Quốc gia, 2001, tr.446).

- a) Hiệp định Pari (1973) là văn bản pháp lý quốc tế đầu tiên công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam.
- b) Hiệp định Pari (1973) là cơ sở pháp lý để Việt Nam tiếp tục đấu tranh giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.
- c) Hiệp định Pari (1973) mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến, tạo thời cơ thuận lợi để giải phóng hoàn toàn miền Nam.
- d) Hiệp định Pari (1973) được kí kết là kết quả của sự kết hợp đấu tranh trên các mặt trận quân sự, chính trị và ngoại giao.

**Câu 10: Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

“Con đường của cách mạng miền Nam là con đường bạo lực cách mạng. Bất kể trong tình hình nào, ta cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công và chỉ đạo linh hoạt để đưa cách mạng miền Nam tiến lên. Hiện nay, phương hướng chủ động tích cực, có lợi nhất cho sự nghiệp cách mạng của cả nước là luôn luôn giương cao ngọn cờ hòa bình và chính nghĩa, đấu tranh chính trị, quân sự và ngoại giao, buộc địch phải thi hành Hiệp định để thắng địch”.

(Văn kiện Đảng toàn tập (Tập 34), Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ngày 13-10-1973, NXB Chính trị Quốc gia, 2001, tr.661-662).

- a) Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng chủ trương đấu tranh chính trị là chủ yếu.
- b) Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 và 21 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đều chủ trương đấu tranh chủ yếu trên mặt trận quân sự và binh vận.
- c) Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tạo điều kiện để quân dân miền Nam tiếp tục tiến công địch.
- d) Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đề ra con đường đúng đắn cho cách mạng miền Nam.

**Câu 11: Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

“Cách mạng nước ta đang phát triển với nhịp độ “một ngày bằng hai mươi năm”. Do vậy, Bộ Chính trị quyết định: Chúng ta phải nắm vững thời cơ chiến lược, quyết tâm thực hiện tổng tiến công và nổi dậy, kết thúc thắng lợi chiến tranh giải phóng trong thời gian ngắn nhất. Tốt hơn cả là bắt đầu và kết thúc trong tháng 4 năm nay, không để chậm. Phải hành động “thần tốc, táo bạo, bất ngờ”. Phải tiến công ngay lúc địch hoang mang, suy sụp. Tập trung lực lượng lớn hơn nữa và những mục tiêu chủ yếu trên từng hướng, trong từng lúc”.

(Văn kiện Đảng toàn tập (Tập 36), Điện của Bộ Chính trị, 14 giờ ngày 1-04-1975, NXB Chính trị Quốc gia, 2001, tr.95).

- a) Trong chiến dịch Hồ Chí Minh (1975), quân dân Việt Nam đã hành động với phương châm “thần tốc, táo bạo, bất ngờ và chắc thắng”.
- b) Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, Bộ Chính trị đã có sự điều chỉnh chủ trương kể cả khi đang giành thắng lợi trên chiến trường.
- c) Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, Bộ Chính trị đã có sự thay đổi kế hoạch trước tác động trực tiếp của tình hình thế giới.
- d) Chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) kết hợp tiến công quân sự với nổi dậy của quần chúng, trong đó lực lượng chính trị giữ vai trò quyết định.

**Câu 12: Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

“Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỉ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”.

(Đảng Cộng sản Việt Nam, Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, NXB Sự thật, 1977, tr. 5-6).

- a) Đoạn tư liệu trên thể hiện ý nghĩa to lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam.
- b) Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ của quân dân Việt Nam phản ánh nước Mỹ đang suy yếu nghiêm trọng về mọi mặt.
- c) “Sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc” vì chủ yếu có sự giúp đỡ của các nước trên thế giới.

d) Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ của quân dân Việt Nam phản ánh sức mạnh quân sự vượt trội của Việt Nam.

### ĐÁP ÁN CHỦ ĐỀ 3

1.B	2.D	3.B	4.C	5.A	6.B	7.B	8.B	9.B	10.B
11.D	12.D	13.C	14.A	15.A	16.D	17.B	18.B	19.C	20.A
21.A	22.B	23.D	24.C	25.B	26.C	27.B	28.D	29.B	30.C
31.D	32.A	33.C	34.C	35.D	36.A	37.C	38.A	39.A	40.A
41.A	42.B	43.C	44.D	45.C	46.C	47.B	48.A	49.A	50.A
51.A	52.B	53.A							
1.SSĐĐ	2.ĐSSĐ	3.SSĐĐ	4.ĐSĐS	5. ĐSSS	6.ĐĐSS	7.SĐĐS	8.ĐSĐS	9.SĐĐĐ	10.SSĐĐ
11.ĐĐSS	12.ĐSSS								

## CHỦ ĐỀ 4. CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ 1986 ĐẾN NAY

### BÀI 10: KHÁI QUÁT VỀ CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY

#### 1. Giai đoạn khởi đầu của công cuộc đổi mới (1986 – 1995)

**Đường lối đổi mới toàn diện và đồng bộ** đất nước được đề ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986), tiếp tục được bổ sung tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (1991) của Đảng.

##### - Trọng tâm là đổi mới kinh tế:

+ Kiên quyết xoá bỏ cơ chế quản lý kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp, hình thành cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

+ Phát triển kinh tế hàng hoá xã hội chủ nghĩa.

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện Ba chương trình kinh tế lớn gồm: Lương thực - Thực phẩm, Hàng tiêu dùng và Hàng xuất khẩu.

+ Đẩy lùi và kiểm soát lạm phát, ổn định và nâng cao hiệu quả của nền kinh tế - xã hội, phấn đấu bắt đầu có tích lũy nội bộ từ nền kinh tế, từng bước đưa Việt Nam ra khỏi tình trạng khủng hoảng.

##### - Đổi mới toàn diện và đồng bộ:

+ Đổi mới kinh tế gắn liền với đổi mới chính trị, văn hoá - xã hội, chú trọng nhân tố con người. Xác định khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu

+ Đổi mới chính trị phải được tiến hành tích cực và vững chắc. Tiến hành đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị theo hướng vừa phát huy quyền làm chủ của người dân, vừa phát huy quyền lực của cơ quan Nhà nước.

#### 2. Giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế (1996-2006)

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 1996) đã xác định Việt Nam chuyển sang thời kì mới: **đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.**

- Các đại hội tiếp theo trong giai đoạn 1996 - 2006 tiếp tục đề ra đường lối đổi mới trên các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hoá - xã hội, an ninh - quốc phòng và đối ngoại nhằm phù hợp với tình hình đất nước.

+ Về kinh tế: Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Tiếp tục phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục tăng cường đầu tư xây dựng nhiều công trình lớn về kết

cầu hạ tầng, tăng cường tiềm lực về cơ sở - vật chất, công nghệ cho nền kinh tế. Xây dựng nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới.

+ Về chính trị - văn hoá - xã hội, an ninh - quốc phòng: Đẩy mạnh cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế. Nhấn mạnh phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu. Xây dựng và phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Mở rộng giải quyết các vấn đề xã hội như tạo thêm việc làm, xoá đói, giảm nghèo,. Xây dựng và tăng cường an ninh - quốc phòng.

+ Về đối ngoại: Đặt trọng tâm chủ trương “hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực”, nhằm mục tiêu phục vụ sự nghiệp phát triển của đất nước.

### **3. Giai đoạn tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng (từ năm 2006 đến nay)**

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam (2006) đã chủ trương: đẩy mạnh toàn diện công cuộc Đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển. Từ năm 2006 đến nay, Việt Nam thực hiện đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế sâu rộng.

- Nội dung cơ bản của đường lối đổi mới giai đoạn 2006 đến nay:

+ Về kinh tế: Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức. Phấn đấu đưa Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có nền công nghiệp theo hướng hiện đại.

+ Về chính trị - văn hoá - xã hội, an ninh - quốc phòng: Tăng cường xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hoá thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định.

+ Về đối ngoại: Chuyển từ “hội nhập kinh tế quốc tế” sang “chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng”, mở rộng phạm vi, lĩnh vực và tính chất của hội nhập. Thực hiện chiến lược hội nhập quốc tế toàn diện trên các lĩnh vực, trong đó hội nhập kinh tế là trọng tâm.

## **BÀI 11: THÀNH TỰU CƠ BẢN VÀ BÀI HỌC CỦA CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY**

### **1. Thành tựu cơ bản của công cuộc đổi mới**

Công cuộc Đổi mới toàn diện đất nước (từ năm 1986 đến nay) đã đưa Việt Nam ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá cũng như hội nhập quốc tế mạnh mẽ, sâu rộng.

- **Kinh tế:**

+ Có sự chuyển đổi từ mô hình quản lý kinh tế theo cơ chế tập trung, bao cấp sang mô hình kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa và đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

+ Trong suốt quá trình chuyển đổi từ mô hình quản lý kinh tế theo cơ chế tập trung, bao cấp sang mô hình kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, Việt Nam đã vươn lên thành một điểm sáng tăng trưởng trong khu vực và trên thế giới với nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Nền kinh tế không chỉ tăng trưởng về quy mô mà chất lượng tăng trưởng cũng được cải thiện, quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá cũng như hội nhập quốc tế diễn ra mạnh mẽ, sâu rộng.

- **Chính trị, an ninh - quốc phòng:**

+ Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vững mạnh; tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu quả; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân được củng cố, tăng cường.

+ Những thành tựu đó đã góp phần giữ vững sự ổn định chính trị và môi trường hoà bình cho công cuộc xây dựng, công cuộc Đổi mới của Việt Nam.

- **Văn hoá - xã hội:** Công cuộc xoá đói, giảm nghèo đã được thực hiện thành công, đất nước đã bước ra khỏi tình trạng kém phát triển. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện và không ngừng nâng cao.

- **Hội nhập quốc tế:** Quá trình hội nhập quốc tế đạt được nhiều thành tựu quan trọng về hội nhập chính trị, kinh tế, an ninh - quốc phòng, văn hoá và các lĩnh vực khác

+ Hội nhập về chính trị, an ninh - quốc phòng: Hội nhập quốc tế trong lĩnh vực chính trị, an ninh - quốc phòng có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm môi trường hoà bình, ổn định để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần củng cố và phát triển nền tảng vững chắc cho hội nhập trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, khoa học, công nghệ, y tế, giáo dục.

Việt Nam tăng cường tin cậy chính trị và đan xen lợi ích giữa Việt Nam với các đối tác, đặc biệt là các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện. Các đối tác đều coi trọng, tín nhiệm và mong muốn tăng cường quan hệ với Việt Nam.

Việt Nam đã chủ động đảm đương và tích cực đóng góp cho hoà bình, ổn định, phát triển ở khu vực và toàn cầu. Điểm rất mới trong thời gian qua là những đóng góp của Việt Nam cho Lực lượng Gìn giữ hoà bình Liên hợp quốc. Từ đó, Việt Nam đã khẳng định được vai trò rất quan trọng của đối ngoại quốc phòng, an ninh của Việt Nam và nâng cao vị thế đất nước trên trường quốc tế, đóng góp tích cực vào việc duy trì hoà bình, ổn định, an ninh khu vực và quốc tế, đồng thời góp phần tranh thủ các nguồn lực bên ngoài cho việc bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

+ Hội nhập về kinh tế: Hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra sâu rộng, trên nhiều cấp độ, đa dạng về hình thức, đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế. Việt Nam đã và đang trở thành một trong những nền kinh tế hội nhập toàn diện nhất thế giới qua các cấp độ (song phương, đa phương, khu vực) và theo các hình thức, khuôn khổ khác nhau, đối tác chiến lược, hiệp định (thương mại, đầu tư, môi trường), diễn đàn (APEC, ASEM,...), tổ chức quốc tế (Ngân hàng Thế giới, Quỹ Tiền tệ quốc tế,...), trong đó, việc trở thành thành viên WTO là sự kiện quan trọng nhất đánh dấu mốc quan trọng trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, mở ra một giai đoạn mới: nền kinh tế Việt Nam hội nhập sâu và toàn diện hơn vào nền kinh tế thế giới.

+ Hội nhập về văn hoá và các lĩnh vực khác:

Thành tựu nổi bật của hợp tác quốc tế về văn hoá là đã triển khai toàn diện các lĩnh vực hợp tác, giao lưu văn hoá, thông tin đối ngoại, mở rộng quan hệ ở nhiều địa bàn, từng bước phát triển sang tất cả các châu lục. Vị thế Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao, con người và cuộc sống Việt Nam được bạn bè thế giới hiểu biết rõ hơn.

Trong giáo dục, Việt Nam đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong giáo dục với các quốc gia trên thế giới và vùng lãnh thổ, đồng thời là thành viên tích cực của các tổ chức giáo dục quốc tế.

Trong lĩnh vực khoa học - công nghệ, việc hợp tác nghiên cứu diễn ra ngày càng mạnh mẽ. Tính đến năm 2020, Việt Nam là thành viên của gần 100 tổ chức quốc tế về khoa học - công nghệ; có quan hệ về hợp tác khoa học - công nghệ với hơn 90 quốc gia, vùng lãnh thổ và tổ chức quốc tế; hơn 80 điều ước, thỏa thuận quốc tế về hợp tác khoa học - công nghệ cấp Chính phủ, cấp Bộ đã được ký kết và thực hiện.

Hợp tác trong y tế, trong lĩnh vực bảo vệ môi trường... cũng ngày càng rộng mở và đạt nhiều thành tựu.



**Câu 8.** Một trong những nhiệm vụ trung tâm của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam giai đoạn 1996-2006 là

- A. đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, cải cách hệ thống giá, chống lạm phát.
- B. đổi mới chính sách văn hoá - xã hội, ưu tiên phát triển y tế, giáo dục.
- C. đổi mới hệ thống chính trị, đẩy mạnh xây dựng và chỉnh đốn Đảng.
- D. đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.

**Câu 9:** Một trong những yếu tố khách quan tác động trực tiếp đến việc Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra đường lối đổi mới đất nước (từ tháng 12-1986) là

- A. cuộc khủng hoảng trầm trọng của nền kinh tế thế giới.
- B. cuộc khủng hoảng toàn diện, trầm trọng ở Liên Xô.
- C. sự phát triển nhanh chóng của tổ chức ASEAN.
- D. tình trạng lạc hậu của các nước Đông Nam Á.

**Câu 10:** Đại hội nào của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đi vào lịch sử dân tộc ta là Đại hội đổi mới toàn diện đất nước?

- A. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12-1986).
- B. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (12-1991).
- C. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (12-1982).
- D. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12-1976).

**Câu 11:** Đường lối đổi mới kinh tế của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2006 đến nay **không** có nội dung nào sau đây?

- A. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
- B. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế trí thức.
- C. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.
- D. Phát triển nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

**Câu 12:** Đường lối đổi mới văn hóa – xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam đoạn 1986 - 1995 **không** có nội dung nào sau đây?

- A. Đảm bảo quyền thông tin, quyền tự do sáng tạo của công dân.
- B. Xây dựng nền văn hóa mới, phong phú, đa dạng.
- C. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.
- D. Phát huy yếu tố con người, lấy phục vụ con người là mục đích cao nhất.

**Câu 13.** Đường lối đổi mới kinh tế của Đảng Cộng sản Việt Nam giai đoạn 1996 - 2006 **không** đề cập nội dung nào sau đây?

- A. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
- B. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
- C. Tích cực đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế.
- D. Gắn tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

**Câu 14:** Ba chương trình kinh tế lớn được Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (12 - 1986) xác định là

- A. lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng.
- B. thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu.
- C. lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu.
- D. lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng nhập khẩu.

**Câu 15:** Đảng cộng sản Việt Nam tiến hành công cuộc đổi mới đất nước (12/1986) trong hoàn cảnh nào sau đây?

- A. Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới đã sụp đổ
- B. Đất nước đang trên đà phát triển rất mạnh mẽ.
- C. Đang lâm vào khủng hoảng về kinh tế - xã hội.
- D. Tình hình thế giới có rất nhiều điểm thuận lợi.

**Câu 16:** Theo quan điểm đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1986, đổi mới phải toàn diện và đồng bộ, nhưng trọng tâm là

- A. đổi mới về chính trị.
- B. đổi mới về kinh tế.
- C. đổi mới về văn hóa.
- D. đổi mới về tổ chức.

**Câu 17:** Trong đường lối đổi mới đất nước (từ tháng 12-1986), Đảng cộng sản Việt Nam chủ trương

- A. tập trung đổi mới chính trị, tư tưởng.
- B. đổi mới phải căn bản và toàn diện.
- C. đổi mới phải toàn diện và toàn dân.
- D. tập trung đổi mới về kinh tế - xã hội.

**Câu 18:** Đường lối đổi mới văn hóa - xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam giai đoạn 1996 - 2006 **không** có nội dung nào sau đây?

- A. Đẩy mạnh cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.
- B. Nhấn mạnh phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu.
- C. Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, là động lực thúc đẩy sự phát triển của đất nước.
- D. Mở rộng giải quyết các vấn đề xã hội như tạo thêm việc làm, xoá đói, giảm nghèo.

**Câu 19:** Đường lối đổi mới chính sách đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam giai đoạn 1996 - 2006 có nội dung nào sau đây?

- A. Đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế.
- B. Tiếp tục thúc đẩy nền kinh tế thị trường phát triển.
- C. Xây dựng và phát triển nền văn hoá đậm đà bản sắc.
- D. Cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước pháp quyền.

**Câu 20:** Nhiệm vụ trung tâm công cuộc đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2006 đến nay là

- A. đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.
- B. tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng.
- C. đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển nền kinh tế tri thức.
- D. tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nền kinh tế tri thức.

**PHẦN II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG, SAI: Trong mỗi ý a, b, c, d học sinh chọn đúng hoặc sai**

**Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

“Về quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, phải tập trung làm tốt đổi mới kinh tế, đáp ứng những đòi hỏi cấp bách của nhân dân về đời sống, việc làm và các nhu cầu xã hội khác, xây dựng cơ sở vật chất ... kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, coi đó là điều kiện quan trọng để tiến hành thuận

lợi đổi mới trong lĩnh vực chính trị. Đồng thời với đổi mới kinh tế phải từng bước đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, phát huy ngày càng tốt quyền làm chủ và năng lực sáng tạo của nhân dân trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội”.

(Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, NXB Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.54)

- a) ĐCS Việt Nam xác định đổi mới kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, là điều kiện thuận lợi để đổi mới chính trị.
- b) Cần ưu tiên đổi mới kinh tế vì chỉ có thể đổi mới các lĩnh vực khác sau khi đã xây dựng hoàn thiện điều kiện vật chất kĩ thuật cho chủ nghĩa xã hội.
- c) Đảng Cộng sản Việt Nam đặc biệt quan tâm phải nhận thức và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị.
- d) Thực tiễn cho thấy, Đảng Cộng sản Việt Nam có những bước đi phù hợp trong đổi mới chính trị, thận trọng nhưng không bảo thủ, trì trệ.

**Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

“Đến Đại hội IX (4-2001), khái niệm kinh tế thị trường đã ra đời, khẳng định nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kì quá độ. Mục đích của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là phát triển lực lượng sản xuất, phát triển kinh tế để xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, nâng cao đời sống nhân dân... Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc”.

(Võ Văn Sen, Lịch sử kinh tế Việt Nam, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 2017, tr.393)

- a) Mô hình kinh tế tổng quát của Việt Nam thời kì quá độ là kinh tế thị trường định hướng XHCN.
- b) Mục tiêu của quá trình phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam là nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.
- c) Đặc điểm của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là có ba thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.
- d) Kinh tế thị trường là phương thức để thực hiện mục đích xây dựng chủ nghĩa xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

**Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

“Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hoá, bảo đảm vừa phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc, vừa tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại, tạo động lực phát triển kinh tế – xã hội và hội nhập quốc tế... Nâng cao vai trò của văn hoá, nghệ thuật trong việc bồi dưỡng tâm hồn, nhân cách của con người Việt Nam, nhất là trong thế hệ trẻ. Bảo đảm quyền hưởng thụ, tự do sáng tạo trong hoạt động văn hoá, nghệ thuật của mỗi người dân và cộng đồng. Hoàn thiện các cơ chế, chính sách phát

triển công nghiệp văn hoá; phát triển những sản phẩm, loại hình văn hoá độc đáo, sáng tạo có sức lan toả để quảng bá, giới thiệu ra thế giới”.

(Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.143)

- a) Trong thời kì Đổi mới, Đảng chủ trương phát huy giá trị văn hoá truyền thống, hạn chế tác động của các yếu tố bên ngoài.
- b) Mục tiêu của xây dựng nền văn hoá Việt Nam thời kì Đổi mới là tạo động lực cho sự phát triển đất nước và hội nhập quốc tế sâu rộng.
- c) Các hoạt động văn hoá, quan hệ văn hoá, thiết chế văn hoá hướng vào bổ sung, hoàn thiện hệ giá trị, chuẩn mực; bồi đắp cho con người phát triển toàn diện cả về phẩm chất, năng lực.
- d) Đảng chủ trương phát triển công nghiệp văn hoá phải gắn liền với việc quảng bá, lan toả hình ảnh đất nước, con người Việt Nam; từ đó góp phần bảo tồn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trong quá trình giao lưu, hội nhập quốc tế.

**Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

“Chỉ có đổi mới thì mới thấy đúng và thấy hết sự thật, thấy những nhân tố mới để phát huy, những sai lầm để sửa chữa,... Muốn thế phải đấu tranh chống cái cũ, chống bảo thủ trì trệ, chống giáo điều rập khuôn, chống chủ quan nóng vội, chống tha hóa biến chất, chống những thói quen lỗi thời, dai dẳng”.

(Diễn văn khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam, trích trong: Văn kiện Đảng, Toàn tập, Tập 47, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.690)

- a) Đổi mới đất nước là yêu cầu tất yếu trong quá trình phát triển.
- b) Một trong những biểu hiện của đổi mới là chống giáo điều rập khuôn.
- c) Công cuộc Đổi mới thành công để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu.
- d) Nếu không tiến hành đổi mới sẽ không thể thấy đúng và thấy hết sự thật.

**Câu 5. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

"Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan niệm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp”.

(Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI), ngày 29-3-1989, trích trong: Văn kiện Đảng, Toàn tập, Tập 49, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.968)

- a) Đổi mới cần gắn liền với điều chỉnh mục tiêu xã hội chủ nghĩa.
- b) Đổi mới để thực hiện có hiệu quả mục tiêu đi lên chủ nghĩa xã hội.
- c) Công cuộc Đổi mới để lại những bài học kinh nghiệm quý giá.
- d) Xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng những bước đi và biện pháp phù hợp.

**Câu 6. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

"Mục tiêu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất – kỹ thuật hiện đại, có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh".

(Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (1996), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.80)

- a) Mục tiêu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá là xây dựng cơ cấu kinh tế Việt Nam ngày càng hiện đại.
- b) Mục tiêu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá là đưa Việt Nam trở thành một nước công nghiệp.
- c) Cơ cấu kinh tế hợp lý và hiện đại là điều kiện tiên quyết của công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam.
- d) Trình độ của quan hệ sản xuất sẽ quyết định sự phát triển của lực lượng sản xuất và cơ sở vật chất – kỹ thuật.

**Câu 7. Đọc đoạn tư liệu sau đây, trong mỗi ý A, B, C, D, học sinh chọn đi hoặc sai.**

"Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là nền kinh hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Đây là một hình thái kinh tế thị trường vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội".

(Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (2011) NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.204-205)

- a) Nền kinh tế ở Việt Nam vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước.
- b) Nền kinh tế Việt Nam có nhiều thành phần khác nhau, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.
- c) Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, không có sự tồn tại của thành phần kinh tế tư nhân.
- d) Kinh tế thị trường ở Việt Nam có sự chi phối bởi các nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội.

**Câu 8: Đọc đoạn tư liệu sau đây**

"Đổi mới ở Việt Nam là quá trình thử nghiệm, trong quá trình đó cái mới và cái cũ xen kẽ nhau, cái cũ không mất đi ngay mà lùi dần, có lúc, có nơi còn chiếm ưu thế hơn so với cái mới, nhưng xu hướng chung là cái mới vẫn được khẳng định và đưa tới thành công".

(Nguyễn Duy Quý. Hai mươi năm đổi mới - thành tựu và những vấn đề đặt ra, trích trong: Việt Nam 20 năm đổi mới, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.581).

- a. Quá trình đổi mới là quá trình thanh lọc và loại trừ dần những cái chưa phù hợp với yêu cầu phát triển.
- b. Đổi mới là liên tục thay đổi cái mới, cái tiến bộ của thời đại và loại bỏ hết những cái cũ trước đó.
- c. Đổi mới là phát triển nên cần phải thay đổi cái cũ bằng những cái mới mang tính cập nhật thời đại.
- d. Trong quá trình đổi mới phải vận dụng linh hoạt quy luật phát triển, tư duy lịch sử và biện chứng.

**Câu 9: Đọc đoạn tư liệu sau đây**

"Chúng ta không thể né tránh, kiêng kỵ cơ chế thị trường, vì đó là sự vận động của quy luật khách quan ngoài ý muốn của ta. Trong cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, chúng ta đã bác bỏ cơ chế

thị trường, làm trái quy luật khách quan, gây ra những hậu quả nghiêm trọng kéo dài, rốt cuộc vẫn phải bị động chạy theo tính tự phát của thị trường tự do. Đó là sai lầm cần phải khắc phục".

(Trường Chinh, Đổi mới là đòi hỏi bức thiết của đất nước và của thời đại, NXB Sự thật, Hà Nội, 1988, tr.65).

- Cơ chế thị trường là quy luật khách quan của sự phát triển.
- Đoạn tư liệu trên nói về những sai lầm của đất nước trước khi thực hiện đổi mới.
- Đổi mới ở Việt Nam là yêu cầu bức thiết của đất nước và của thời đại.
- Đổi mới ở Việt Nam hướng tới xây dựng nền kinh tế thị trường kiểu tư bản chủ nghĩa.

#### **Câu 10. Đọc đoạn tư liệu sau đây**

“Quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường ở Việt Nam đã không xáo trộn về xã hội, đổ vỡ về chính trị như các cuộc cải tổ, cải cách ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên Xô trước đây. Con đường phát triển hợp quy luật đã giúp Việt Nam giảm nhanh được tình trạng nghèo đói, bước đầu xây dựng nền kinh tế công nghiệp hoá, đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao đi đôi với sự công bằng tương đối trong xã hội”.

(Nguyễn Ngọc Mão (Chủ biên), Lịch sử Việt Nam, Tập 15, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2017, tr.422)

- Việt Nam liên tục đạt được tốc độ tăng trưởng cao và thành công trong công cuộc xoá đói giảm nghèo.
- Quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường ở Việt Nam không gây ra những biến động lớn về chính trị, xã hội.
- Quá trình phát triển ở Việt Nam nhìn chung có sự hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội.
- Nền kinh tế công nghiệp ở Việt Nam đạt được tốc độ tăng trưởng rất cao gắn liền với công bằng xã hội.

#### **ĐÁP ÁN CHỦ ĐỀ 4**

1.B	2.D	3.C	4.B	5.B	6.B	7.B	8.D	9.B	10.A
11.C	12.C	13.C	14.C	15.C	16.B	17.B	18.A	19.A	20.B
1.ĐSĐĐ	2.ĐĐSĐ	3.SĐĐĐ	4.ĐĐSĐ	5.SĐSĐ	6.SĐSS	7.ĐĐSĐ	8.ĐSSĐ	9. ĐĐĐS	10. SĐĐS

### **CHỦ ĐỀ 5: LỊCH SỬ ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM THỜI CẬN – HIỆN ĐẠI**

#### **BÀI 12: HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM TRONG ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC (ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945)**

##### **1. Hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh**

- **Hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu** chủ yếu diễn ra ở Nhật Bản, Trung Quốc với mục đích tìm kiếm sự giúp đỡ từ bên ngoài để chống thực dân Pháp, giành độc lập dân tộc.

+ Đầu năm 1905, Phan Bội Châu sang Nhật Bản nhờ giúp đỡ cho công cuộc cứu nước; ông đưa 200 thanh niên Việt Nam sang học tập ở các trường tư thục khác nhau. Năm 1908, Phan Bội Châu tham gia thành lập các tổ chức có mục tiêu đoàn kết quốc tế để hợp sức chống đế quốc.

+ Năm 1911, Phan Bội Châu quyết định về hoạt động ở Trung Quốc và đầu năm 1912, Phan Bội Châu tham gia thành lập một số tổ chức, nhằm đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập. Phan Bội Châu cử người liên lạc với một số tổ chức, đại diện nước ngoài như Công sứ Đức, Đại sứ quán Nga,... để tìm

kiếm sự giúp đỡ cho phong trào đấu tranh chống Pháp Việt Nam.

- **Hoạt động đối ngoại của Phan Chu Trinh** diễn ra chủ yếu ở Pháp (ông sang Pháp từ năm 1911) với mục đích vận động cải cách cho Việt Nam.

+ Tiếp xúc với một số nhóm Việt kiều, tổ chức, đảng phái tiến bộ. Nhiều lần gửi kiến nghị đến Hội Nhân quyền Pháp, đến các thành viên của Chính phủ Pháp., phê phán chính quyền thực dân, thức tỉnh dư luận Pháp về tình hình Việt Nam.

+ Với chủ trương “Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”, Phan Châu Trinh đã đi nhiều nơi với mục đích xem xét tình hình nhân dân, sĩ khí và tìm bạn đồng chí hướng.

Ở Nhật, ông tiếp xúc với nhiều nhà chính trị, sau đó sang Pháp, tiếp tục đấu tranh, lên tiếng tố cáo chế độ thuộc địa.

Ông nhiều lần gửi kiến nghị Hội Nhân quyền và Dân quyền Pháp, gửi kiến nghị cho An-be Xa-rô lúc đó sắp sang nhậm chức Toàn quyền Đông Dương....

Phan Châu Trinh tìm cách liên hệ với những người trong Liên minh Nhân quyền và Đảng Xã hội Pháp, tiếp xúc với các nhóm Việt kiều và các đảng phái tiến bộ, tổ chức nhiều buổi diễn thuyết phê phán sự bất công của chính quyền thực dân, đánh động dư luận Pháp về tình hình ở Việt Nam.

+ Ông đã đóng vai trò quan trọng trong việc thành lập và hoạt động của một số tổ chức yêu nước Việt Nam tại Pháp, tham gia nhóm soạn thảo Bản yêu sách của nhân dân An Nam gửi tới Hội nghị Véc-xai.

## **2. Hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc và Đảng Cộng sản Đông Dương**

### **a. Hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc (1911 -1930 )**

- **Trong những năm 1911 - 1922**, Nguyễn Ái Quốc đã đi qua nhiều quốc gia khác nhau và có những hoạt động đối ngoại nổi bật tại Pháp:

+ Gặp gỡ, tiếp xúc với nhiều nhà hoạt động chính trị, văn hoá của Pháp và nhiều nước châu Âu.

+ Năm 1920, tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.

+ Năm 1921, tham gia thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa. Trên cương vị Trưởng ban Nghiên cứu về Đông Dương thuộc Đảng Cộng sản Pháp, Nguyễn Ái Quốc tích cực xây dựng mối quan hệ gắn bó giữa những người cộng sản với nhân dân lao động Pháp và nhân dân các nước thuộc địa.

- **Trong những năm 1923 - 1930**, hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc diễn ra chủ yếu ở Liên Xô và Trung Quốc:

+ Tháng 6 - 1923, Nguyễn Ái Quốc đến Liên Xô, tích cực tham gia các hội nghị, đại hội của Quốc tế Cộng sản. Tại những diễn đàn này, Nguyễn Ái Quốc trình bày quan điểm về vai trò của cách mạng thuộc địa, về lực lượng cách mạng ở thuộc địa, về quan hệ giữa cách mạng ở chính quốc với thuộc địa,... Bằng những hoạt động này, Nguyễn Ái Quốc chính thức xác lập mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với Quốc tế Cộng sản và cách mạng thế giới.

+ Từ cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc), mở các lớp huấn luyện chính trị cho thanh niên yêu nước Việt Nam. Trong các bài giảng, Nguyễn Ái Quốc nhấn mạnh sự cần thiết phải đoàn kết và tập hợp lực lượng quốc tế.

### **b. Hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương (1930 – 1945)**

Trong những năm 1930 - 1945, hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương chủ yếu phục vụ cho cuộc đấu tranh chống thực dân, phát xít, tiến tới giành độc lập, tự do, góp phần bảo vệ hoà bình:

- Là một phân bộ của Quốc tế Cộng sản, Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo, tổ chức nhiều hoạt động ủng hộ Liên Xô; phối hợp với các tổ chức của người Pháp, người Hoa ở Đông Dương tiến hành quyên góp giúp đỡ các nạn nhân chiến tranh ở Trung Quốc.
- Đảng Cộng sản Đông Dương tích cực củng cố quan hệ với Đảng Cộng sản Trung Quốc, thành lập Tiểu ban vận động Hoa Kiều, giúp đỡ người Hoa tổ chức hội cứu quốc.
- Nhằm mở rộng quan hệ với lực lượng chống quân phiệt Nhật Bản ở Đông Nam Á, Đảng Cộng sản Đông Dương liên lạc với phong trào dân tộc chống quân phiệt Nhật Bản ở một số nước như: Miên Điện, Mã Lai, Phi-líp-pin, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a,...
- Thông qua Mặt trận Việt Minh, hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương thể hiện rõ chủ trương đứng về phía lực lượng Đồng minh trong cuộc chiến chống quân phiệt Nhật Bản, đồng thời, tranh thủ sự ủng hộ quốc tế cho cách mạng Việt Nam.

### **BÀI 13. HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1945 - 1954) VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ (1954 - 1975)**

#### **1. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)**

##### **\* Từ tháng 9/1945 đến 12/1946**

- Chính phủ Việt Nam đã gửi thư, công hàm đề nghị Đại hội đồng Liên hợp quốc và các nước lớn công nhận Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.
- Với Trung Hoa Dân quốc, Chính phủ Việt Nam DCCH thực hiện sách lược hoà hoãn;
- Với Pháp, Chính phủ Việt Nam DCCH thực hiện sách lược hoà để tiến để tranh thủ thời gian củng cố chính quyền cách mạng; đồng thời, luôn thể hiện thiện chí hoà bình với Chính phủ Pháp và nhân dân Pháp. (Hiệp định Sơ bộ 6/3/1946 và Tạm ước 14/9/1946)
- 1949 Việt Nam tham gia đại hội sáng lập Hội đồng Hòa bình thế giới.
- Việt Nam nỗ lực mở các cơ quan đại diện ngoại giao, các cơ quan thông tin ở một số nước trên thế giới.

##### **\* Từ tháng 1950 đến 1954**

- 1950, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thiết lập quan hệ ngoại giao với Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác.
- 1951, Liên minh nhân dân Việt - Miên - Lào được thành lập trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và tôn trọng chủ quyền của nhau.
- Tranh thủ sự ủng hộ quốc tế, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà gặp gỡ đại diện nhiều tổ chức quốc tế, thành lập các hội hữu nghị và Ủy ban Bảo vệ hoà bình thế giới.
- Năm 1954, Phái đoàn Việt Nam do Phó thủ tướng kiêm Bộ trưởng ngoại giao Phạm Văn Đồng tham gia Hội nghị quốc tế về Đông Dương được tổ chức ở Giơ-ne-vơ, Chính phủ Việt Nam đã kiên trì đấu tranh bảo vệ các lợi ích chính đáng của ba nước Đông Dương. 21/7/1954 Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí, Pháp buộc phải chấm dứt chiến tranh trên bán đảo Đông Dương, công nhận độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

#### **2. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975)**

- Đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ thông qua việc phối hợp với các tổ chức quốc tế.
- Củng cố, tăng cường quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa, nhất là với Liên Xô, Trung Quốc, vận động các nước xã hội chủ nghĩa ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

- Thiết lập quan hệ ngoại giao với Lào, xây dựng quan hệ láng giềng hữu nghị với Cam-pu-chia; đồng thời, phát triển mối quan hệ liên minh chiến đấu 3 nước Đông Dương. Năm 1970, Hội nghị cấp cao 3 nước Đông Dương biểu thị quyết tâm đoàn kết chống Mỹ.
- Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ủng hộ cuộc đấu tranh đòi độc lập của nhân dân các nước Á, Phi, Mỹ La-tinh.
- Chính phủ Việt Nam DCCCH tích cực lên án cuộc chiến tranh phi nghĩa mà Mỹ tiến hành ở miền Nam Việt Nam, tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới đối với cuộc kháng chiến.
- Thực hiện sách lược “vừa đánh, vừa đàm”, nỗ lực thúc đẩy Hội nghị Pa-ri. Ngày 27/1/1973, Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam được kí kết, Mỹ cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam.

## **BÀI 14. HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM TỪ NĂM 1975 ĐẾN NAY**

### **1. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn 1975 – 1985**

- Hợp tác toàn diện với các nước xã hội chủ nghĩa, nhất là trên lĩnh vực kinh tế; coi trọng quan hệ hợp tác chặt chẽ với Liên Xô; đàm phán với Trung Quốc để giải quyết các xung đột về biên giới, lãnh thổ, lãnh hải. Đặc biệt, Việt Nam coi quan hệ hợp tác chặt chẽ với Liên Xô “là nguyên tắc, là chiến lược” trong hoạt động đối ngoại, tranh thủ được sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn, có hiệu quả của Liên Xô trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- Thúc đẩy quan hệ với các nước Đông Nam Á, sẵn sàng thiết lập quan hệ hợp tác, cùng tồn tại hoà bình và phát triển với các nước thành viên ASEAN; phát triển quan hệ hữu nghị, tình đoàn kết chiến đấu và hợp tác với Lào, Cam-pu-chia.
- Việt Nam tích cực thiết lập quan hệ với nhiều tổ chức quốc tế, với nhiều nước trên thế giới và trong khu vực:
  - + Việt Nam tích cực đấu tranh chống chính sách cấm vận của Mỹ, hợp tác giải quyết các vấn đề nhân đạo...; góp phần đẩy mạnh quan hệ với các nước tư bản, gia nhập các tổ chức quốc tế,...
  - + Tham gia các hoạt động góp phần phát huy vai trò tích cực của Phong trào Không liên kết (1978) trong cuộc đấu tranh bảo vệ hoà bình.

### **2. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong thời kì Đổi mới (từ năm 1986 đến nay)**

- Việt Nam nỗ lực phá thế bao vây cấm vận, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng (giải quyết vấn đề Cam-pu-chia, bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc (1991), với Mỹ (1995) và gia nhập ASEAN (1995).
- Củng cố quan hệ với các đối tác truyền thống (Lào, CPC, Cu-Ba), mở rộng quan hệ đối ngoại với các đối tác khác; đồng thời nâng tầm lên quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với một số nước (Mỹ, Ấn Độ, Hàn Quốc, Trung Quốc, LB Nga, Nhật Bản).
- Việt Nam tích cực, chủ động hội nhập khu vực và thế giới, trở thành thành viên có trách nhiệm của nhiều tổ chức quốc tế; triển khai hoạt động đối ngoại tại các tổ chức, diễn đàn, hội nghị đa phương với đối tác trọng tâm có tầm ảnh hưởng: gia nhập ASEAN (1995), tham gia tổ chức WTO... tổ chức thành công các hội nghị quốc tế lớn (Hội nghị APEC)... 2 lần được bầu là thành viên không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, Chủ tịch ASEAN...
- Triển khai các hoạt động đối ngoại bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải, biển đảo của Tổ quốc thông qua việc tham gia đàm phán và kí kết các thoả thuận, các hiệp định về phân định biên giới trên bộ, trên biển. Với Trung Quốc, Việt Nam kí hiệp ước phân định biên giới đất liền và Vịnh Bắc bộ. Với Các nước ĐNA hải đảo, Việt Nam kí hiệp ước phân định biên giới trên biển...

- Việt Nam tích cực hợp tác nhằm bảo vệ môi trường, giao lưu văn hoá và hỗ trợ nhân đạo, cam kết tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu, thúc đẩy gắn kết với các nước trong khu vực và trên thế giới thông qua giao lưu văn hoá. 1997, kí nghị định thư Ky-o-to về biến đổi khí hậu...

→ Các hoạt động đối ngoại của Việt Nam được triển khai nhằm phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế và nâng cao vị thế trên trường quốc tế.

## PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

**Câu 1.** Hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu những năm 1905 – 1909 diễn quốc gia nào sau đây?

A. Ấn Độ. B. Nhật Bản. C. Đức. D. Nga.

**Câu 2.** Với mục tiêu đánh đuổi thực dân Pháp để giành lại độc lập, năm 1905, Phan Bội Châu khởi xướng phong trào nào sau đây?

A. Đông du. B. Cần vương. C. cải tiến. D. Duy tân.

**Câu 3.** Sau khi phong trào Đông du thất bại (1908), Phan Bội Châu chuyển hoạt động đối ngoại của mình chủ yếu sang quốc gia nào sau đây?

A. Đức. B. Trung Quốc. C. Triều Tiên. D. Nga.

**Câu 4.** Các hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu đầu thế kỉ XX nhằm mục đích nào sau đây?

- A. Thiết lập liên minh quân sự ở châu Á.
- C. Hợp tác kinh tế với các nước láng giềng.
- B. Thành lập liên minh để chống phát xít.
- D. Tìm kiếm sự giúp đỡ để chống Pháp.

**Câu 5.** Từ năm 1911 đến năm 1925, các hoạt động đối ngoại của Phan Châu Trinh diễn ra chủ yếu ở quốc gia nào sau đây?

A. Pháp. B. Nhật Bản. C. Đức. D. Anh.

**Câu 6.** Từ năm 1911 đến năm 1925, các hoạt động đối ngoại của Phan Châu Trinh hướng đến mục tiêu nào sau đây?

- A. Thức tỉnh dư luận Pháp về vấn đề Đông Dương.
- B. Thành lập liên minh quân sự để chống phát xít.
- C. Tổ chức các hoạt động khởi nghĩa vũ trang.
- D. Thành lập liên minh các dân tộc thuộc địa.

**Câu 7.** Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, thông qua Mặt trận Việt Minh, Đảng Cộng sản Đông Dương ủng hộ lực lượng nào sau đây?

A. Khối Hiệp ước. B. Phe Đồng minh. C. Nhật Bản. D. Đức và Ý.

**Câu 8.** Trong quá trình hoạt động cách mạng những năm 1920 – 1925, Nguyễn Ái Quốc đã tham gia thành lập tổ chức nào sau đây?

- A. Tâm tâm xã.
- B. Mặt trận Việt Minh.
- C. Hội Liên hiệp thuộc địa.
- D. Duy Tân hội.

**Câu 9.** Trong những năm 1944 – 1945, Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Đông Dương đã chủ động liên lạc với lực lượng Đồng minh thông qua quốc gia nào sau đây để cùng đấu tranh chống Nhật Bản?

- A. Mỹ.      B. Ấn Độ.      C. Phi-lip-pin.      D. In-đô-nê-xi-a.

**Câu 10.** Các nhà yêu nước Việt Nam trong thập niên đầu thế kỉ XX tiến hành các hoạt động đối ngoại trong bối cảnh nào sau đây?

- A. Con đường giải phóng dân tộc theo ngọn cờ phong kiến bị bế tắc.  
 B. Đảng Cộng sản Pháp đã thành lập và giúp đỡ cách mạng Việt Nam.  
 C. Phong trào đấu tranh chống phát xít trên thế giới phát triển mạnh mẽ.  
 D. Phong trào dân tộc theo khuynh hướng dân chủ tư sản ngừng hoạt động.

**Câu 11.** Những hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương (1930 – 1945) có một trong những mục đích nào sau đây?

- A. Tranh thủ sự giúp đỡ của phe xã hội chủ nghĩa.  
 B. Bước đầu gắn cách mạng Việt Nam với thế giới.  
 C. Tiếp nhận sự viện trợ kinh tế của Trung Quốc.  
 D. Tranh thủ sự giúp đỡ của cách mạng thế giới.

**Câu 12.** Những hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương trong những năm 1930 – 1945 **không** có ý nghĩa quan trọng nào sau đây?

- A. Gắn kết cách mạng Việt Nam với các cuộc cách mạng vô sản.  
 B. Đưa Việt Nam trở thành lãnh đạo phong trào cách mạng châu Á.  
 C. Đưa Việt Nam trở thành bộ phận của phong trào chống phát xít.  
 D. Góp phần vào công cuộc chống nghĩa đế quốc và chiến tranh đế quốc.

**Câu 13.** Một trong những mục đích đối ngoại của Việt Nam sau khi giành được chính quyền (8-1945) là

- A. thành lập liên minh chiến đấu Việt - Miên - Lào.  
 B. tránh đối đầu cùng một lúc với nhiều kẻ thù.  
 C. thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước xã hội chủ nghĩa  
 D. kháng chiến chống thực dân Anh – Pháp.

**Câu 14.** Ý nào sau đây **không** phải hoạt động đối ngoại của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa trong những năm 1945-1946?

- A. Kí với đại diện chính phủ Pháp bản Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946).  
 B. Kí với đại diện chính phủ Pháp bản Tạm ước (14-9-1946).  
 C. Hòa hoãn với quân Trung Hoa dân quốc.  
 D. Thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên Xô.

**Câu 15.** Trong những năm 1945-1946, Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa đã gửi công hàm đề nghị Đại hội đồng Liên hợp quốc điều nào sau đây?

- A. Công nhận Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

- B. Giải giáp quân đội phát xít Nhật ra khỏi Việt Nam.
- C. Giúp đỡ Việt Nam xây dựng đất nước.
- D. Yêu cầu Anh, Pháp rút quân về nước.

**Câu 16.** Văn bản pháp lí quốc tế nào đã ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương?

- A. Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946).
- B. Tạm ước (14-9-1946).
- C. Hiệp định Pa-ri (27-1-1973).
- D. Hiệp định Giơ-ne-vơ (21-7-1954).

**Câu 17.** Năm 1951, ba nước Đông Dương đã tổ chức hội nghị nào sau đây?

- A. Hội nghị thành lập liên minh chiến đấu Việt - Miên - Lào.
- B. Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương thể hiện quyết tâm đoàn kết chống Mỹ.
- C. Hội nghị hợp tác về kinh tế-văn hóa-chính trị.
- D. Hội nghị Hợp tác và hữu nghị Việt - Miên - Lào.

**Câu 18.** Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương được kí kết (1954), trọng tâm hoạt động đối ngoại của Việt Nam là

- A. bảo vệ vững chắc chính quyền cách mạng.
- B. đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơ -ne -vơ.
- C. đánh bại các chiến lược chiến tranh của Mỹ.
- D. đẩy mạnh hợp tác chiến lược toàn diện với nhiều nước.

**Câu 19.** Trong đàm phán tại hội nghị Pa-ri (1968-1973), phái đoàn Việt Nam dân chủ cộng hòa đã sử dụng sách lược nào sau đây?

- A. Đấu tranh chính trị và quân sự.
- B. Đàm phán bí mật với Mỹ.
- C. Kết hợp “vừa đánh, vừa đàm”.
- D. Chủ động tấn công ngoại giao.

**Câu 20.** Năm 1950, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước nào sau đây?

- A. Liên Xô, Trung Quốc và một số nước Đông Âu.
- B. Liên Xô, Trung Quốc, Cam-pu-chia, Lào.
- C. Trung Quốc, Liên Xô và các nước Đông Nam Á.
- D. Liên Xô, Trung Quốc và các nước Tây Âu.

**Câu 21.** Nữ ngoại giao sắc sảo trong bàn đàm phán tại hội nghị Pa-ri 1973 là

- A. Nguyễn Thị Định.
- B. Nguyễn Thị Bình.
- C. Nguyễn Thị Minh Khai.
- D. Hoàng Thị Loan.

**Câu 22.** Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn 1945 – 1954 có nhiệm vụ trọng tâm là

- A. thiết lập ngoại giao với Liên Xô, Trung Quốc.
- B. tuyên truyền tính chính nghĩa của cuộc kháng chiến.
- C. phục vụ cho cuộc kháng chiến chống Pháp.
- D. hòa hoãn với Trung Hoa dân quốc và Pháp.

**Câu 23.** Một trong những quốc gia mà Việt Nam rất coi trọng quan hệ và hợp tác chặt chẽ trong giai đoạn 1975 - 1985 là:

- A. Trung Quốc.
- B. Liên Xô.
- C. Nhật Bản.
- D. Hàn Quốc.

**Câu 24.** Năm 1978, Việt Nam gia nhập tổ chức nào sau đây?

- A. Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV).
- B. Khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO).
- C. Hiệp hội các quốc gia độc lập Đông Nam Á (ASEAN).
- D. Tổ chức Hiệp ước Đông Nam Á (SEATO).

**Câu 25.** Một trong những hoạt động đối ngoại của Việt Nam đối với Trung Quốc trong giai đoạn 1975-1985 là:

- A. đàm phán giải quyết vấn đề xung đột biên giới.
- B. hội nghị thượng đỉnh bàn về vấn đề của ASEAN.
- C. đàm phán về việc khai thác chung nguồn khí đốt.
- D. thương lượng để Trung Quốc tăng cường viện trợ.

**Câu 26.** Nội dung định hướng chung cho hoạt động đối ngoại là "Hợp tác bình đẳng cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị...". Được Đại hội lần thứ mấy của Đảng đề ra?

- A. IV.
- B. VI.
- C. VII
- D. XI

**Câu 27.** Một trong những quốc gia Việt Nam đã bình thường hóa quan hệ ngoại giao năm 1995 là

- A. Mỹ.
- B. Ấn Độ.
- C. Nga.
- D. Lào.

**Câu 28.** Một trong những quốc gia Việt Nam đã bình thường hóa quan hệ ngoại giao từ sau năm 1991 là

- A. Trung Quốc.
- B. Mông Cổ.
- C. Liên Xô.
- D. Triều Tiên.

**Câu 29.** Sự kiện nào sau đây đánh dấu quan hệ giữa Việt Nam với các nước trên thế giới được cải thiện, mở rộng?

- A. Miền Nam được giải phóng.
- B. Bắt đầu công cuộc đổi mới.
- C. Gia nhập vào Liên hợp quốc.
- D. Tham gia cộng đồng ASEAN.

**Câu 30.** Năm 2017, một trong các hội nghị quốc tế quan trọng mà Việt Nam đã tổ chức thành công tại thành phố Đà Nẵng là

- A. APEC.
- B. COP28.
- C. ICEC.
- D. OPEC.

**Câu 31.** Trong giai đoạn 1986 đến nay, Việt Nam đã ký các hiệp ước về biên giới trên đất liền và phân định vịnh Bắc bộ với quốc gia nào sau đây?

- A. Trung Quốc.                      B. Hàn Quốc.                      C. Liên Xô.                      D. Triều Tiên.

**Câu 32.** Trở ngại lớn nhất trong việc Việt Nam hội nhập với Đông Nam Á trong những năm 1975-1991 là

- A. quân đội quá lớn mạnh.                      C. Trung Quốc ngăn cản.  
B. vấn đề của Cam-pu-chia.                      D. Việt Nam còn lạc hậu.

**Câu 33.** Nhận xét nào sau đây về vai trò của các hoạt động đối ngoại giai đoạn 1986 đến nay là đúng?

- A. Tạo ra ưu thế cho các tranh chấp quân sự trên biển Đông.  
B. Tất cả các nước nâng tầm quan hệ ngoại giao với Việt Nam.  
C. Đã đưa Việt Nam trở thành cường quốc số một châu Á.  
D. Tạo điều kiện cho Việt Nam hội nhập, phát triển kinh tế.

**Câu 34.** Một trong những thành tựu to lớn của các hoạt động đối ngoại của Việt Nam giai đoạn 1986 đến nay là

- A. sự ủng hộ, những viện trợ quân sự to lớn đến từ Nga.  
B. vị thế, uy tín của Việt Nam ngày càng được nâng cao.  
C. đã có hơn mười nước là đối tác chiến lược toàn diện.  
D. đang ứng cử ghế ủy viên thường trực Hội đồng bảo an.

**Câu 35.** Để thực hiện thành công phương châm "Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước". Các hoạt động đối ngoại cần tuân thủ nguyên tắc nào sau đây?

- A. Liên kết với các nước Đông Âu cũ.  
B. Cân bằng mối quan hệ giữa hai cực.  
C. Không vi phạm chủ quyền dân tộc.  
D. Không đổi môi trường lấy kinh tế.

## **PHẦN II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG, SAI: Trong mỗi ý a, b, c, d học sinh chọn đúng hoặc sai**

**Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

“Người Pháp có hải lục quân, thì chúng tôi có lòng dân toàn quốc Việt Nam; người Pháp có viện trợ của các nước đế quốc chủ nghĩa trên thế giới, thì chúng tôi có sự viện trợ của các nước bình dân chủ nghĩa trên toàn thế giới. Thắng lợi cuối cùng thuộc về Đảng chúng tôi”.

(Phan Bội Châu, Phan Bội Châu toàn tập, Tập 3, NXB Thuận Hóa, Huế, 1990, tr.602)

- a) Phan Bội Châu chủ trương tìm kiếm sự viện trợ của các nước cốt để chống thực dân Pháp.  
b) Các hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu đầu thế kỉ XX đều nhằm hướng tới thành lập một mặt trận chống Pháp trên toàn Đông Dương.  
c) Theo Phan Bội Châu, phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam cần có viện trợ từ bên ngoài.  
d) Những hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu đã bước đầu gắn kết phong trào yêu nước Việt Nam với thế giới.

**Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

“Giữa năm 1921, tại Pháp, Nguyễn Ái Quốc cùng một số nhà cách mạng của An-giê-ri, Tuy-ni-di, Ma-rốc, Ma-đa-ga-xca,... thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa... Với tư cách Trưởng Tiểu ban Đông Dương của Đảng Cộng sản Pháp, Nguyễn Ái Quốc cũng đã góp phần quan trọng vào việc tố cáo tội ác của chủ nghĩa thực dân Pháp ở các thuộc địa, đồng thời tiến hành tuyên truyền tư tưởng Mác – Lê-nin, xây dựng mối quan hệ gắn bó giữa những người cộng sản và nhân dân lao động Pháp với các nước thuộc địa và phụ thuộc”

(Đình Xuân Lâm (Chủ biên), Lịch sử Việt Nam, Tập III, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2012, tr.322)

- a) Nguyễn Ái Quốc sáng lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á Đông năm 1921.
- b) Hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc có mục đích tố cáo tội ác của chủ nghĩa đế quốc.
- c) Hoạt động đối ngoại sôi nổi của Nguyễn Ái Quốc ở Pháp đã đưa Đảng Cộng sản Đông Dương trở thành một phân bộ độc lập của Quốc tế Cộng sản.
- d) Hội Liên hiệp thuộc địa là cơ quan lãnh đạo cao nhất của toàn bộ phong trào kháng chiến ở các thuộc địa của Pháp.

**Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

“1. Huỷ bỏ tất cả các hiệp ước mà Pháp đã kí với bất kì nước nào.

2. Tuyên bố các dân tộc bình đẳng và hết sức giữ hoà bình.

3. Kiên quyết chống tất cả các lực lượng xâm phạm đến quyền lợi của nước Việt Nam.

4. Mật thiết liên lạc với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản trên thế giới”.

(Trích Chương trình của Việt Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 7, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.114)

- a) Mặt trận Việt Minh (ra đời năm 1941) khẳng định các dân tộc ở Việt Nam đều bình đẳng.
- b) Các hoạt động đối ngoại của Mặt trận Việt Minh hướng đến mục tiêu giành độc lập dân tộc.
- c) Mặt trận Việt Minh chủ trương thành lập mặt trận thống nhất của tất cả các dân tộc bị áp bức trên bán đảo Đông Dương.
- d) Hoạt động đối ngoại của Mặt trận Việt Minh góp phần gắn cách mạng Việt Nam với phong trào dân chủ chống phát xít trên thế giới.

**Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

"Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một quốc gia tự do có Chính phủ của mình, Nghị viện của mình, quân đội của mình, tài chính của mình, và là một phần tử trong Liên bang Đông Dương, ở trong khối Liên hiệp Pháp".

(Trích: Khoản 1, Hiệp định Sơ bộ Việt - Pháp, ngày 6-3-1946)

- a) Pháp công nhận nền độc lập, tự do của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.
- b) Pháp công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là quốc gia tự do.
- c) Pháp thừa nhận nền độc lập, tự do của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, thuộc khối Liên hiệp Pháp.
- d) Pháp công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là quốc gia trong khối Liên hiệp Pháp.

**Câu 5. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

“Trong quan hệ của các nước với Cam-pu-chia, Lào, và Việt Nam, mỗi thành viên của Hội nghị Giơ-ne-vơ cam kết tôn trọng chủ quyền, nền độc lập, sự thống nhất, và sự toàn vẹn lãnh thổ của mỗi nước được đề cập, và để kiềm chế khỏi sự gây cản trở vào công việc nội bộ của các nước này”.

(Trích: Bản tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông Dương, ngày 21-7- 1954)

- a) Chủ quyền, độc lập, thống nhất và tự do lãnh thổ của Việt Nam được đề cao.
- b) Các nước thành viên cam kết tôn trọng những quyền cơ bản của các nước Đông Dương.
- c) Các nước thành viên bảo đảm về lâu dài sự thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của các nước Đông Dương.
- d) Các nước thành viên chính thức tuyên bố không xâm lược hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam.

**Câu 6. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

“Kiên trì chính sách hữu nghị và láng giềng tốt với nhân dân Trung Quốc, chúng ta chủ trương khôi phục quan hệ bình thường giữa hai nước trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau và giải quyết những vấn đề tranh chấp bằng con đường thương lượng.”

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Chân trời sáng tạo, trang 86)

- a) Từ sau năm 1945, quan hệ Việt Nam và Trung Quốc là hữu nghị, hợp tác toàn diện.
- b) Tranh chấp chủ quyền Việt Nam và Trung Quốc đều giải quyết bằng thương lượng.
- c) Từ sau năm 1991, Việt Nam và Trung Quốc tiến hành bình thường hóa quan hệ ngoại giao.
- d) Việt Nam chủ trương duy trì quan hệ hòa bình, tôn trọng lẫn nhau với Trung Quốc.

**Câu 7. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

“Ngày 05/7/1976, Việt Nam công bố “Chính sách bốn điểm” trong quan hệ với các nước Đông Nam Á:

1. Tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không xâm lược nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi, cùng tồn tại hòa bình.
2. Không để lãnh thổ nước mình cho bất cứ nước ngoài nào sử dụng làm căn cứ xâm lược và can thiệp vào các nước khác trong khu vực.
3. Thiết lập quan hệ hữu nghị láng giềng tốt, hợp tác kinh tế và trao đổi văn hóa trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi. Giải quyết những vấn đề tranh chấp giữa các nước trong khu vực thông qua thương lượng theo tinh thần bình đẳng, hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau.
4. Phát triển hợp tác vì sự nghiệp xây dựng đất nước phồn vinh theo điều kiện riêng mỗi nước vì lợi ích độc lập dân tộc, hòa bình, trung lập thật sự ở Đông Nam Á, góp phần vào sự nghiệp hòa bình trên thế giới.”

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Chân trời sáng tạo, tr87).

- a) Chính sách đối ngoại của Việt Nam với Đông Nam Á là hòa bình, hữu nghị, hợp tác.
- b) Sau năm 1975, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với tất cả các nước trong khu vực.
- c) Vấn đề Campuchia đã góp phần làm sâu sắc thêm quan hệ giữa Việt Nam và khu vực.
- d) Sau năm 1975, Việt Nam có nhiều cố gắng cải thiện quan hệ với các nước trong khu vực.

**Câu 8. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

“Nền ngoại giao Việt Nam hiện đại mang hồn dân tộc, rất kiên định về nguyên tắc, những ứng xử tinh tế và linh hoạt, phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng với các mặt trận quân sự, chính trị và các ngành khác, kết hợp thế và lực góp phần xoay chuyển tình thế từ yếu thành mạnh, gần lợi ích dân tộc với lợi ích giai cấp, dân tộc với quốc tế, dân tộc với thời đại, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại thành sức mạnh tổng hợp”,

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Chân trời sáng tạo, trang 90)

- a) Tư liệu khẳng định ngoại giao Việt Nam cứng rắn về nguyên tắc mềm dẻo về sách lược.
- b) Điểm cốt yếu của ngoại giao Việt Nam là coi trọng lợi ích dân tộc, đó là cái "dĩ bất biến".
- c) Ngoại giao Việt Nam có tính độc lập hoàn toàn với các lĩnh vực kinh tế, chính trị, quân sự.

d) Sức mạnh tổng hợp của ngoại giao Việt Nam là kết hợp của sức mạnh dân tộc và thời đại.

**Câu 9. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

“Sức mạnh ngoại giao là một dạng “sức mạnh mềm” và ngoại giao đóng vai trò quan trọng tạo dựng thêm thế và lực của đất nước. Trong bối cảnh hiện nay, ngoại giao đa phương ngày càng có tầm quan trọng đặc biệt. Bên cạnh chủ thể chính của quan hệ quốc tế còn có các chủ thể khác là các tổ chức liên chính phủ và phi chính phủ, các công ty xuyên quốc gia,... Thực tiễn quốc tế cho thấy, các nước vừa và nhỏ vẫn có thể tham gia hiệu quả và có vai trò quan trọng trong các tổ chức quốc tế như Liên hợp quốc, WTO,... Đó là kinh nghiệm bổ ích về hoạt động chính trị quốc tế mà Việt Nam có thể tham khảo”.

(Nguyễn Dy Niên, Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2009, tr.336)

- Từ xưa đến nay, hoạt động ngoại giao trên thực tế chỉ bao gồm các quan hệ giữa các quốc gia trong khu vực.
- Trong thời đại ngày nay, các quốc gia vừa và nhỏ luôn gặp những khó khăn khi tham gia các tổ chức quốc tế.
- Ngoại giao góp phần nâng cao vị thế đất nước, thậm chí có thể đi trước mở đường cho đấu tranh chính trị và quân sự.
- Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong hoạt động đối ngoại là phải tích cực, chủ động, theo sát tình hình, tận dụng thời cơ để nâng cao vị thế.

**Câu 10. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

“Ngày 20/5/1988, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa VI) ban hành Nghị quyết số 13/NQ-TW “Về nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới. Nghị quyết nêu rõ chiến lược đối ngoại của Việt Nam là “thêm bạn bớt thù”, mở rộng và đa dạng hóa quan hệ hợp tác quốc tế với mục tiêu giữ vững môi trường hòa bình thúc đẩy hội nhập quốc tế, phá thế bế tắc bao vây cấm vận, thu hút sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế đối với công cuộc đổi mới của đất nước. Nghị quyết 13 NQ-TW đánh dấu bước ngoặt về tư duy đối ngoại của Việt Nam, là cơ sở để Việt Nam phát triển chính sách đối ngoại trong giai đoạn tiếp theo”.

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Cánh Diều, trang 81)

- Nghị quyết số 13/NQ-TW đã đề ra đường lối “đổi mới đất nước về kinh tế, chính trị.
- Tư duy đối ngoại của Việt Nam ở Nghị quyết 13 là thêm bạn bớt thù, hợp tác, hội nhập.
- Nghị quyết 13 đã đặt cơ sở cho quan hệ đối ngoại của Việt Nam sau Chiến tranh lạnh.
- Ngay sau Nghị quyết 13, Việt Nam đã thoát khỏi thế bị bao vây, cấm vận để phát triển.

**ĐÁP ÁN CHỦ ĐỀ 5**

1.B	2.A	3.B	4.D	5.A	6.A	7.B	8.C	9.A	10.A
11.D	12.B	13.B	14.D	15.A	16.D	17.A	18.B	19.C	20.A
21.B	22.C	23.B	24.A	25.A	26.C	27.A	28.A	29.C	30.A
31.A	32.B	33.D	34.B	35.C					
1.ĐSĐĐ	2.SĐSS	3.ĐĐSĐ	4.ĐSSĐ	5.SĐSS	6.SSĐĐ	7.ĐĐSĐ	8.ĐĐSĐ	9.SSĐĐ	10.SĐĐS

## CHỦ ĐỀ 6. HỒ CHÍ MINH TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

### BÀI 15. KHÁI QUÁT CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP CỦA HỒ CHÍ MINH

#### 1. Những yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh

- Hoàn cảnh đất nước:

+ Việt Nam là đất nước có nền văn hiến lâu đời, trải qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, nhân dân Việt Nam đã hun đúc nên truyền thống quý báu: yêu nước, đoàn kết, nhân nghĩa,...

+ Từ giữa thế kỉ XIX, thực dân Pháp xâm lược và từng bước áp đặt ách cai trị ở Việt Nam. Dưới chế độ thực dân, nền độc lập dân tộc và quyền tự do của đại bộ phận nhân dân bị tước đoạt.

+ Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, các phong trào yêu nước chống Pháp đều thất bại. Đấu tranh giành độc lập cho dân tộc, tự do và hạnh phúc cho nhân dân là nhiệm vụ cấp bách của dân tộc và cũng là khát vọng của cả cuộc đời Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Hoàn cảnh quê hương:

+ Chủ tịch Hồ Chí Minh quê ở huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An - vùng đất có truyền thống lịch sử, văn hoá lâu đời, nơi khởi nguồn của nhiều phong trào yêu nước.

+ Vùng đất này đã sản sinh ra nhiều anh hùng dân tộc, danh nhân văn hoá và nhà khoa bảng nổi tiếng trong lịch sử.

+ Điều kiện tự nhiên khắc nghiệt và thực tiễn dựng nước, giữ nước đã hun đúc nên những phẩm chất của người xứ Nghệ như: cần cù trong lao động, ý chí trong học tập và đoàn kết trong đấu tranh.

+ Thời cận đại, Nghệ An có trung tâm công nghiệp Vinh - Bến Thủy lớn nhất khu vực Bắc miền Trung. Vì vậy, nhân dân có nhiều cơ hội được tiếp xúc văn minh phương Tây và đón nhận tư tưởng mới.

- Hoàn cảnh gia đình:

+ Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình yêu nước, cha là Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc - một nhà nho mẫu mực, mẹ là bà Hoàng Thị Loan - một người phụ nữ đảm đang, chăm chỉ và rất am hiểu các loại hình văn hoá dân gian.

+ Sự nền nếp, truyền thống hiếu học, giàu tình yêu thương của gia đình đã giúp Chủ tịch Hồ Chí Minh sớm hình thành nhân cách tốt đẹp và có sự đồng cảm với nhân dân lao động.

#### 2. Tiểu sử và tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh

- Tiểu sử, thời niên thiếu và những hoạt động đầu tiên (1890 - 1911):

+ Chủ tịch Hồ Chí Minh (thuở nhỏ tên là Nguyễn Sinh Cung) sinh ngày 19 - 5 - 1890, quê cha ở Làng Sen, quê mẹ ở làng Hoàng Trù, xã Kim Liên (Nam Đàn, Nghệ An).

+ Năm 1895, Nguyễn Sinh Cung theo cha mẹ vào sinh sống ở Huế. Sau khi mẹ qua đời (1901), Nguyễn Sinh Cung theo cha về quê, lấy tên mới là Nguyễn Tất Thành, được theo học những thầy giáo giỏi ở địa phương.

+ Năm 1906, Nguyễn Tất Thành theo cha vào Huế, học tại Trường Tiểu học Pháp - Việt Đông Ba và Trường Quốc học Huế. Năm 1909, Nguyễn Tất Thành theo cha đến Bình Định và tiếp tục hoàn thành bậc Tiểu học tại Trường Pháp - Việt Quy Nhơn.

+ Năm 1908, Nguyễn Tất Thành tham gia phong trào chống thuế ở Huế. Cuối tháng 8 - 1910, Nguyễn Tất Thành đến Phan Thiết (Bình Thuận), dạy học tại Trường Dục Thanh. Tại đây, Nguyễn Tất Thành truyền thụ cho học sinh lòng yêu nước và những trăn trở về vận mệnh của đất nước.

\* Những năm tháng hoạt động ở nước ngoài (1911 - 1941):

- Từ 1911 - 1920:

+ Từ 1911 - 1917, Nguyễn Tất Thành đến nhiều nước châu Á, châu Âu, châu Phi, làm nhiều nghề lao động khác nhau (bồi bàn, cào tuyết, rửa ảnh...) để tìm hiểu cuộc sống của nhân dân lao động. Năm 1917, Nguyễn Tất Thành trở lại hoạt động ở Pháp.

+ Năm 1919, Nguyễn Tất Thành thay mặt những người Việt Nam yêu nước tại Pháp gửi tới Hội nghị Véc-xai bản Yêu sách của nhân dân An Nam, kí tên là Nguyễn Ái Quốc.

+ Tháng 7 - 1920, Nguyễn Ái Quốc đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V. Lê-nin.

+ Tháng 12 - 1920, Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp, trở thành người cộng sản đầu tiên của Việt Nam.

- Từ 1921 - 1930:

+ Từ 1921 - 6/1923, Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Pháp, tham gia thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa, làm Chủ nhiệm kiêm chủ bút báo Người cùng khổ,...

+ Tháng 6 - 1923, Nguyễn Ái Quốc đến Liên Xô, tích cực hoạt động trong phong trào cộng sản quốc tế,...

+ Từ 11/1924 - giữa 1927, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc), thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (1925), ra báo Thanh niên (1925),...

+ Từ giữa 1927 đến cuối 1929, Nguyễn Ái Quốc hoạt động cách mạng ở Pháp, Bỉ, Đức, Xiêm,...

+ Đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc triệu tập và chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ở Hương Cảng (Trung Quốc), soạn thảo Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt được coi là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

+ Từ 1930 đến 1941: năm 1933, Nguyễn Ái Quốc hoạt động tại Liên Xô. Năm 1938, Nguyễn Ái Quốc trở lại Trung Quốc và hoạt động cách mạng ở đây. Ngày 28 - 1 - 1941, sau hơn 30 năm xa Tổ quốc, Nguyễn Ái Quốc trở về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

\* Trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam (1941 - 1969):

- Từ 1941 đến 1945: Nguyễn Ái Quốc triệu tập và chủ trì Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5 - 1941). Nguyễn Ái Quốc tham gia thành lập Việt Nam Độc lập đồng minh (Việt Minh), tổ chức chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang, căn cứ địa cách mạng.

+ Tháng 8 - 1942, Nguyễn Ái Quốc lấy tên là Hồ Chí Minh, sang Trung Quốc tìm sự liên minh quốc tế. Tháng 9 - 1944, Hồ Chí Minh trở về nước tiếp tục lãnh đạo cách mạng.

+ Tháng 8 - 1945, Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng, Mặt trận Việt Minh lãnh đạo nhân dân Tổng khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi, và được cử làm Chủ tịch của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

+ Ngày 2 - 9 - 1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập, tuyên bố thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

- Từ năm 1945 đến năm 1969:

+ Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với Trung ương Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954).

+ Tháng 1 - 1946, Hồ Chí Minh được Quốc hội khoá I bầu làm Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Tại Đại hội lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương (2 - 1951), Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

+ Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với Trung ương Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Tháng 10 - 1956, Chủ tịch Hồ Chí Minh là Chủ tịch Đảng, kiêm Tổng Bí thư Đảng Lao động Việt Nam. Tại Đại hội lần thứ III của Đảng (9 - 1960), Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục được bầu làm Chủ tịch Đảng Lao động Việt Nam.

+ Ngày 2 - 9 - 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời tại Hà Nội.

## BÀI 16. HỒ CHÍ MINH - ANH HÙNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

### 1. Hành trình tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh

- Tháng 7 - 1920: Đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lê-nin → Tìm ra con đường cứu nước.

- Tháng 12 - 1920: bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp → Đi theo con đường cách mạng vô sản, gắn giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp.

→ Bước đầu giải quyết cuộc khủng hoảng về đường lối của phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam. Mở ra thời kì mới trong phong trào giải phóng dân tộc: thời kì gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng vô sản thế giới.

### 2. Sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam

a. Chuẩn bị chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

- Về chính trị, tư tưởng:

+ Từ giữa năm 1921, tại Pháp, cùng một số nhà cách mạng của các nước thuộc địa khác, Nguyễn Ái Quốc tham gia thành lập Hội liên hiệp thuộc địa, sau đó sáng lập tờ báo Le Pa-ri-a (Người cùng khổ). Người viết nhiều bài trên các báo; Nhân đạo, Đời sống công nhân, Tạp chí Cộng sản, Tạp san Thư tín quốc tế,...

+ Nguyễn Ái Quốc vạch trần bản chất và tội ác của chủ nghĩa đế quốc, thực dân; đưa ra những luận điểm quan trọng về cách mạng giải phóng dân tộc: Giải phóng dân tộc phải gắn với giải phóng giai cấp; Cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa với cách mạng vô sản ở chính quốc có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

- Về tổ chức:

Tháng 6 - 1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại Quảng Châu (Trung Quốc) ...

Tổ chức các lớp huấn luyện chính trị do Nguyễn Ái Quốc trực tiếp phụ trách (tác phẩm Đường cách mạng) → thúc đẩy mạnh mẽ sự chuyển biến của phong trào công nhân, phong trào yêu nước Việt Nam, dẫn đến sự ra đời của ba tổ chức cộng sản trong năm 1929.

### b. Triệu tập, chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

+ Trong năm 1929, sự ra đời ba tổ chức cộng sản ở ba miền không tránh khỏi phân tán về lực lượng và thiếu thống nhất về tổ chức trên cả nước. Với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản, ngày 23 - 12 - 1929, Nguyễn Ái Quốc đến Hồng Công (Trung Quốc) triệu tập Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản thành một chính đảng duy nhất của Việt Nam.

+ Hội nghị hợp nhất các nhóm cộng sản Đông Dương lấy tên Đảng Cộng sản Việt Nam; Thông qua Chính cương và Điều lệ vắn tắt của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo → Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

+ Ý nghĩa: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đánh dấu bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt

Nam; chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo kéo dài nhiều thập kỉ. Từ đây, cách mạng Việt Nam được đặt dưới sự lãnh đạo duy nhất của Đảng cộng sản Việt Nam.

### **3. Chuẩn bị và lãnh đạo Cách mạng tháng Tám năm 1945**

- Triệu tập và chủ trì Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5 - 1941):

+ Ngày 28/1/1941, Nguyễn Ái Quốc về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Từ ngày 10 – 19/5/1941, Nguyễn Ái Quốc triệu tập Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương.

+ Hội nghị xác định cách mạng Việt Nam hiện tại là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Hội nghị chủ trương thành lập Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng minh (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh).

+ Hội nghị nhấn mạnh chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân và xác định tiến trình cách mạng Việt Nam là đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa.

- Chỉ đạo công tác chuẩn bị về lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang và căn cứ địa cho Cách mạng tháng Tám năm 1945:

+ thành lập Mặt trận Việt Minh,

+ ra Chỉ thị thành lập Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân (tổ chức tiền thân của QĐND Việt Nam ngày nay)

+ thành lập Khu Giải phóng Việt Bắc,...

- Trực tiếp lãnh đạo Cách mạng tháng Tám và thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

+ Ngày 14, 15 - 8 - 1945, Hồ Chí Minh triệu tập và chủ trì Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào, thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa.

+ Ngày 16, 17 - 8 - 1945, Hồ Chí Minh triệu tập và chủ trì Đại hội Quốc dân được triệu tập tại Tân Trào. Đại hội tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua 10 chính sách của Việt Minh, cử ra Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

+ 28 – 8 – 1945 Hồ Chí Minh soạn thảo Tuyên ngôn độc lập.

+ 02 - 9 – 1945, Hồ Chí Minh trình trọng công bố bản Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

### **4. Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) và kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1969)**

#### **\* Lãnh đạo kháng chiến trong những năm 1945 - 1946:**

- Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Chính phủ đã đề ra và trực tiếp thực hiện nhiều chính sách, biện pháp trên các lĩnh vực để giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính.

- Đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam Bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi nhân dân cả nước ủng hộ, đồng thời chỉ đạo công cuộc chuẩn bị lực lượng kháng chiến.

- Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kí với Chính phủ Pháp Hiệp định Sơ bộ (6 - 3 -1946) và kí bản Tạm ước (14 - 9 - 1946) nhằm kéo dài thời gian hoà bình, tạo điều kiện để ta chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.

- Khi mọi nhân nhượng của Việt Nam đã đến giới hạn cuối cùng, tối ngày 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

#### **\* Lãnh đạo cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 - 1954)**

- Hoạch định đường lối, phương châm kháng chiến: toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là

chính và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

- Chủ trì Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương (2 - 1951). Đại hội kháng chiến thắng lợi.

- Chỉ đạo các chiến dịch quân sự trong kháng chiến chống thực dân Pháp. (chiến dịch Việt Bắc thu-đông 1947, Biên Giới thu-đông 1950, đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ 1954)

- Mở rộng các hoạt động ngoại giao (với nhân dân Pháp tiến bộ, các nước xã hội chủ nghĩa và các nước Đông Dương).

## **b. Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ từ năm 1954 đến năm 1969**

- Lãnh đạo xây dựng CNXH ở miền Bắc: Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì và chỉ đạo xây dựng Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam (9 - 1960). Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà.

- Chỉ đạo sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, xác định đường lối và quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược:

- + Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, xác định phương hướng cơ bản cho cách mạng miền Nam.

- + Trong những năm 1965 - 1968, đế quốc Mỹ đem quân viễn chinh và quân đồng minh trực tiếp tham chiến ở miền Nam và gây chiến tranh phá hoại miền Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng Trung ương Đảng phân tích tình hình, dự báo và thể hiện quyết tâm đánh thắng quân Mỹ xâm lược.

- + Là biểu tượng đoàn kết và có vai trò to lớn trong đấu tranh ngoại giao: Chủ tịch Hồ Chí Minh đại diện cho tiếng nói của nhân dân Việt Nam vạch trần tội ác chiến tranh của đế quốc Mỹ. Trong bối cảnh mâu thuẫn giữa Liên Xô và Trung Quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nỗ lực dùng giải pháp ngoại giao, tranh thủ sự giúp đỡ của nước bạn, đóng góp vào việc khôi phục và tăng cường sự đoàn kết giữa các nước xã hội chủ nghĩa, đồng thời giữ vững đường lối độc lập, tự chủ của cách mạng Việt Nam.

- + Những thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược đã đưa tên tuổi của Chủ tịch Hồ Chí Minh đi vào lịch sử, trở thành biểu tượng cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Việt Nam nói riêng, của các dân tộc thuộc địa trong thế kỉ XX nói chung.

## **BÀI 17. DẤU ẤN HỒ CHÍ MINH TRONG LÒNG NHÂN DÂN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM**

### **1. Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới**

- Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc (UNESCO) trong khoá họp lần thứ 24 tại Pa-ri (1987) đã thông qua Nghị quyết 24C/18.6.5 về Kỷ niệm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nghị quyết ghi nhận năm 1990 sẽ đánh dấu 100 năm Kỷ niệm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Thế giới tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh vì Người là một biểu tượng xuất sắc về sự tự khẳng định dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

- Hiện nay, tượng và tượng đài tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có mặt tại nhiều quốc gia trên thế giới như: Lào, Phi-líp-pin, Thái Lan, Xin-ga-po, Ấn Độ, Mông Cổ (châu Á); Pháp, Nga, Hung-ga-ri (châu Âu); Chi-lê, Ác-hen-ti-na, Cu-ba, Mê-hi-cô, Pa-na-ma (châu Mỹ);... Tên của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã được đặt cho nhiều quảng trường, trường học và đường phố,... tại nhiều quốc gia trên thế giới, từ châu Á, châu Âu đến châu Phi, châu Mỹ.

- Tại một số quốc gia, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh từng đến và hoạt động đều có những di tích tưởng niệm như: Khách sạn Ca-ton (Anh) - nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh làm việc và hoạt động cuối năm 1913;

Nhà số 9, Thủ đô Pa-ri (Pháp) - nơi Người ở và hoạt động cách mạng những năm 1921 - 1923; Nhà số 248 và 250 (trước là nhà số 13 và 13/1) đường Văn Minh, thành phố Quảng Châu (Trung Quốc) - nơi Hồ Chí Minh mở các lớp đào tạo cán bộ (1925 - 1927); Khu di tích Hồ Chí Minh tại Liễu Châu, Quảng Tây (Trung Quốc),.

## 2. Chủ tịch Hồ Chí Minh “sống mãi” trong lòng nhân dân Việt Nam

- + Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bảo tàng Hồ Chí Minh được xây dựng ở Thủ đô Hà Nội.
- + Hệ thống bảo tàng và di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh với 14 chi nhánh trong cả nước.
- + Đèn thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh được nhân dân lập ra ở nhiều địa phương trong cả nước.
- + Tuyến đường chi viện chiến lược trên biển được mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- + Quốc hội khoá VI đã quyết định đổi tên thành phố Sài Gòn là Thành phố Hồ Chí Minh (năm 1976).
- + Người là nguồn cảm hứng sáng tác, đưa đến sự ra đời của nhiều tác phẩm âm nhạc, thơ ca, kịch, nhiếp ảnh, hội hoạ,... ở trong nước và trên thế giới.
- + Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” đã và đang được lan toả đến các thế hệ cán bộ đảng viên và quần chúng nhân dân.
- + Lí do nhân dân Việt Nam tôn vinh và tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh: Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến trọn đời cho độc lập dân tộc, tự do và hạnh phúc của nhân dân. Người là nhà cách mạng, nhà văn hoá lớn với những đóng góp trên nhiều lĩnh vực. Cuộc đời của Người cũng là tấm gương đạo đức sáng ngời với phong cách cá nhân độc đáo. Vì vậy, mỗi người Việt Nam đều yêu quý, kính trọng, biết ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành tài sản tinh thần vô giá của Đảng và dân tộc ta.

## PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

**Câu 1.** Nhiệm vụ cấp bách nhất đặt ra cho dân tộc Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX là

- A. giành độc lập dân tộc.
- B. đòi dân sinh dân chủ.
- C. giành ruộng đất cho dân cày.
- D. đòi quyền tự do bầu cử.

**Câu 2.** Nguyễn Tất Thành tham gia hoạt động trong tổ chức nào sau đây ở Pháp năm 1918?

- A. Đảng Xã hội Pháp.
- B. Đảng Cộng hòa.
- C. Đảng Dân chủ.
- D. Đảng Cộng sản Pháp.

**Câu 3.** Nội dung nào sau đây **không** đúng về yếu tố gia đình ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh?

- A. Nguyễn Sinh Sắc đúc kết và chia sẻ về sự thất bại của con đường dân chủ tư sản.
- B. Truyền thống yêu nước và hiếu học của quê hương luôn được gia đình nuôi dưỡng.
- C. Thân mẫu của Hồ Chí Minh xuất thân trong một nhà nho yêu nước, sống chan hòa.
- D. Thân phụ của Hồ Chí Minh là một người thầy mẫu mực trong dạy chữ và dạy người.

**6**

**Câu 4.** Yếu tố nào sau đây **không** ảnh hưởng đến hành trình cứu nước và hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh (1911 – 1969)?

- A. Đất nước bị mất độc lập, nhân dân bị áp bức, bóc lột.
- B. Truyền thống gia đình và sự nhận thức của cá nhân.
- C. Xu thế hoà hoãn Đông – Tây và xu thế toàn cầu hoá.
- D. Những truyền thống tốt đẹp của dân tộc và quê hương.

**Câu 5:** Năm 1919, Nguyễn Ái Quốc gửi văn kiện nào tới Hội nghị Véc-xai?

- A. “Mấy ý nghĩa về vấn đề thuộc địa”.
- B. "Bản án chế độ thực dân Pháp”.
- C. “Bản yêu sách của nhân dân An Nam”.
- D. “Kẻ cướp nói chuyện hòa bình”.

**Câu 6:** Trong thời gian ở Pháp (từ 1921 – 6/1923), Nguyễn Ái Quốc có hoạt động nào sau đây?

- A. Nguyễn Ái Quốc đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa
- B. Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp
- C. Nguyễn Ái Quốc tham gia thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa, chủ bút báo Người cùng khổ
- D. Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản, chủ bút báo Người cùng khổ.

**Câu 7:** Năm 1924, Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản khi đang hoạt động ở quốc gia nào sau đây?

- A. Pháp.
- B. Anh.
- C. Liên Xô.
- D. Trung Quốc.

**Câu 8:** Tháng 12-1920, Nguyễn Ái Quốc có hoạt động nào sau đây?

- A. Kêu gọi nhân dân tăng gia sản xuất.
- B. Đọc Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.
- C. Soạn thảo bản Tuyên ngôn Độc lập.
- D. Tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.

**Câu 9.** Từ năm 1890 đến năm 1911, Nguyễn Tất Thành có hoạt động tiêu biểu nào sau đây?

- A. Dạy học ở Trường Dục Thanh (Phan Thiết).
- B. Hoạt động yêu nước ở Pháp, Liên Xô.
- C. Trình bày tham luận ở Hội nghị Véc-xai (Pháp).
- D. Mở lớp đào tạo cán bộ ở Trung Quốc.

**Câu 10:** Năm 1930, Nguyễn Ái Quốc có hoạt động nào sau đây?

- A. Gửi tới Hội nghị Véc-xai Bản yêu sách của nhân dân An Nam.
- B. Đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin.
- C. Hợp nhất các tổ chức cộng sản thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

D. Trở về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam đến thắng lợi.

**Câu 11.** Nội dung nào sau đây ghi nhận Hồ Chí Minh là nhà lãnh đạo chủ chốt trong lịch sử dân tộc (từ năm 1945 đến năm 1969)?

- A. Chủ trì các hội nghị của Đảng, hoạch định đường lối cách mạng.
- B. Chỉ huy các chiến dịch trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ.
- C. Kết nối phong trào cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới.
- D. Trực tiếp chỉ đạo cuộc Tổng tiến công và giải phóng Xuân năm 1975.

**Câu 12:** Tháng 5-1941, Nguyễn Ái Quốc có hoạt động nào sau đây?

- A. Chủ trì Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương.
- B. Phát động phong trào thi đua Ấp Bắc giết giặc lập công trên khắp miền Nam.
- C. Phát động cao trào kháng Nhật cứu nước ở các tỉnh miền Bắc của Việt Nam.
- D. Ra lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược trở lại.

**Câu 13:** Trong giai đoạn 1945 - 1954, Nguyễn Ái Quốc có vai trò như thế nào đối với cách mạng Việt Nam?

- A. Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Mỹ.
- B. Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
- C. Lãnh đạo Cách mạng tháng Tám thành công.
- D. Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

**Câu 14:** Trong thời gian ở Pháp năm 1920, Nguyễn Ái Quốc **không** có hoạt động nào sau đây?

- A. Nguyễn Ái Quốc đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.Lê-nin
- B. Nguyễn Ái Quốc tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp
- C. Nguyễn Ái Quốc tham gia thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa.
- D. Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản.

**Câu 15.** Giai đoạn từ năm 1911 đến năm 1919, Nguyễn Ái Quốc có hoạt động nào sau đây?

- A. Gửi bản Yêu sách của nhân dân An Nam đến Hội nghị Véc-xai.
- B. Tham gia hoạt động trong Quốc tế Cộng sản.
- C. Tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.
- D. Bỏ phiếu tán thành Quốc tế thứ nhất.

**Câu 16.** Năm 1922, Nguyễn Ái Quốc làm chủ nhiệm kiêm chủ bút tờ báo nào?

- A. Đòi sống công nhân.
- B. Người cùng khổ (Le Paria).
- C. Nhân đạo.
- D. Sự thật.

**Câu 17.** Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (đầu năm 1930) đã thông qua văn kiện nào sau đây?

- A. Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt của Đảng.
- B. Luận cương Chính trị của Đảng.

- C. Chỉ thị “Toàn dân kháng chiến”.
- D. Chương trình hành động của Đảng.

**Câu 18.** Nội dung nào sau đây thể hiện việc Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị về tư tưởng, chính trị cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam?

- A. Mở các lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ cách mạng tại Trung Quốc.
- B. Chủ nhiệm kiêm chủ bút báo Nhân đạo, Đời sống công nhân.
- C. Xây dựng lí luận về đi lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.
- D. Đào tạo cán bộ thực hiện các cuộc khởi nghĩa vũ trang.

**Câu 19.** Nội dung nào sau đây là **đúng** về vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1930)?

- A. Triệu tập hội nghị thống nhất các tổ chức cộng sản tại Cao Bằng.
- B. Triệu tập và chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
- C. Soạn thảo Đường Kách mệnh - cương lĩnh của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- D. Triệu tập và chủ trì Đại hội thành lập Đảng tại Ma Cao (Trung Quốc).

**Câu 20.** Hình thái giành chính quyền được xác định trong Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5-1941) là

- A. bãi công, biểu tình đòi tăng lương giảm giờ làm.
- B. khởi nghĩa vũ trang kết hợp mít tinh biểu tình.
- C. tiến hành Tổng khởi nghĩa ở các địa phương.
- D. đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên Tổng khởi nghĩa.

**Câu 21.** Tại Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5-1941), Nguyễn Ái Quốc đưa ra sáng kiến thành lập tổ chức nào sau đây?

- A. Hội Liên Việt.
- B. Mặt trận Việt Minh.
- C. Mặt trận Liên Việt.
- D. Liên minh Việt – Miên – Lào.

**Câu 22.** Ngày 22-12-1944, theo chỉ thị của Hồ Chí Minh, lực lượng vũ trang nào sau đây được thành lập?

- A. Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam.
- B. Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân.
- C. Quân đội nhân dân Việt Nam.
- D. Đội Việt Nam Giải phóng quân.

**Câu 23.** Trong thời gian ở Trung Quốc (1924 - 1927), Nguyễn Ái Quốc có hoạt động nào sau đây?

- A. Mở lớp đào tạo cán bộ cách mạng.
- B. Dự Đại hội V Quốc tế Cộng sản.
- C. Xuất bản báo Người cùng khổ.
- D. Dự Hội nghị quốc tế Nông dân.

**Câu 24.** Trong quá trình vận động thành lập Đảng, Nguyễn Ái Quốc đã thành lập tổ chức cách mạng nào?

- A. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.                      B. Cộng sản đoàn.  
C. Tân Việt cách mạng đảng.                                      D. Việt Nam quốc dân đảng.

**Câu 25.** Sự kiện nào đánh dấu cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới?

- A. Nguyễn Ái Quốc sáng lập Hội liên hiệp thuộc địa (1923).  
B. Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu gia nhập Quốc tế cộng sản (1920).  
C. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (1930).  
D. Công nhân mít tinh kỉ niệm ngày Quốc tế lao động (1930).

**Câu 26.** Ngày 6-3-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kí với Pháp bản hiệp định nào sau đây?

- A. Hiệp định sơ bộ.    B. Hiệp ước Pa-tơ-nôt.  
C. Hiệp định Giơ-ne-vơ.    D. Hiệp định Pa-ri.

**Câu 27.** Tổ chức nào sau đây đã ghi nhận Hồ Chí Minh là “Anh hùng giải phóng dân tộc” theo Nghị quyết số 24C/18.65?

- A. Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc.  
B. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.  
C. Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.  
D. Quốc tế Cộng sản.

**Câu 28.** Năm 1987, tổ chức nào sau đây của Liên Hợp Quốc đã công nhận Hồ Chí Minh là “Anh hùng giải phóng dân tộc và Nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam”?

- A. UNESCO.                      B. WTO.                      C. WHO.                      D. UNICEF

**Câu 29.** Thành phố Sài Gòn được đổi tên thành Thành phố Hồ Chí Minh tại kỳ họp Quốc hội khóa

- A. IV.                                      B. V.                                      C. VI.                                      D. VII

**Câu 30.** Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị 05-CT/TW về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” vào năm nào?

- A. 2010.                                      B. 2012.                                      C. 2014.                                      D. 2016.

**PHẦN II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG, SAI: Trong mỗi ý a, b, c, d, học sinh chọn đúng hoặc sai.**

**Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

“Xứ Đông Dương bị chủ nghĩa tư bản Pháp bóc lột để làm giàu cho một số cá mập! Người ta đưa người Đông Dương vào chỗ chết trong cuộc chém giết của bọn tư bản để bảo vệ những cái gì mà chính họ cũng không hề biết. Người ta đầu độc họ bằng rượu cồn và thuốc phiện. Người ta tìm họ trong ngu dốt...”.

(Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 1, NXB Chính trị Quốc gia, 2011, tr. 46)

- a) Thực dân Pháp xâm lược và cai trị hà khắc xứ Đông Dương.  
b) Dưới ách thống trị của Pháp nhân dân Đông Dương cực khổ.

- c) Thực dân Pháp khai sáng văn minh cho nhân dân Đông Dương.
- d) Dưới ách thống trị của Pháp, Việt Nam trở thành nước hùng cường.

**Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

“ Nhân dân Việt Nam, trong đó có ông cụ thân sinh ra tôi, lúc này thường tự hỏi nhau ai sẽ là người giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp. Người này nghĩ là Anh, có người lại cho là Mĩ. Tôi thấy phải đi nước ngoài xem cho rõ”.

(Hồ Chí Minh trả lời nhà văn Mĩ, An-na Lu-y Xto-rông, Báo Nhân Dân số 4062, ngày 18-5-1963)

- a) Cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh chịu ảnh hưởng bởi yếu tố gia đình.
- b) Cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh chịu ảnh hưởng bởi yếu tố cá nhân.
- c) Cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh chịu ảnh hưởng bởi yếu tố nước ngoài.
- d) Cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh chịu ảnh hưởng bởi yếu tố quê hương.

**Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

“.. Luận cương của Lê-nin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!”. Từ đó tôi hoàn toàn tin theo Lê-nin, tin theo Quốc tế thứ ba”.

(Hồ Chí Minh, Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Mác – Lê-nin, trích trong: Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 12, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.562)

- a) Đoạn tư liệu thể hiện cảm xúc của Nguyễn Ái Quốc khi đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lê-nin.
- b) Trong đoạn tư liệu, Nguyễn Ái Quốc khẳng định: muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản.
- c) Đoạn tư liệu cho thấy Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế Cộng sản.
- d) Đoạn tư liệu thể hiện niềm tin của Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy con đường cứu nước.

**Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

“Tôi [Hồ Chí Minh] tuyệt nhiên không ham muốn công danh phú quý nào. Bây giờ phải gánh chức Chủ tịch là vì đồng bào uỷ thác thì tôi phải gắng sức làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh của quốc dân ra trước mặt trận. Bao giờ đồng bào cho tôi lui, thì tôi rất vui lòng lui.”.

(Chủ tịch Hồ Chí Minh trả lời báo chí, bài đăng trên báo Cứu quốc, số 147, ngày 21-1-1946).

- a) Đoạn tư liệu khẳng định nguyên tắc của nhà lãnh đạo là phải trung thành tuyệt đối với nhân dân.
- b) Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định luôn cống hiến trọn đời mình cho nhân dân và Tổ quốc.
- c) Chủ tịch Hồ Chí Minh trả lời báo chí về quá trình lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc.
- d) Chủ tịch Hồ Chí Minh giáo dục lịch sử cho chiến sĩ, động viên quân đội trước giờ ra trận.

**Câu 5. Đọc đoạn tư liệu dưới đây:**

“... Chủ tịch Hồ Chí Minh, một biểu tượng xuất sắc về sự tự khẳng định dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội”.

(Tập biên bản của Đại Hội đồng UNESCO, trích trong: UNESCO với sự kiện tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội. 2014. tr.72 - 73)

- a) Chủ tịch Hồ Chí Minh có nhiều đóng góp cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam và thế giới.
- b) Chủ tịch Hồ Chí Minh còn có đóng góp quan trọng về nhiều mặt trên các lĩnh vực tư tưởng, văn hoá, giáo dục,...
- c) UNESCO ghi nhận Chủ tịch Hồ Chí Minh là Anh hùng giải phóng dân tộc và Nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam vào đúng dịp kỉ niệm 100 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
- d) UNESCO ra nghị quyết yêu cầu các nước xây dựng tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh.

**Câu 6. Đọc đoạn tư liệu dưới đây:**

Từ ngày 3 đến 7-2-1930, Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản họp tại Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc) dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Tham gia Hội nghị có các đồng chí Trịnh Đình Cửu, Nguyễn Đức Cảnh (đại biểu Đông Dương Cộng sản đảng); Nguyễn Thiệu, Châu Văn Liêm (đại biểu An Nam Cộng sản đảng). Đại biểu Đông Dương Cộng sản liên đoàn không đến kịp. Hội nghị nhất trí thành lập đảng thống nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam, thông qua Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt và Điều lệ vắn tắt của Đảng. Ngày 3 tháng 2 năm 1930 trở thành Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

(Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 3-2-1930,  
<https://tulieuvankien.dangcongsan.vn>)

- a) Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản có sự tham gia của ba tổ chức cộng sản.
- b) Hội nghị do Nguyễn Ái Quốc chủ trì tại Cửu Long (Hương Cảng) – Trung Quốc.
- c) Hội nghị nhất trí lấy tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam.
- d) Hội nghị có giá trị như một Đại hội thành lập Đảng vì đề ra nghệ thuật quân sự cho Cách mạng Việt Nam.

**Câu 7. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

“Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn!”.

(Hồ Chí Minh, Lời kêu gọi toàn quốc chống Mỹ, phát trên Đài Tiếng nói Việt Nam ngày 17-7-1966, trích trong: Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 15, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.131)

- a) Đoạn tư liệu thể hiện mong muốn của Hồ Chí Minh khi Mỹ chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc.
- b) Đoạn tư liệu thể hiện quyết tâm của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
- c) Lời kêu gọi cho thấy Hồ Chí Minh tin tưởng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

d) Lời kêu gọi là một văn kiện lịch sử, có giá trị như lời hịch kêu gọi cả nước tấn công quân Mỹ.

**Câu 8. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

"Ghi nhận năm 1990 sẽ đánh dấu 100 năm kỉ niệm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Anh hùng giải phóng dân tộc và Nhà văn hoá kiệt xuất của Việt Nam.

Nhận thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh, một biểu tượng xuất sắc của sự khẳng định dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Nhận thấy sự đóng góp quan trọng và nhiều mặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh trên các lĩnh vực văn hoá, giáo dục và nghệ thuật chính là sự kết tinh của truyền thống văn hóa hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam, và những tư tưởng của Người là hiện thân cho khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc văn hoá của mình và thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau".

(Trích: Nghị quyết số 24C/18.65, cuộc họp của Đại hội đồng UNESCO lần thứ 24 ở Pa-ri (Pháp), từ ngày 20-10 đến ngày 20-11-1987)

- Nghị quyết thể hiện sự ghi nhận và đánh giá cao của UNESCO đối với Hồ Chí Minh.
- Nghị quyết thể hiện quan điểm của mọi cá nhân và tổ chức trên thế giới về Hồ Chí Minh.
- Nghị quyết cho thấy Hồ Chí Minh có những cống hiến lớn về chính trị và những đóng góp quan trọng về văn hoá, giáo dục, nghệ thuật.
- Nghị quyết khẳng định Hồ Chí Minh đại diện cho xu thế hợp tác giữa các quốc gia, dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hoá.

**Câu 9. Cho bảng dữ kiện sau đây về hoạt động của Hồ Chí Minh từ năm 1911 đến năm 1941:**

Khoảng thời gian	Nội dung
1911-1923	Đi qua nhiều châu lục, nhiều nước, làm nhiều nghề khác nhau, có những hoạt động nổi bật tại Pháp.
1923-1924	Hoạt động chủ yếu tại Liên Xô, tham dự Hội nghị Quốc tế Nông dân lần thứ nhất, Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V
1924-1928	Hoạt động chủ yếu tại Quảng Châu (Trung Quốc).
1928-1929	Hoạt động chủ yếu tại Xiêm (Thái Lan).
1929-1930	Trở lại Trung Quốc, triệu tập hội nghị thống nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
1930-1933	Hoạt động tại Hương Cảng, Trung Quốc và một số nước Đông Nam Á
1934-1938	Hoạt động chủ yếu tại Liên Xô, tham dự Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII
1939-1941	Hoạt động chủ yếu tại Trung Quốc trước khi về nước.

- Bảng dữ kiện thể hiện những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình tìm đường cứu nước và hoạt động cách mạng ở nước ngoài.
- Bảng dữ kiện cho thấy trong thời kì này Nguyễn Ái Quốc chủ yếu hoạt động ở Đông Nam Á.
- Một trong những đóng góp nổi bật của Nguyễn Ái Quốc trong thời kì này là thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương.
- Hành trình tìm đường cứu nước và hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc để lại dấu ấn ở nhiều nước, một số địa phương đã lập tượng đài, nhà lưu niệm.

**Câu 10. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

"Tư tưởng, đạo đức khoan dung của nhân loại cộng sinh và phát triển trên nền móng của truyền thống nhân bản và yêu nước Việt Nam là bản chất và đặc điểm quán xuyên văn hoá khoan dung Hồ Chí Minh. Điều cần nhấn mạnh là trong suốt chiều dài lịch sử ở Việt Nam đã xây dựng được truyền thống tiếp xúc, giao lưu tích hợp và phát triển văn hoá khoan dung không chỉ của châu Á mà của cả châu Âu và Bắc Mỹ,... Đến văn hoá khoan dung Hồ Chí Minh, quá trình tiếp biến và khoan dung diễn ra một cách có ý thức với cơ sở lí luận, phương pháp luận được xác định rõ ràng".

(Hoàng Khải Vĩnh, Văn hóa khoan dung Hồ Chí Minh, trích trong: Việt Nam trong thế kỉ XX, Tập 4, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.453)

- Đoạn tư liệu thể hiện nhận định và đánh giá của tác giả về văn hoá khoan dung Hồ Chí Minh.
- Văn hoá khoan dung Hồ Chí Minh không có khác biệt so với văn hoá khoan dung truyền thống.
- Văn hoá khoan dung Hồ Chí Minh đã tạo cơ sở cho văn hoá khoan dung trong truyền thống Việt Nam.
- Văn hoá khoan dung Hồ Chí Minh vẫn còn nguyên giá trị trong thời đại ngày nay.

**ĐÁP ÁN CHỦ ĐỀ 6**

1.A	2.A	3.A	4.C	5.C	6.C	7.C	8.D	9.A	10.C
11.A	12.A	13.B	14.C	15.A	16.B	17.A	18.A	19.B	20.D
21.B	22.B	23.A	24.A	25.C	26.A	27.A	28.A	29.C	30.D
1.ĐĐSS	2.ĐĐSĐ	3.ĐSSĐ	4.SĐSS	5.ĐĐSS	6.SĐĐS	7.SĐĐS	8.ĐSĐS	9.ĐSSĐ	10.ĐSSĐ

**ĐỀ THAM KHẢO****ĐỀ SỐ 1**

**PHẦN I.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1.** Chiến thắng Điện Biên Phủ trên không (1972) của quân dân Việt Nam có ý nghĩa nào sau đây?

- Buộc Mỹ phải kí kết Hiệp định Pa-ri và rút quân về nước.
- Buộc Mỹ phải tuyên bố “phi Mỹ hoá” chiến tranh xâm lược.
- Làm thất bại chiến lược chiến tranh đầu tiên của Mỹ ở Việt Nam.
- Mở ra cục diện “vừa đánh, vừa đàm” trong kháng chiến chống Mỹ.

**Câu 2.** Công cuộc Đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986) **không** có thành tựu nào sau đây?

- Ổn định chính trị – xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Hình thành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Giải phóng sức sản xuất, cải thiện đáng kể đời sống của nhân dân.
- Đưa Việt Nam trở thành nền kinh tế lớn nhất ở khu vực Đông Nam Á.

**Câu 3.** Trong giai đoạn 1945 – 1950 của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đạt được thành tựu đối ngoại nào sau đây?

- Gia nhập Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) và tổ chức ASEAN.
- Bình thường hoá quan hệ ngoại giao với Trung Hoa Dân quốc.
- Thiết lập được quan hệ ngoại giao với một số nước xã hội chủ nghĩa.

D. Buộc Pháp phải công nhận Việt Nam là quốc gia độc lập và dân chủ.

**Câu 4.** Các hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong những năm 1945 – 1946 có ý nghĩa nào sau đây đối với cách mạng Việt Nam?

- A. Làm thất bại âm mưu xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp.
- B. Buộc thực dân Pháp phải công nhận Việt Nam độc lập, dân chủ.
- C. Kéo dài thời gian hoà bình để chuẩn bị cho kháng chiến lâu dài.
- D. Tăng cường được nguồn viện trợ từ các nước xã hội chủ nghĩa.

**Câu 5.** Nội dung nào sau đây **không** phải là một trong những quyết định của Hội nghị I-an-ta (2-1945)?

- A. Trả lại cho Liên Xô những quyền lợi bị mất sau chiến tranh Nga – Nhật.
- B. Thống nhất việc tiêu diệt tận gốc phát xít Đức và quân phiệt Nhật Bản.
- C. Liên Xô được đóng quân ở phía Bắc vĩ tuyến 17 trên bán đảo Triều Tiên.
- D. Quy định khu vực Tây Âu và Nhật Bản thuộc phạm vi ảnh hưởng của Mỹ.

**Câu 6.** Nội dung nào sau đây phản ánh điểm giống nhau giữa Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương (năm 1954) và Hiệp định Pa-ri về Việt Nam (năm 1973)?

- A. Các nước cam kết tôn trọng quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam.
- B. Là dấu mốc đánh dấu thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến.
- C. Quy định thời gian rút quân đội nước ngoài trong vòng 2 tháng.
- D. Thoả thuận vấn đề tập kết, chuyển quân và chuyển giao khu vực.

**Câu 7.** Chủ tịch Hồ Chí Minh có đóng góp nào sau đây đối với sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) của nhân dân Việt Nam?

- A. Tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản.
- B. Hoạch định đường lối của Đảng với tư cách là Tổng Bí thư.
- C. Trực tiếp chỉ đạo các cuộc tổng tiến công và nổi dậy.
- D. Tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của các quốc gia dân chủ.

**Câu 8.** Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng (thế kỉ I) chống lại ách đô hộ của thế lực ngoại xâm nào sau đây?

- A. Nguyên.
- B. Tống.
- C. Hán.
- D. Thanh.

**Câu 9.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, quốc gia nào sau đây phát động cuộc Chiến tranh lạnh?

- A. Mỹ.
- B. Anh.
- C. Liên Xô.
- D. Pháp.

**Câu 10.** Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập trong bối cảnh nào sau đây?

- A. Tất cả các nước trong khu vực đã giành được độc lập.
- B. Xu thế hợp tác khu vực trên thế giới đang diễn ra.
- C. Sự xuất hiện và phát triển của xu thế toàn cầu hoá.
- D. Mỹ và Liên Xô tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.

**Câu 11.** Trong những năm 1945 – 1954, hoạt động quân sự nào sau đây của quân dân Việt Nam đã bước đầu làm phá sản kế hoạch “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp?

- A. Chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950.
- B. Chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947.
- C. Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía bắc vĩ tuyến 16 (1946 – 1947).

D. Cuộc Tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954.

**Câu 12.** Trong công cuộc Đổi mới đất nước (từ năm 1986), Đảng Cộng sản Việt Nam xác định lĩnh vực nào sau đây là trọng tâm?

- A. Văn hoá.                      B. Chính trị.                      C. Quốc phòng.                      D. Kinh tế.

**Câu 13.** Văn bản ngoại giao nào sau đây được kí kết vào năm 1954?

- A. Tạm ước Việt - Pháp.                      B. Hiệp định Sơ bộ Việt - Pháp.  
C. Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương.                      D. Hiệp định Pa-ri về Việt Nam.

**Câu 14.** Nội dung nào sau đây **không** phải nguyên nhân sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta?

- A. Tồn thất trong quá trình chạy đua vũ trang khiến Mỹ và Liên Xô suy yếu sức mạnh.  
B. Tác động của phong trào giải phóng dân tộc và sự ra đời của nhiều quốc gia độc lập.  
C. Những tác động to lớn của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai.  
D. Sự vươn lên và cạnh tranh mạnh mẽ của các trung tâm kinh tế Nhật Bản và Tây Âu.

**Câu 15.** Sự kiện nào sau đây ghi dấu 1 sự phát triển mạnh mẽ của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) từ năm 2015 đến nay?

- A. Ban Thư kí ASEAN được thành lập.                      B. Mở rộng quan hệ hợp tác giữa các nước.  
C. Thông qua bản hiến chương của ASEAN.                      D. Cộng đồng ASEAN được thành lập.

**Câu 16.** Nội dung nào sau đây **không** đúng về cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

- A. Chớp đúng thời cơ, không phải đối mặt với nguy cơ.  
B. Là cuộc cách mạng dùng bạo lực nhưng lại ít đổ máu.  
C. Có tính chất dân tộc, dân chủ, cách mạng và nhân dân.  
D. Giành chính quyền ở đô thị đóng vai trò quyết định.

**Câu 17.** Nội dung nào sau đây **không** đúng về thành tựu cơ bản của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay?

- A. Giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa.  
B. Từng bước hình thành và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.  
C. Việc xoá đói giảm nghèo đạt nhiều kết quả ấn tượng, được cộng đồng quốc tế ghi nhận.  
D. Ra khỏi nhóm nước có thu nhập trung bình, đang vững bước vươn lên để có thu nhập cao.

**Câu 18.** Trong thời kì 1945 – 1954, văn bản pháp lí quốc tế đầu tiên được đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà kí với đại diện chính phủ nước ngoài là

- A. Hiệp định Sơ bộ Việt - Pháp.                      B. Tạm ước Việt – Pháp.  
C. Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương.                      D. Hiệp định Pa-ri về Việt Nam.

**Câu 19.** Nội dung nào sau đây phản ánh đúng công lao của Hồ Chí Minh đối với thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945?

- A. Tập hợp được tối đa lực lượng các nước đồng minh giúp đỡ cách mạng.  
B. Lãnh đạo nhân dân tiến hành khởi nghĩa từ thành thị tiến về nông thôn.  
C. Lãnh đạo nhân dân chớp đúng thời cơ cách mạng và đẩy lùi nguy cơ.  
D. Lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh đấu tranh chính trị, quân sự và ngoại giao.

**Câu 20.** Nhận định nào sau đây **không** đúng về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975) của nhân dân Việt Nam?

- A. Liên Xô ủng hộ Việt Nam đấu tranh vũ trang ngay từ ngày đầu cuộc kháng chiến.

- B. Từ đấu tranh chính trị phát triển lên khởi nghĩa, sau đó là chiến tranh giải phóng.
- C. Có sự kết hợp chặt chẽ đấu tranh trên ba mặt trận: chính trị, quân sự và ngoại giao.
- D. Đẩy mạnh quá trình xây dựng lực lượng, từ đó phát triển thế tiến công chiến lược.

**Câu 21.** Nội dung nào sau đây là một trong những bài học của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay?

- A. Đổi mới toàn diện, đồng bộ, trọng tâm là đổi mới chính trị.
- B. Đổi mới trước tiên phải xuất phát từ chuyển biến của thế giới.
- C. Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.
- D. Kết hợp sức mạnh nội lực và ngoại lực, quyết định là ngoại lực.

**Câu 22.** Trong cuộc kháng chiến chống Xiêm (1785), quân Tây Sơn đã giành thắng lợi trong trận đánh nào sau đây?

- A. Chi Lăng – Xương Giang.
- B. Ngọc Hồi - Đống Đa.
- C. Rạch Gầm – Xoài Mút.
- D. Vạn Kiếp - Bình Than.

**Câu 23.** Cuộc khởi nghĩa Lý Bí thành công (thế kỉ VI) dẫn đến sự ra đời của nhà nước

- A. Vạn Xuân.
- B. Đại Việt.
- C. Đại Cồ Việt.
- D. Đại Ngu.

**Câu 24.** Sự kiện nào sau đây đánh dấu Cộng đồng ASEAN được thành lập?

- A. Các nước thành viên thông qua Hiến chương ASEAN (2007).
- B. Cam-pu-chia trở thành thành viên thứ 10 của ASEAN (1999).
- C. Lãnh đạo các nước ASEAN kí Tuyên bố Cua-la Lăm-pơ (2015).
- D. Các nước thành viên ASEAN thông qua Tuyên bố Ba-li II (2003).

**Phần II.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1. Đọc đoạn thông tin sau đây:**

Cuộc Chiến tranh lạnh (1947–1989) chủ yếu diễn ra ở châu Âu, nhưng đã làm thay - đổi sâu sắc quan hệ quốc tế: giữa Mỹ với Liên Xô, giữa các nước Đông Âu với các nước Tây Âu, giữa các nước tư bản chủ nghĩa với các nước xã hội chủ nghĩa,... Sự đối đầu gay gắt giữa Mỹ và Liên Xô trong thời gian diễn ra Chiến tranh lạnh đã làm gia tăng cuộc chạy đua vũ trang, dẫn tới một số cuộc chiến tranh cục bộ trên thế giới.

- a) Một trong những nguyên nhân dẫn đến cuộc Chiến tranh lạnh là bắt nguồn từ những quyết định của Hội nghị I-an-ta (2-1945).
- b) Cuộc Chiến tranh lạnh đã làm thay đổi quan hệ giữa các cường quốc từng là đồng minh trong chiến tranh chống các nước phát xít.
- c) Cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam (1954 - 1975) không bị tác động từ Chiến tranh lạnh.
- d) Cuộc Chiến tranh lạnh (1947 - 1989) đã kết thúc, nhưng vẫn để lại di chứng đến ngày nay.

**Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

Theo nhận thức của chúng ta, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lí của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh...”.

(Nguyễn Phú Trọng, Một số vấn đề lí luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.25-26)

- a) Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành và phát triển khi miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội (từ năm 1954).

- b) Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Việt Nam hướng tới mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh”.
- c) Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam không có sự khác biệt với nền kinh tế thị trường ở các nước phương Tây.
- d) Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một sáng tạo của Việt Nam trong công cuộc Đổi mới.

**Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

"Đặt bút kí vào bản Hiệp định Pa-ri lịch sử [27-1-1973], tôi vô cùng xúc động.... tôi như thay mặt nhân dân và các chiến sĩ cách mạng miền Nam Việt Nam làm nhiệm vụ đấu tranh trên tiền tuyến và trong lao tù cấm ngục cờ chiến thắng chói lọi. Vinh dự đó đối với tôi thật quá to lớn. Tôi không có đủ lời để nói lên được lòng biết ơn vô tận đối với đồng bào và chiến sĩ ta từ Nam chí Bắc đã chấp nhận mọi hi sinh dũng cảm chiến đấu để có được thắng lợi to lớn hôm nay".

(Nguyễn Thị Bình, Gia đình, bạn bè và đất nước – hồi kí, NXB Tri thức, Hà Nội, 2012, tr.131)

- a) Hiệp định Pa-ri được kí kết là một thắng lợi ngoại giao của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
- b) Hiệp định Pa-ri được kí kết phản ánh thành quả trong cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam.
- c) Việc kí Hiệp định Pa-ri đã mở ra bước ngoặt đầu tiên, đưa tới sự chuyển biến về thế và lực có lợi cho cách mạng miền Nam Việt Nam.
- d) Về bản chất, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam đã kết thúc bằng thắng lợi của việc kí Hiệp định Pa-ri.

**Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

"Ngày 30-8-1945, trước cửa Ngọ môn Huế, "Bảo Đại đọc xong [Chiếu thoái vị] thì trên kì đài cờ vàng của nhà vua từ từ hạ xuống và lá cờ nền đỏ thắm tươi long lanh năm cánh sao vàng được kéo lên giữa những tiếng vỗ tay, những tiếng hoan hô như sấm... Rồi ông Trần Huy Liệu đọc bản tuyên bố của Đoàn đại biểu Chính phủ, nêu rõ thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là kết quả của hàng mấy chục năm tranh đấu anh dũng, kiên cường, bền bỉ của nhân dân cả nước, tuyên bố chấm dứt vĩnh viễn chế độ quân chủ".

(Phạm Khắc Hoà, Từ triều đình Huế đến chiến khu Việt Bắc, NXB Thuận Hoá, Huế, 1987, tr.86)

- a) Sự kiện vua Bảo Đại đọc chiếu thoái vị ở Ngọ môn Huế đã đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chế độ phong kiến Việt Nam từng tồn tại trong nhiều thế kỉ.
- b) Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 thắng lợi là kết quả đấu tranh anh dũng của dân tộc trong nhiều thế kỉ, gắn với vai trò lãnh đạo của một đảng vô sản.
- c) Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam thành công đã góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít, góp phần làm biến đổi bản đồ chính trị thế giới.
- d) Cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là một cuộc cách mạng sử dụng bạo lực nhằm vào hai đối tượng chính là đế quốc và phong kiến.

**ĐÁP ÁN:**

1. A	2. D	3.C	4.C	5.C	6.A	7. D	8. C	9. A	10. B
11. C	12. D	13. C	14. C	15. D	16.C	17. D	18. A	19. C	20. A
21. C	22. C	23. A	24. C	1.ĐĐSĐ	2.SĐSĐ	3.ĐĐSS	4.ĐSĐS		

**7**  
**ĐỀ SỐ 2**

**Câu 1.** Điểm mới trong chiến lược Chiến tranh cục bộ của Mỹ thực hiện ở miền Nam Việt Nam từ năm 1965 là

- A. cử cố vấn Mỹ đến miền Nam Việt Nam.      B. trang bị vũ khí cho quân đội Sài Gòn.  
C. lập áp chiến lược khắp miền Nam.              D. đưa quân Mỹ trực tiếp tham chiến.

**Câu 2.** Về kinh tế, công cuộc Đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986) đạt được thành tựu tiêu biểu nào sau đây?

- A. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỉ trọng công nghiệp.  
B. Hoàn thành các mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.  
C. Trở thành nước công nghiệp hiện đại có thu nhập đầu người cao.  
D. Đưa Việt Nam trở thành nền kinh tế lớn nhất khu vực Đông Nam Á.

**Câu 3.** Việc Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà kí với đại diện Chính phủ Pháp bản Tạm ước (14-9-1946) có tác dụng nào sau đây?

- A. Đuổi quân Trung Hoa Dân quốc ra khỏi Việt Nam.  
B. Kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp  
C. Có thêm thời gian hoà bình để chuẩn bị kháng chiến.  
D. Chuẩn bị hậu cần cho chiến dịch Điện Biên Phủ.

**Câu 4.** Cuộc khởi nghĩa nào của Việt Nam thời phong kiến đã nối lại thời kì độc lập tự chủ dài lâu của dân tộc?

- A. Khởi nghĩa Lam Sơn.                                      B. Khởi nghĩa Phùng Hưng.  
C. Khởi nghĩa Bà Triệu.                                      D. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng.

**Câu 5.** Trong thời gian xoá bỏ tình trạng cát cứ phong kiến của chúa Nguyễn, chúa Trịnh và vua Lê, phong trào Tây Sơn (thế kỉ XVIII) đã thực hiện nhiệm vụ nào sau đây để bảo vệ Tổ quốc?

- A. Đánh đuổi quân Minh và quân Thanh.              B. Kháng chiến chống quân Mông Cổ.  
C. Đánh đuổi quân Xiêm và quân Thanh.              D. Đánh đuổi quân Minh xâm lược.

**Câu 6.** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, quan hệ Mỹ – Liên Xô từ đồng minh đã chuyển sang

- A. đối kháng.                      B. đối thoại.                      C. đối tác.                      D. đối đầu.

**Câu 7.** Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ra đời trong bối cảnh nào sau đây?

- A. Ba nước Đông Dương đã giành độc lập hoàn toàn.  
B. Cuộc Chiến tranh lạnh đang ảnh hưởng đến khu vực.  
C. Xu thế hoà hoãn Đông – Tây đang diễn ra mạnh mẽ.  
D. Mỹ và Liên Xô đạt được thoả thuận kết thúc đối đầu.

**Câu 8.** Trong thời kì 1945 – 1954, chiến thắng nào sau đây của quân dân Việt Nam đã làm phá sản kế hoạch Rơ-ve của thực dân Pháp?

- A. Chiến dịch Việt Bắc thu – đông.                      B. Chiến dịch Biên giới thu – đông.  
C. Chiến dịch Điện Biên Phủ.                              D. Chiến dịch giải phóng Huế - Đà Nẵng.

**Câu 9.** Trong công cuộc Đổi mới đất nước (từ năm 1986), Đảng Cộng sản Việt Nam xác định phương châm đổi mới phải

- A. lấy chính trị làm trung tâm.                              B. thay đổi phương hướng chiến lược.  
C. phát triển kinh tế bằng mọi giá.                              D. đồng bộ và toàn diện.

**Câu 10.** Ở Việt Nam, đấu tranh ngoại giao được nâng lên trở thành một mặt trận trong

- A. cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975).
- B. cuộc vận động trực tiếp giải phóng dân tộc (1939–1945)
- C. cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).
- D. thời kì cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội (từ năm 1976).

**Câu 11.** Nội dung nào sau đây là một trong những nguyên nhân dẫn tới sự sụp đổ của tự 2 cực I-an-ta?

- A. Thời hạn nước Mỹ áp dụng Học thuyết Tơ-ru-man đối với Liên Xô đã hết hiệu lực.
- B. Tác động của phong trào giải phóng dân tộc và sự ra đời của các quốc gia độc lập.
- C. Những tác động của các xu thế liên kết khu vực và xu thế toàn cầu hoá ở châu Âu.
- D. Sự vươn lên, cạnh tranh mạnh mẽ của các trung tâm kinh tế Trung Quốc và Ấn Độ.

**Câu 12.** Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) có bước phát triển mạnh cả về chiều rộng và chiều sâu sau sự kiện nào sau đây?

- A. Mỹ thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước ASEAN.
- B. Các nước sáng lập ASEAN thực hiện cải cách, mở cửa.
- C. Các nước ASEAN đã kí kết Hiệp ước Ba-li (2-1976).
- D. Hiệp định hoà bình về Cam-pu-chia được kí kết (1991).

**Câu 13.** Nội dung nào sau đây **không** đúng về cuộc Tổng khởi nghĩa trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

- A. Đây là một cuộc chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc.
- B. Không chỉ chớp đúng thời cơ, mà còn đẩy lùi được nguy cơ.
- C. Là cuộc cách mạng bằng bạo lực nhưng hạn chế đổ máu.
- D. Kết hợp giành chính quyền ở cả nông thôn và thành thị.

**Câu 14.** Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) của nhân dân Việt Nam có sự khác biệt nào sau đây so với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954)?

- A. Không chịu sự chi phối của các nước lớn trong xu thế hoà hoãn Đông – Tây.
- B. Kiên định giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.
- C. Có sử dụng phương pháp bạo lực cách mạng của quần chúng nhân dân.
- D. Kết hợp và phát huy sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại.

**Câu 15.** Nội dung nào sau đây **không** phải thành tựu của Việt Nam trong 10 năm đầu thực hiện công cuộc Đổi mới (1986 - 1996)?

- A. Nền độc lập, thống nhất, chủ quyền và chế độ xã hội chủ nghĩa được giữ vững.
- B. Thiết lập quan hệ ngoại giao với Mỹ, nâng lên thành đối tác chiến lược toàn diện.
- C. Việc xoá đói, giảm nghèo đạt nhiều kết quả, được nhân dân và quốc tế ghi nhận.
- D. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước được hình thành.

**Câu 16.** Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương, miền Bắc Việt Nam đã căn bản hoàn thành cuộc cách mạng

- A. tư sản kiểu mới.
- B. dân tộc dân chủ nhân dân.
- C. xã hội chủ nghĩa.
- D. dân chủ nhân dân.

**Câu 17.** Trong thời kì 1954 - 1975, đâu là một trong những nguyên nhân trực tiếp dẫn đến Việt Nam trở thành nơi diễn ra “sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”?

- A. Mỹ coi Việt Nam là tâm điểm của phong trào giải phóng dân tộc thế giới.
- B. Phe xã hội chủ nghĩa ủng hộ Việt Nam đi theo chế độ xã hội chủ nghĩa.
- C. Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương chia Việt Nam thành hai miền.
- D. Việt Nam đã lên tiếng phản đối nước Mỹ triển khai chiến lược toàn cầu.

**Câu 18.** Những thành tựu của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam (từ năm 1986) đã chứng tỏ

- A. Đổi mới toàn diện, đồng bộ, lấy chính trị làm trọng tâm là đúng đắn.
- B. Trật tự thế giới hai cực I-an-ta sụp đổ giúp cho Đổi mới thành công.
- C. sức mạnh ngoại lực đóng vai trò nền tảng cho công cuộc Đổi mới.
- D. đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, bước đi cơ bản là phù hợp.

**Câu 19.** Nội dung nào sau đây **không** phải điều kiện bùng nổ của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam?

- A. Lực lượng cách mạng được rèn luyện qua thực tiễn đấu tranh.
- B. Hồ Chí Minh đã phân tích yếu tố thời cơ đan xen cùng nguy cơ.
- C. Quân Đồng minh đã vào Đông Dương để giải giáp phát xít Nhật.
- D. Đảng Cộng sản và quần chúng nhân dân đã sẵn sàng hành động.

**Câu 20.** Đại hội đại biểu lần thứ II (tháng 2-1951) của Đảng Cộng sản Đông Dương quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai ở Việt Nam với tên gọi là gì?

- A. Đảng Dân chủ Đông Dương.
- B. Đảng Lao động Việt Nam.
- C. Đảng Dân chủ Việt Nam.
- D. Đảng Cộng sản Việt Nam.

**Câu 21.** Ở Việt Nam, hoạt động kinh tế đối ngoại từ sau Đổi mới (1986) diễn ra như thế nào?

- A. Cán cân thương mại chuyên biến dần từ xuất siêu sang nhập siêu.
- B. Kinh tế đối ngoại không có bước phát triển so với trước đổi mới.
- C. Mở rộng thị trường xuất khẩu theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa.
- D. Hoạt động thu hút vốn đầu tư nước ngoài không có sự chuyển biến.

**Câu 22.** Cách kết thúc chiến tranh của Lý Thường Kiệt có gì độc đáo?

- A. Chủ động đề nghị giảng hoà.
- B. Chủ động rút lui để bảo toàn lực lượng.
- C. Tổng tiến công, truy kích kẻ thù đến cùng.
- D. Tổ chức Hội thề Đông Quan với đại diện quân Tống.

**Câu 23.** Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng nét độc đáo trong cách đánh của quân Tây Sơn khi chiến đấu với quân Mãn Thanh xâm lược (1788 - 1789)?

- A. Rút lui nhằm tránh thế giặc mạnh và bảo toàn lực lượng.
- B. Chú trọng xây dựng phòng tuyến tại Tam Điệp - Biện Sơn.
- C. Chủ động tấn công để chặn trước thế mạnh của giặc Thanh.
- D. Tiến công bí mật, thần tốc, táo bạo vào các căn cứ của giặc.

**Câu 24.** Nhân tố quốc tế nào vừa tạo thời cơ, vừa tạo thách thức đối với sự phát triển kinh tế Việt Nam cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI?

- A. Sự phát triển phong trào giải phóng dân tộc.
- B. Chính sách bao vây, cấm vận của các cường quốc.

C. Sự phát triển mạnh mẽ của xu thế toàn cầu hóa.

D. Sự cân bằng và bình đẳng giữa các quốc gia.

**Phần II.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

“Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn!”.

(Chủ tịch Hồ Chí Minh, Lời kêu gọi toàn quốc chống Mỹ, phát trên Đài Tiếng nói Việt Nam ngày 17-7-1966, trích trong: Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 15, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.131)

a) Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc chống Mỹ trong bối cảnh Mỹ đang can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp ở Việt Nam.

b) Đoạn tư liệu ghi nhận: Trong bất kì hoàn cảnh nào, Chủ tịch Hồ Chí Minh và cả dân tộc Việt Nam cũng quyết tâm đánh Mỹ để tiến tới độc lập, thống nhất.

c) Chủ tịch Hồ Chí Minh là biểu tượng của sức mạnh đại đoàn kết dân tộc và sức mạnh thời đại

d) Đoạn tư liệu cho thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra dự báo và thể hiện quyết tâm thắng Mỹ.

**Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

“Sau 35 năm đổi mới (1986 – 2021), “đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay... Thế và lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế, niềm tin của nhân dân ngày càng được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

(Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Tập 1, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.10)

a) Trong bối cảnh quốc tế và trong nước có nhiều biến động, từ năm 1986, Việt Nam tiến hành đổi mới toàn diện đất nước.

b) Những thành tựu của Việt Nam đạt được trong công cuộc Đổi mới chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam là đúng đắn.

c) Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu là yếu tố quyết định để Việt Nam phải tiến hành đổi mới đất nước.

d) Những thắng lợi của công cuộc Đổi mới đã đưa Việt Nam trở thành mắt xích quan trọng tham gia các tổ chức khu vực và toàn cầu.

**Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

“Việt Nam khởi đầu kháng chiến chống Mỹ xâm lược trong bối cảnh Hiệp định Giơ-ne-vơ (21-7-1954) – một văn bản mang tính pháp lí quốc tế, công nhận chủ quyền, độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia đã được kí kết và có hiệu lực, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, tiến lên chủ nghĩa xã hội; miền Nam tiếp tục tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân”.

(Bộ Quốc phòng – Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954 - 1975, Tập 9, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2013, tr.21)

a) Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 là văn bản pháp lí quốc tế ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương.

b) Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương là một thắng lợi của cách mạng Việt Nam, nhưng đó là thắng lợi chưa trọn vẹn.

- c) Trong giai đoạn đầu sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương, thế và lực của cách mạng miền Nam Việt Nam bất lợi so với thực dân Pháp.
- d) Với Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương, miền Bắc Việt Nam đã hoàn thành triệt để cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

**Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

“Từ tháng 3 đến tháng 8-1945, Đảng đã tổ chức và lãnh đạo cao trào kháng Nhật, cứu nước trong toàn quốc, khởi nghĩa từng phần ở vùng rừng núi, nông thôn, phát động chiến tranh du kích, thành lập Khu giải phóng Việt Bắc, lập chính quyền bộ phận, chuẩn bị những tiền đề trực tiếp cho cuộc tổng khởi nghĩa trong toàn quốc. Tháng 8-1945, thời cơ “ngàn năm có một” cho ta giành chính quyền đã đến, song nguy cơ mới cũng xuất hiện. Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào (8-1945) đã quyết định phải tập trung lực lượng, thống nhất quân sự, chính trị hành động và chỉ huy, kịp thời hành động, không bỏ lỡ thời cơ, tiến hành tổng khởi nghĩa cả ở thành phố và nông thôn, đặc biệt là thành phố”.

(Phạm Khắc Hoè, Từ triều đình Huế đến chiến khu Việt Bắc, NXB Thuận Hoá, Huế, 1987, tr.86)

- a) Về thời gian, Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam được tính từ tháng 3-1945 khi Đảng phát động cao trào kháng Nhật cứu nước đến ngày 28-8-1945.
- b) Thực tiễn cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền tháng 8-1945 ở Việt Nam cho thấy ba nguyên tắc được Đảng quán triệt là “Tập trung, thống nhất và mau lẹ”.
- c) Cụm từ thời cơ “ngàn năm có một” trong đoạn tư liệu cần hiểu cho đúng là bao gồm cả yếu tố khách quan và yếu tố chủ quan, giữa bối cảnh trong nước và bối cảnh quốc tế.
- d) Cuộc Tổng khởi nghĩa trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là một điển hình cho nghệ thuật phân tích thời cơ, chớp thời cơ và đẩy lùi nguy cơ.

**ĐÁP ÁN:**

1. D	2.A	3. C	4. A	5. C	6.D	7. B	8. B	9. D	10. A
11. B	12. D	13. A	14. A	15. B	16. B	17. A	18. D	19. C	20. B
21. C	22. A	23. C	24. C	1.SĐĐĐ	2.ĐĐSĐ	3.ĐĐĐS	4.SĐĐĐ		

**ĐỀ SỐ 3**

**Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1.** Sự thành lập Nhà nước Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết gắn liền với yêu cầu

- A. chống lại sự tấn công của 14 nước thực dân.
- B. hoàn thành chính sách Kinh tế mới.
- C. hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau để cùng phát triển.
- D. thực hiện “Sắc lệnh hoà bình” và “Sắc lệnh ruộng đất”.

**Câu 2.** Sự kiện nào sau đây năm 1924 được cho là đã hoàn thành quá trình thành lập Nhà nước Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết?

- A. Các quốc gia thành viên kí hiệp định liên minh về quân sự.
- B. Các nước thông qua tuyên ngôn của chính quyền Xô viết.
- C. Bản hiến pháp đầu tiên của Liên Xô được thông qua.
- D. Bộ luật nhà nước của Liên Xô được công bố.

**Câu 3.** Trong cuộc kháng chiến chống quân Tống (1075 – 1077), quân dân Đại Việt chặn đánh quân Tống ở địa điểm chính nào sau đây?

- A. Phòng tuyến bên bờ sông Như Nguyệt.
- B. Bãi cọc bên bờ và dưới lòng sông Bạch Đằng
- C. Phòng tuyến địa lôi bên bờ sông Thiên Đức.
- D. Bãi cọc và phòng tuyến Đa Bang.

**Câu 4.** Trong ba lần kháng chiến chống quân Mông - Nguyên (1258 – 1288), vua tôi nhà Trần đều

- A. phá huỷ kinh đô Thăng Long.
- B. rời bỏ kinh thành Thăng Long.
- C. rời bỏ kinh đô và rút khỏi các đô thị trên cả nước.
- D. phá huỷ các đô thị ở khu vực quan trọng về chiến lược.

**Câu 5.** Nội dung nào sau đây là biểu hiện của xu thế đa cực?

- A. Các trung tâm, tổ chức kinh tế, tài chính khu vực đóng vai trò chủ chốt và quyết định.
- B. Các trung tâm, tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế và khu vực đóng vai trò ngày càng lớn.
- C. Các trung tâm, tổ chức kinh tế, tài chính khu vực đóng vai trò ngày càng mờ nhạt
- D. Các trung tâm, tổ chức kinh tế, tài chính toàn cầu chi phối toàn bộ trật tự thế giới,

**Câu 6.** Trong số các trung tâm quyền lực của thế giới hiện nay, Mỹ vẫn là

- A. cường quốc số 1, có sức mạnh vượt trội.
- B. cường quốc duy nhất trên thế giới có vũ khí hạt nhân.
- C. siêu cường duy nhất, thống trị các quốc gia trên thế giới.
- D. siêu cường toàn cầu, quyết định mọi vấn đề của Liên hợp quốc.

**Câu 7.** Tình trạng nhiều quốc gia, khu vực tạo ra thế cân bằng về kinh tế, chính trị, quân sự toàn cầu là biểu hiện của

- A. trật tự đa cực.
- B. trật tự đơn cực.
- C. trật tự nhất siêu – nhiều cường.
- D. trật tự nhất siêu – một trung tâm.

**Câu 8.** Nội dung nào sau đây **không** phải là mục đích thành lập ASEAN?

- A. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong khu vực.
- B. Thúc đẩy hoà bình, ổn định khu vực.
- C. Thúc đẩy việc xây dựng một liên minh quân sự của khu vực.
- D. Thúc đẩy tiến bộ xã hội và phát triển văn hoá trong khu vực.

**Câu 9.** Quốc gia gia nhập ASEAN năm 1999 là

- A. Cam-pu-chia.
- B. Lào.
- C. Mi-an-ma.
- D. Phi-lip-pin.

**Câu 10.** Từ khi thành lập đến nay, ASEAN cũng như Cộng đồng ASEAN đều hướng đến xây dựng

- A. cộng đồng các quốc gia chia sẻ bản sắc văn hoá.
- B. cộng đồng các quốc gia trung lập và liên minh.
- C. một Đông Nam Á tự do và liên minh chặt chẽ.
- D. một Đông Nam Á hoà bình và thịnh vượng.

**Câu 11.** Sau Chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950, lực lượng kháng chiến đã

- A. giành được thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.

- B. kiểm soát hầu hết chiến trường chính Bắc Bộ.
- C. áp đảo về lực lượng và vũ khí trước quân Pháp.
- D. Buộc Pháp phải rút khỏi đồng bằng sông Hồng.

**Câu 12.** Tháng 7-1953, Pháp đề ra kế hoạch Na-va với hi vọng giành một thắng lợi quân sự để

- A. tiêu diệt toàn bộ lực lượng kháng chiến.
- B. kết thúc chiến tranh trong danh dự.
- C. tạo điều kiện để kết thúc đàm phán ngoại giao.
- D. đánh chiếm hầu hết khu vực của lực lượng kháng chiến.

**Câu 13.** Phương châm nào sau đây trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) đã có vai trò quan trọng, góp phần đưa đến thắng lợi cuối cùng

- A. Tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.
- B. Trường kì khởi nghĩa nhất định thành công.
- C. Vừa khởi nghĩa toàn quốc, vừa kiến thiết quốc gia
- D. Tránh chỗ yếu, đánh chỗ mạnh, đánh chắc, tiến nhanh.

**Câu 14.** Từ năm 1967, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước được tiến hành trên cả ba mặt trận nào sau đây?

- A. Quân sự, địch vận, binh vận.
- B. Chính trị, văn hoá, ngoại giao.
- C. Quân sự, ngoại giao, văn hoá.
- D. Chính trị, quân sự, ngoại giao.

**Câu 15.** Nội dung nào sau đây phản ánh đúng nội dung cơ bản của đường lối đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra trong giai đoạn 1986-1995?

- A. Đổi mới chính trị là trọng tâm và đi trước.
- B. Đổi mới xã hội và chính trị là trọng tâm.
- C. Đổi mới văn hoá phải gắn với đổi mới xã hội.
- D. Đổi mới kinh tế phải gắn với đổi mới chính trị.

**Câu 16.** Nội dung nào sau đây **không** phải là nội dung cơ bản của đường lối đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra trong giai đoạn 1996-2006?

- A. Chú trọng phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- B. Phát triển giáo dục, y tế và giải quyết các vấn đề xã hội.
- C. Đa phương hoá, nhất thể hoá các chính sách đối nội.
- D. Chủ động hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

**Câu 17.** Công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay đã

- A. đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên nhiều lĩnh vực.
- B. thành công và đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển.
- C. đưa Việt Nam trở thành nước có thu nhập cao.
- D. hoàn thành và đạt được mục tiêu trên mọi lĩnh vực.

**Câu 18.** Nội dung nào sau đây là hoạt động đối ngoại của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ở một số nước châu Á trong giai đoạn 1947 – 1949?

- A. Thành lập đại sứ quán và phòng Thông tin.

- B. Thành lập đại sứ quán, lãnh sự quán.
- C. Thiết lập lãnh sự quán, phòng Thông tin tình báo.
- D. Thiết lập cơ quan đại diện ngoại giao, phòng Thông tin.

**Câu 19.** Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) có chuyển biến lớn sau sự kiện nào sau đây?

- A. Ký Tạm ước Việt – Hoa với Chính phủ Trung Quốc.
- B. Thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc, Liên Xô.
- C. Ký Hiệp định Pa-ri với Chính phủ Pháp.
- D. Bình thường hoá quan hệ ngoại giao với Pháp.

**Câu 20.** Một trong những hoạt động đối ngoại nổi bật của Việt Nam từ năm 1968 đến năm 1973 là

- A. đàm phán tại Hội nghị Giơ-ne-vơ.
- B. đấu tranh yêu cầu Mỹ thi hành Hiệp định Pa-ri.
- C. đấu tranh yêu cầu các bên ngừng bắn.
- D. đàm phán, kí kết Hiệp định Pa-ri.

**Câu 21.** Trong quá trình hoạt động tại Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã tham gia sáng lập tổ chức nào sau đây?

- A. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
- B. Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông
- C. Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Phương Đông.
- D. Hội Liên minh thuộc địa và phụ thuộc.

**Câu 22.** Nội dung nào sau thể hiện đúng về vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình chuẩn bị các điều kiện cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam?

- A. Chuẩn bị về tư tưởng, chính trị, tổ chức.
- B. Biên tập Chính cương chiến lược và Sách lược chính trị.
- C. Trực tiếp thành lập các tổ chức cộng sản trong năm 1929.
- D. Soạn thảo Luận cương chính trị, Sách lược chính trị.

**Câu 23.** Sự kiện Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa đã

- A. góp phần đưa Việt Nam trở thành quốc gia lãnh đạo phong trào giải phóng thuộc địa.
- B. đưa đến sự hỗ trợ của khối Liên hiệp Pháp đối với Việt Nam trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- C. đưa đến sự hỗ trợ của các nước châu Âu đối với Việt Nam trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- D. góp phần xác lập mối liên hệ giữa cách mạng Việt Nam với phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

**Câu 24.** Hồ Chí Minh có cống hiến nổi bật đối với những phong trào nào sau đây trên thế giới?

- A. Phong trào vô sản toàn cầu, phong trào thống nhất dân tộc.
- B. Phong trào cộng sản khu vực, phong trào giải phóng chính quốc.
- C. Phong trào công - nông khu vực, phong trào giải phóng thực dân.
- D. Phong trào cộng sản quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc.

**Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý A, B, C, D ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây**

“Rất lâu trước khi Liên Xô sụp đổ, rõ ràng là rất ít khu vực nào trên thế giới bị ảnh hưởng bởi những gì đang xảy ra ở châu Âu. Sự kết thúc của Chiến tranh lạnh lập tức đã khơi lại những câu hỏi cũ về bản sắc trên khắp lục địa đó và xa hơn nữa, cũng như đặt ra những câu hỏi mới,... Những câu hỏi nền tảng về bản sắc, dân tộc và tôn giáo một lần nữa có thể được nêu lên, và một số câu hỏi trong số này thật rối trí. Một lần nữa những hoàn cảnh quyết định mới lại xuất hiện trong lịch sử thế giới”.

(J. M. Robót, O.A Goét-sta, Lịch sử thế giới (Phạm Viêm Phương dịch), NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2023, tr 293).

- A. Đoạn tư liệu phản ánh nhận thức và quan điểm của tác giả về thế giới đơn cực sau Chiến tranh lạnh.
- B. Đoạn tư liệu thể hiện quan điểm của tác giả cho thấy nhiều vấn đề liên quan đến bản sắc, dân tộc và tôn giáo ở châu Âu đã bị che lấp bởi Chiến tranh lạnh.
- C. Theo quan điểm của tác giả, sự kết thúc của Chiến tranh lạnh có ảnh hưởng lớn đối với lịch sử thế giới.
- D. Các cuộc chiến tranh, xung đột ở châu Âu cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI không liên quan đến hệ quả của Chiến tranh lạnh.

**Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

"... Hà Nội khởi nghĩa sớm hơn một số tỉnh khác, nhất là các thành phố lớn như Huế, Sài Gòn, Đà Nẵng,... là do trong khi đang gấp rút chuẩn bị khởi nghĩa thì được tin: chiều ngày 17-8-1945, Tổng hội viên chức tổ chức một cuộc mít tinh lớn tại Quảng trường Nhà hát thành phố để ủng hộ Chính phủ bù nhìn thân Nhật, chống lại cuộc khởi nghĩa của Việt Minh, Thành uỷ chủ trương huy động ngay một lực lượng đông đảo quần chúng cứu quốc do các đội tự vệ và tuyên truyền xung phong làm nòng cốt để biến cuộc mít tinh của địch thành cuộc mít tinh của ta,... Cuộc mít tinh trở thành cuộc biểu tình tuần hành, trong đó có cả một số lính bảo an cũng hoà vào dòng người, điều qua các phố lớn,...".

(Nguyễn Quyết, Một ngày lịch sử, trích trong: Việt Nam trong thế kỉ XX, Tập 1, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.88-89)

- A. Hà Nội mở đầu quá trình khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- B. Khởi nghĩa ở Hà Nội diễn ra nhanh chóng và có sự tham gia của đông đảo quần chúng.
- C. Khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội đã quyết định thắng lợi của các cuộc khởi nghĩa ở các địa phương khác.
- D. Khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội cho thấy bài học về việc xác định thời cơ và chớp thời cơ.

**Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

“Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hoá, bảo vệ môi trường. Lấy phân phối theo lao động làm hình thức chính, khuyến khích làm giàu đi đôi với giảm số người nghèo, nâng cao phúc lợi xã hội phù hợp với trình độ phát triển kinh tế, thực hiện nam nữ bình đẳng, tạo cơ hội cho mọi người đều được cống hiến và được hưởng thành quả của sự phát triển”.

(Đảng Cộng sản Việt Nam, Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, năm 1991), trích trong: Văn kiện Đảng, Toàn tập, Tập 51, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.902)

- A. Đoạn tư liệu thể hiện đường lối lãnh đạo về kinh tế - xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- B. Đoạn tư liệu thể hiện quan điểm phát triển hài hoà về kinh tế, xã hội, văn hoá và môi trường.
- C. Chiến lược trên được nêu ra sau khi Việt Nam về cơ bản đã thực hiện thành công công cuộc Đổi mới.
- D. Thành tựu của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam hiện nay chủ yếu là do thực hiện công bằng xã hội.

**Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:**

"Tư tưởng, đạo đức khoan dung của nhân loại cộng sinh và phát triển trên nền móng của truyền thống nhân bản và yêu nước Việt Nam là bản chất và đặc điểm quán xuyên văn hoá khoan dung Hồ Chí Minh. Điều cần nhấn mạnh là trong suốt chiều dài lịch sử ở Việt Nam đã xây dựng được truyền thống tiếp xúc, giao lưu tích hợp và phát triển văn hoá khoan dung không chỉ của châu Á mà của cả châu Âu và Bắc Mỹ,... Đến văn hoá khoan dung Hồ Chí Minh, quá trình tiếp biến và khoan dung diễn ra một cách có ý thức với cơ sở lí luận, phương pháp luận được xác định rõ ràng".

(Hoàng Khải Vĩnh, Văn hóa khoan dung Hồ Chí Minh, trích trong: Việt Nam trong thế kỉ XX, Tập 4, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.453)

- A. Đoạn tư liệu thể hiện nhận định và đánh giá của tác giả về văn hoá khoan dung Hồ Chí Minh.  
 B. Văn hoá khoan dung Hồ Chí Minh không có khác biệt so với văn hoá khoan dung truyền thống.  
 C. Văn hoá khoan dung Hồ Chí Minh đã tạo cơ sở cho văn hóa khoan dung trong truyền thống Việt Nam.  
 D. Văn hoá khoan dung Hồ Chí Minh vẫn còn nguyên giá trị trong thời đại ngày nay.

**ĐÁP ÁN:**

1.C	2.C	3.A	4.B	5.B	6.A	7.A	8.C	9.A	10.D
11.A	12.B	13.A	14.D	15.D	16.C	17.A	18.D	19.B	20.D
21.B	22.A	23.D	24.D	1.SĐĐS	2.SĐSĐ	3.ĐĐĐĐ	4.ĐSSĐ		

**ĐỀ SỐ 4****Phần 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.**

**Câu 1.** Nội dung nào sau đây là ý nghĩa sự ra đời của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết?

- A. Thể hiện sự liên minh đoàn kết giữa nước Nga và các nước Đông Âu.  
 B. Thể hiện sự liên minh đoàn kết của các nước cộng hoà Xô viết đồng minh.  
 C. Cho thấy công cuộc xây dựng chủ nghĩa ở Liên Xô đã thành công  
 D. Cho thấy Cách mạng tháng Mười ở nước Nga đã kết thúc.

**Câu 2.** Nội dung nào sau đây phản ánh đúng về các nước Đông Âu từ năm 1949 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX?

- A. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và đạt được nhiều thành tựu.  
 B. Tập trung thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng dân chủ nhân dân.  
 C. Lậm vào suy thoái, khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng.  
 D. Tiến hành cải cách để đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng.

**Câu 3.** Trong trận chiến bên bờ sông Như Nguyệt trong kháng chiến chống quân Tống (1075 – 1077), giữa lúc quân Tống rơi vào tình thế khó khăn, nhà Lý đã

- A. tiếp tục tấn công địch cho đến khi toàn thắng.  
 B. tấn công tiêu diệt toàn bộ quân Tống.  
 C. chủ động kết thúc chiến tranh bằng cách đề nghị giảng hoà.  
 D. chủ động kết thúc chiến tranh bằng cách xin nhà Tống cho hoà

**Câu 4.** Cuộc đấu tranh vũ trang lớn đầu tiên, mở đầu quá trình đấu tranh giành lại độc lập, tự chủ lâu dài của người Việt trong thời kì Bắc thuộc là

- A. khởi nghĩa Mai Thúc Loan.
- B. khởi nghĩa Hai Bà Trưng.
- C. khởi nghĩa Phùng Hưng.
- D. khởi nghĩa Lý Bí.

**Câu 5.** Tổ chức Liên hợp quốc chính thức được thành lập năm 1945 với sự kiện nào sau đây?

- A. Các thành viên Hội đồng Bảo an soạn thảo quy chế hiến chương.
- B. Các thành viên Hội đồng Bảo an thông qua dự thảo hiến chương.
- C. Các nước thành viên soạn thảo Hiến chương Liên hợp quốc,
- D. Các nước thành viên phê chuẩn Hiến chương Liên hợp quốc.

**Câu 6.** Thật từ thế giới hai cực I-an-ta sụp đổ đã tạo điều kiện gì cho các cường quốc?

- A. Có vị trí, vai trò lớn hơn trong quan hệ quốc tế.
- B. Thay thế vai trò dẫn đầu của Liên Xô trước đây
- C. Thay thế vai trò là một cực của Liên Xô trước đây
- D. Có vai trò chủ chốt và vai trò quyết định trong quan hệ quốc tế

**Câu 7.** Nội dung nào sau đây là nguyên nhân quan trọng và trực tiếp đưa đến sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực 1-an-ta?

- A. Xu thế toàn cầu hoá
- B. Sự thay đổi trong cán cân kinh tế thế giới.
- C. Sự khủng hoảng, suy yếu rồi tan rã của Liên Xô.
- D. Ảnh hưởng của cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ hai.

**Câu 8.** Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập năm 1967 tại quốc gia nào sau đây?

- A. Thái Lan.
- B. Ma-lai-xi-a.
- C. Xin-ga-po.
- D. In-đô-nê-xi-a.

**Câu 9.** ASEAN phát triển số lượng thành viên từ 5 lên 10 nước trong giai đoạn nào sau đây?

- A. 1984-1999,
- B. 1995-2000.
- C. 1985-1999.
- D. 1996-2006.

**Câu 10.** Từ sau Hiệp ước Ba-li (1976), Hội nghị Thượng đỉnh là cơ chế hoạch định chính sách cao nhất của ASEAN, thay thế cho

- A. Hội nghị Liên chính phủ.
- B. Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao.
- C. Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế.
- D. Hội nghị Tư lệnh lực lượng quốc phòng.

**Câu 11.** Nội dung nào sau đây thể hiện đúng về bối cảnh Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945?

- A. Chính phủ Trần Trọng Kim sụp đổ, quân Nhật rệu rã.
- B. Chính phủ Trần Trọng Kim giải tán, quân Nhật đầu hàng.
- C. Quân Nhật đầu hàng, Chính phủ Trần Trọng Kim chính thức tê liệt.
- D. Quân Nhật rệu rã, Chính phủ Trần Trọng Kim hoang mang, dao động.

**Câu 12.** Một trong những nguyên nhân chủ quan dẫn đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 là

- A. vai trò của Mặt trận Liên Việt trong việc tập hợp khối đoàn kết toàn dân.

- B. sự phối hợp giữa chiến trường chính diện và chiến trường sau lưng địch.
- C. sự ủng hộ của Chính phủ Trần Trọng Kim và lực lượng thân Pháp.
- D. truyền thống yêu nước và tinh thần bất khuất của nhân dân Việt Nam.

**Câu 13.** Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam (1945 – 1954) đều có vị trí quan trọng, thúc đẩy quá trình nào sau đây trên thế giới?

- A. Tan rã của hệ thống thuộc địa.
- B. Tan rã của chủ nghĩa thực dân kiểu mới.
- C. Tan rã của chế độ phân biệt chủng tộc.
- D. Tan rã của chế độ người bóc lột người.

**Câu 14.** Chiến thắng Đường 14 – Phước Long (1-1975) và chiến thắng Buôn Ma Thuột (3-1975) của Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam có điểm gì chung sau đây?

- A. Đều do quân đội Sài Gòn chủ động tấn công trước.
- B. Đều là những trận đánh thể hiện nghệ thuật nghỉ bình chiến lược.
- C. Mở ra thời cơ mới cho cách mạng miền Nam.
- D. Mở đầu sự sụp đổ nhanh chóng của chính quyền Sài Gòn.

**Câu 15.** Một trong những nội dung chính của đường lối đổi mới về kinh tế ở Việt Nam giai đoạn 1996-2006 là

- A. đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.
- B. hình thành nền kinh tế tập trung xã hội chủ nghĩa.
- C. xây dựng và hoàn thiện nền kinh tế kỹ thuật số.
- D. đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ kinh tế.

**Câu 16.** Nội dung nào sau đây **không** phải thành tựu cơ bản của đổi mới chính trị ở Việt Nam trong công cuộc Đổi mới?

- A. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng mở rộng.
- B. Hình thành hệ thống quan điểm lí luận về đường lối đổi mới
- C. Từng bước hình thành lí luận và cơ chế tập trung quan liêu.
- D. Tình hình quốc phòng, an ninh được bảo đảm và tăng cường.

**Câu 17.** Nội dung đường lối đổi mới ở Việt Nam trong giai đoạn 1996 - 2000 và từ năm 2006 đến nay đều có điểm chung nào sau đây?

- A. Đẩy mạnh đô thị hoá, hiện đại hoá.
- B. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
- C. Phát triển đô thị hoá, công nghiệp hoá nông nghiệp.
- D. Phát triển hiện đại hoá đô thị, công nghiệp hoá nông thôn.

**Câu 18.** Từ năm 1941 đến năm 1945, Đảng Cộng sản Đông Dương thể hiện chủ trương ủng hộ những lực lượng nào sau đây trong cuộc chiến chống phát xít?

- A. Liên Xô và lực lượng Đồng minh.
- B. Nhật và lực lượng Đồng minh.
- C. Lực lượng Đồng minh và phe các nước xã hội chủ nghĩa.
- D. Lực lượng Đồng minh và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.



**Câu 2.** Cho đoạn thông tin thống kê sau đây:

“Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, các địa phương đã đóng góp 261 453 lượt dân công với hơn 18 triệu ngày công, 25 056 tấn gạo, 1 824 tấn thịt và thực phẩm khô, hàng nghìn tấn rau, 20 911 xe đạp thồ, 11 800 thuyền mảng. Riêng các tỉnh Tây Bắc đã đóng góp 7 360 tấn gạo, chiếm gần 50% lượng gạo sử dụng tại mặt trận và 27% lượng gạo chuẩn bị cho chiến dịch, 389 tấn thịt, 700 - 800 tấn rau xanh”.

- A. Đoạn thông tin thể hiện đóng góp của nhân dân cả nước đối với chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.
- B. Sự đoàn kết góp sức của quân dân cả nước là một trong những nguyên nhân quan trọng đưa đến thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ.
- C. Thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ đã điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao giành thắng lợi tại Hội nghị Pa-ri.
- D. Đoạn thông tin cho thấy ngày nay vẫn cần tiếp tục phát huy bài học kết hợp bộ đội chủ lực và bộ đội chính quy trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân.

**Câu 3.** Đọc đoạn tư liệu sau đây:

"Theo nhận thức của chúng ta, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" ....".

(Nguyễn Phú Trọng, Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.25 – 26)

- A. Đoạn tư liệu phản ánh nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về nền kinh tế kế hoạch hoá bao cấp.
- B. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tuân theo các quy luật chung, nhưng được định hướng xã hội chủ nghĩa.
- C. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình của nền kinh tế Việt Nam hiện nay trong quá trình thực hiện công cuộc Đổi mới.
- D. Mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là yếu tố giúp kinh tế Việt Nam đến nay chưa bao giờ rơi vào tình trạng suy thoái.

**Câu 4.** Cho bảng dữ kiện sau đây về hoạt động của Hồ Chí Minh từ năm 1911 đến năm 1941:

Khoảng thời gian	Nội dung
1911-1923	Đi qua nhiều châu lục, nhiều nước, làm nhiều nghề khác nhau, có những hoạt động nổi bật tại Pháp.
1923-1924	Hoạt động chủ yếu tại Liên Xô, tham dự Hội nghị Quốc tế Nông dân lần thứ nhất, Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ V
1924-1928	Hoạt động chủ yếu tại Quảng Châu (Trung Quốc).
1928-1929	Hoạt động chủ yếu tại Xiêm (Thái Lan).
1929-1930	Trở lại Trung Quốc, triệu tập hội nghị thống nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
1930-1933	Hoạt động tại Hương Cảng, Trung Quốc và một số nước Đông Nam Á
1934-1938	Hoạt động chủ yếu tại Liên Xô, tham dự Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ VII
1939-1941	Hoạt động chủ yếu tại Trung Quốc trước khi về nước.

**9**

- A. Bảng dữ kiện thể hiện những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình tìm đường cứu nước và hoạt động cách mạng ở nước ngoài.
- B. Bảng dữ kiện cho thấy trong thời kì này Nguyễn Ái Quốc chủ yếu hoạt động ở Đông Nam Á.
- C. Một trong những đóng góp nổi bật của Nguyễn Ái Quốc trong thời kì này là thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương.
- D. Hành trình tìm đường cứu nước và hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc để lại dấu ấn ở nhiều nước, một số địa phương đã lập tượng đài, nhà lưu niệm.

**ĐÁP ÁN**

1.B	2.A	3.C	4.B	5.D	6.A	7.C	8.A	9.A	10.B
11.D	12.D	13.B	14.C	15.A	16.A	17.C	18.A	19.B	20.A
21.B	22.A	23.B	24.A	1.SĐĐS	2.ĐĐSS	3.SĐĐS	4.ĐSSĐ		

